

CÔNG TY CP VACXIN VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 02 /GPMT-VNVC

Vinh, ngày 24 tháng 12 năm 2024

V/v đề nghị cấp Giấy phép môi trường
của cơ sở “Trung tâm tiêm chủng
VNVC Thành phố Vinh - Công ty Cổ
phần Vacxin Việt Nam

Kính gửi: Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Vinh

1. Chúng tôi là: Công ty Cổ Phần VACXIN Việt Nam chủ cơ sở “Trung tâm tiêm chủng VNVC Thành phố Vinh” thuộc số thứ tự 2 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Căn cứ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ sở “Trung tâm tiêm chủng VNVC Thành phố Vinh” thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Vinh.

3. Địa điểm trụ sở chính: Số 180, đường Trường Chinh, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

4. Địa điểm hoạt động của cơ sở: Số 17B, đường Mai Hắc Đế, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

5. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ Phần VACXIN Việt Nam:

- Ông. NGÔ CHÍ DŨNG Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Điện thoại: 0978971177 Email: nty@ecopharma.com.vn

6. Người liên hệ trong quá trình tiến hành thủ tục:

- Ông. Ngô Duy Thái Chức vụ: Chuyên viên Môi trường
- Điện thoại: 0941400150 Email: thaind@vnvc.vn

Chúng tôi xin gửi đến Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Vinh hồ sơ gồm:

01 bản Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở: “Trung tâm tiêm chủng VNVC Thành phố Vinh - Công ty Cổ phần Vacxin Việt Nam”.

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Kính đề nghị Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Vinh xem xét cấp Giấy phép môi trường cho chúng tôi./.

Nơi nhận:
Như trên;
Lưu: TTTC.



NGÔ CHÍ DŨNG

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG.....	3
DANH MỤC HÌNH	4
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	5
CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	6
1.1. Tên chủ cơ sở	6
1.2. Tên cơ sở	6
1.3. Công suất, quy trình hoạt động, sản phẩm của cơ sở.....	7
1.3.1. Công suất của cơ sở.....	7
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	7
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	8
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	9
1.4.1. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu sử dụng của cơ sở.....	10
1.4.2. Nguồn cung cấp điện của cơ sở.....	11
1.4.3. Nguồn cung cấp nước của cơ sở	11
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	12
1.5.1. Các hạng mục công trình.....	12
1.5.2. Danh mục máy móc, thiết bị tại cơ sở.....	12
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	14
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	14
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	14
CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	16
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	16
3.1.1 Công trình thu gom, thoát nước mưa	16
3.1.3. Xử lý nước thải:.....	17
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	20
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	22

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	24
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	28
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	28
3.6.1. Biện pháp giảm thiểu vi khuẩn, vi trùng:.....	28
3.6.2. Biện pháp phòng chống cháy nổ:	28
3.6.2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với kho chứa chất thải	29
CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	30
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	30
4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải	30
4.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa.....	30
4.1.3. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận	30
4.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải. 30	
4.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải	31
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	31
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	31
CHƯƠNG V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	32
CHƯƠNG VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	33
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	33
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	33
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....	34
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.	34
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	34
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	35
6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ theo đề xuất của chủ cơ sở.....	35
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.	36
CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	37
CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	38
PHỤ LỤC BÁO CÁO	39

DANH MỤC BẢNG

Bảng 3.1. Danh mục thiết, bị hóa chất sử dụng cho HTXL nước thải.....	20
Bảng 3.2. Thống kê số lượng thùng chứa chất thải rắn thông thường	22
Bảng 3.3. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh	24
Bảng 3.4. Thống kê số lượng và thông số kỹ thuật thiết bị chứa, lưu trữ CTNH.....	26
Bảng 3.5. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở	27
Bảng 4.1. Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn	30
Bảng 4.2. Giới hạn tiếng ồn độ rung	31
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải tại cơ sở	32
Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm	33
Bảng 6.2. Kế hoạch lấy mẫu công trình xử lý chất thải	34
Bảng 6.3. Thông số quan trắc môi trường định kỳ	35

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Vị trí cơ sở.....	6
Hình 1.2. Quy trình tiêm chủng tại VNVC	8
Hình 3.1. Sơ đồ minh họa thu gom, thoát nước mưa	16
Hình 3.2. Sơ đồ minh họa mạng lưới thu gom, thoát nước thải.....	17
Hình 3.3. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải.....	18
Hình 3.4. Các thùng chứa, lưu trữ chất thải rắn thông thường	23
Hình 3.5. Sơ đồ minh họa biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường	24
Hình 3.6. Các thùng chứa chất thải lây nhiễm	25
Hình 3.7. Kho lưu trữ chất thải nguy hại	26
Hình 3.8. Sơ đồ minh họa biện pháp quản lý CTNH.....	27

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

ATHC	:	An toàn hóa chất
BOD	:	Nhu cầu oxy sinh hóa
COD	:	Nhu cầu oxy hóa học
BVMT	:	Bảo vệ môi trường
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CTR	:	Chất thải rắn
CTRSH	:	Chất thải rắn sinh hoạt
CTRCN	:	Chất thải rắn công nghiệp
CTRLN	:	Chất thải rắn lây nhiễm
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
UBND	:	Ủy ban nhân dân
HTXLNT	:	Hệ thống Xử lý nước thải
TTTC	:	Trung tâm tiêm chủng
VNVC	:	Công ty Cổ phần Vacxin Việt Nam
TT	:	Thông tư
NĐ	:	Nghị định
BTNMT	:	Bộ Tài Nguyên Môi Trường
BYT	:	Bộ Y Tế
CP	:	Chính Phủ
QH	:	Quốc Hội

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

CÔNG TY CỔ PHẦN VACXIN VIỆT NAM

- Địa chỉ văn phòng: Số 180, đường Trường Chinh, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở:

Ông. NGÔ CHÍ DŨNG

Chức vụ: Tổng Giám đốc

- Điện thoại: 09789711177

Email: nty@ecopharma.com.vn

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Vacxin Việt Nam số 0107631488 đăng ký lần đầu ngày 11/11/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 26/09/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp.

1.2. Tên cơ sở

TRUNG TÂM TIÊM CHỦNG VNVC THÀNH PHỐ VINH

- Địa điểm cơ sở: Số 17B, đường Mai Hắc Đế, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An



Hình 1.1. Vị trí cơ sở

Các vị trí tiếp giáp:

- + Phía Đông : Giáp đường Mai Hắc Đế;
- + Phía Tây : Giáp khu dân cư;;
- + Phía Nam : Công ty TNHH Quang Triều;
- + Phía Bắc : Giáp Công ty Bảo vệ thực vật.

- Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00002 đăng ký lần đầu ngày 23/2/2019 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

- Hợp đồng thuê mặt bằng số 02/2019/HĐCTMB ngày 04 tháng 03 năm 2019 giữa Công ty cổ phần thực phẩm thành phố Vinh và Công ty Cổ phần vacxin Việt Nam

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): cơ sở có tổng vốn đầu tư 10.000.000.000 (mười tỷ đồng) thuộc quy mô dự án nhóm C theo khoản 5 điều 8 của luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019 (Dự án có tổng mức đầu tư dưới 45 tỷ đồng)

- Cơ sở không thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo Phụ lục II Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày ngày 10/01/2022 của Chính phủ

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương dự án nhóm III quy định tại số thứ tự 2, mục II, phụ lục V ban hành kèm Nghị định 08/2022/NĐ-CP (Cơ sở có quy mô thuộc Dự án nhóm C có phát sinh chất thải nguy hại trên 1.200 kg/năm).

Căn cứ các nội dung nêu trên, Cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.3. Công suất, quy trình hoạt động, sản phẩm của cơ sở

1.3.1. Công suất của cơ sở

- Hoạt động chính của cơ sở là Buôn bán vacxin có kèm theo dịch vụ tiêm chủng (không có hoạt động khám, chữa bệnh).

- Số lượng nhân viên: khoảng 58 người

- Quy mô: thiết kế gồm 12 phòng khám sàng lọc và 10 phòng tiêm VNVC Thành phố Vinh tiếp đón khoảng 300 lượt khách/ngày vào ngày cao điểm.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

❖ Quy trình thực hiện dịch vụ tiêm chủng tại cơ sở

Bước 1: Đăng ký thông tin Khách hàng tại quầy lễ tân

- Đối với Khách hàng mới chưa có thông tin tại cơ sở: Lấy số thứ tự hoặc theo hướng dẫn tới quầy đăng ký thông tin để lập hồ sơ tiêm chủng, mã số Khách hàng.
- Đối với Khách hàng đã có thông tin tiêm chủng tại cơ sở: Lấy số thứ tự hoặc theo hướng dẫn để tới quầy đăng ký khám trước tiêm.
- Đối với Khách hàng mua Gói vắc xin: Được ưu tiên phục vụ tại các khu vực/ vị trí riêng, Khách hàng sẽ thông báo với nhân viên Lễ tân để được ưu tiên phục vụ.

Bước 2: Khám sàng lọc tại phòng khám, theo thứ tự trên màn hình hiển thị.

Bước 3: Bác sĩ tư vấn và chỉ định tiêm vắc xin.

Bước 4: Khách hàng nộp tiền tại quầy thu ngân (đối với Khách hàng chưa nộp tiền).

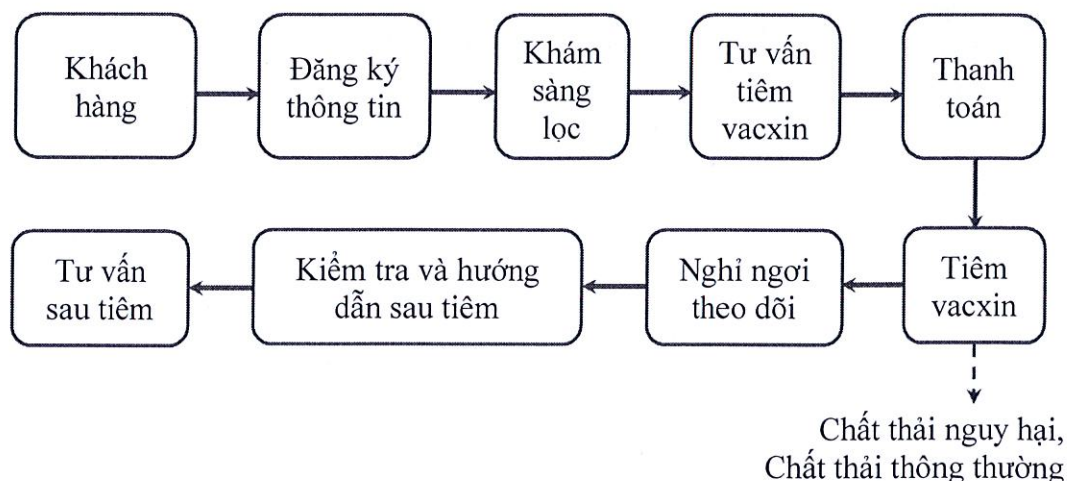
Khách hàng mua Gói vắc xin không cần thực hiện bước này, được ưu tiên mời đến phòng tiêm.

Bước 5: Tiêm vắc xin tại Phòng tiêm, theo thứ tự trên màn hình hiển thị.

Bước 6: Nghỉ ngơi tại khu vực Theo dõi sau tiêm trong khoảng 30 phút.

Bước 7: Nhân viên y tế kiểm tra sức khỏe cho người được tiêm và hướng dẫn theo dõi sau tiêm tại nhà trước khi về.

Bước 8: Hỗ trợ, tư vấn Khách hàng về các phản ứng sau tiêm hoặc các nhu cầu khác về tiêm chủng vắc xin tại trung tâm hoặc qua Tổng đài điện thoại.



Hình 1.2. Quy trình tiêm chủng tại VNVC

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

- Cơ sở có chức năng cung cấp dịch vụ tiêm chủng vắc xin cho người lớn và trẻ em theo quy định của pháp luật.

- Các loại vaccin trung tâm sử dụng tiêm chủng gồm:

Bảng 1.1. Danh mục vaccin sử dụng tại VNVC

STT	Nhóm vaccin
1	Vaccin viêm gan A
2	Vaccin viêm gan A+B
3	Vaccin viêm gan B người lớn
4	Vaccin viêm gan B trẻ em
5	Vaccin thương hàn
6	Vaccin phòng tả
7	Vaccin viêm màng não
8	Vaccin viêm màng não do HIB
9	Vaccin viêm não Nhật Bản
10	Vaccin phòng dại
11	Vaccin phòng cúm
12	Vaccin 3in1
13	Vaccin 4in1
14	Vaccin 5in1
15	Vaccin 6in1
16	Vaccin phòng sởi
17	Vaccin uốn ván
18	Vaccin uốn ván - bạch hầu
19	Vaccin phòng sởi - quai bị - rubella
20	Huyết thanh phòng uốn ván
21	Vaccin phòng thủy đậu
22	Vaccin rota virus
23	Vaccin phế cầu khuẩn
24	Vaccin phòng lao
25	Vaccin phòng ung thư cổ tử cung và các bệnh do HPV

(Nguồn: Trung tâm tiêm chủng VNVC Thành phố Vinh, 2024)

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

1.4.1. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu sử dụng của cơ sở

- Nhu cầu thiết bị, vật dụng y tế và hóa chất cơ sở cần để phục vụ cho hoạt động của trung tâm tiêm chủng như sau:

Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng thiết bị, vật dụng của cơ sở

STT	Thiết bị, vật dụng, hóa chất sử dụng	Đơn vị/ thời gian	Số lượng	Mục đích sử dụng
1	Các loại vacxin tiêm chủng tại Trung tâm	Liều/năm	66.196	Dịch vụ tiêm chủng theo nhu cầu của khách hàng
2	Bông, băng, gạc...	Kg/tháng	26	
3	Ống tiêm, kim tiêm	Kg/tháng	69	
4	Cồn các loại	Lít/tháng	40	Khử trùng, sát khuẩn
5	Nước rửa tay Lifeboy	Lít/tháng	4	Vệ sinh tay
6	Nước lau sàn	Lít/tháng	4	Vệ sinh trung tâm
7	Pin AA/AAA	Viên	1.248	Sử dụng cho máy đo nhiệt độ
8	Clo viên	Kg/tháng	9	Khử trùng nước thải sau xử lý tại hệ thống XLNT
9	Băng keo các loại	Cuộn/tháng	10	Phục vụ các hoạt động của cơ sở
10	Mực dấu SHINY S-62 (Đỏ, Xanh)	Hộp/tháng	3	
11	Túi rác, bọc xốp đen	Cuộn/tháng	9	
12	Giấy cuộn vệ sinh	Cuộn/tháng	40	
13	Giấy rút	Hộp/tháng	150	
14	Khăn giấy ướt	Túi/tháng	10	
15	Ly/cốc giấy uống nước	Cái/tháng	3.500	
16	Dụng cụ vệ sinh cơ sở	Cái	57	
17	Giấy in văn phòng các loại	Gram	78	

(Nguồn: Trung tâm tiêm chủng VNVC Thành phố Vinh, 2024)

1.4.2. Nguồn cung cấp điện của cơ sở

- Nguồn điện cung cấp cho cơ sở được lấy từ hệ thống lưới điện Quốc gia để phục vụ cho quá trình hoạt động của Cơ sở. Ngoài ra Cơ sở có trang bị một máy phát điện dự phòng công suất 250 kVA để sử dụng trong trường hợp Trung tâm bị mất điện.

- Nhu cầu sử dụng điện cho các hoạt động của cơ sở được thống kê ở bảng sau:

Bảng 1.3. Thống kê điện năng tiêu thụ năm 2024

TT	Tháng	Điện năng tiêu thụ (kw.h)
1	Tháng 5	27.277
2	Tháng 6	30.797
3	Tháng 7	31.868
Bình quân tiêu thụ		29.980

(Nguồn: Hóa đơn tiêu thụ điện năm 2024)

1.4.3. Nguồn cung cấp nước của cơ sở

- Nguồn cung cấp nước: Cơ sở sử dụng nguồn nước cấp nước của Công ty Cổ phần cấp nước Nghệ An.

- Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở: Nước cấp tại cơ sở phục vụ cho các mục đích: vệ sinh cá nhân của cán bộ nhân viên và khách hàng, lau sàn, tưới cây, phòng cháy chữa cháy,... Nhu cầu sử dụng nước Lượng nước tiêu thụ của Trung tâm được thống kê ở bảng sau:

Bảng 1.4. Thống kê lượng nước tiêu năm 2024

TT	Tháng	Lượng nước tiêu thụ (m ³)
1	Tháng 5	111
2	Tháng 6	125
3	Tháng 7	115
Bình quân tiêu thụ		117

(Nguồn: Hóa đơn tiêu thụ nước năm 2024)

- Nhu cầu xả nước thải của Cơ sở: Toàn bộ nước thải của Cơ sở phát sinh từ hoạt động sinh hoạt, với lưu lượng xả thải được tính như sau:

$$Q_{\max} = Q_{tb} \times K$$

Trong đó:

+ Q_{\max} : là lưu lượng nước thải tối đa

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở “TTTC VNVC Thành phố Vinh”

- + Q_{tb} : Lưu lượng nước thải trung bình ngày (tính bằng 100% nhu cầu cấp nước)
- + K: hệ số không điều hòa

Lượng nước thải tối đa phát sinh của Cơ sở:

$$Q_{max} = 125/30 \times 1,2 = 4,7 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.5.1. Các hạng mục công trình

Trung tâm tiêm chủng VNVC Thành phố Vinh thuê mặt bằng tại số Số 17B, đường Mai Hắc Đế, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An. Với Diện tích sàn 2.622,5 m², Trung tâm bố trí các hạng mục công trình sau:

Bảng 1.5. Hạng mục các công trình của Cơ sở

STT	Hạng mục
1	Khu vực hoạt động các dịch vụ (bao gồm phòng khám và phòng tiêm)
2	Nhà vệ sinh
3	Phòng nhân viên
4	Phòng vật tư
5	Phòng họp
6	Phòng giặt rửa, hấp sấy
7	Khu vui chơi
8	Hệ thống xử lý nước thải
9	Kho chứa chất thải nguy hại
10	Kho chứa chất thải y tế lây nhiễm
11	Kho chứa chất thải sinh hoạt

(Nguồn: Trung tâm tiêm chủng VNVC Thành phố Vinh)

1.5.2. Danh mục máy móc, thiết bị tại cơ sở

Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động của cơ sở như sau:

Bảng 1.1. Danh mục máy móc thiết bị tại cơ sở

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng
Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động của trung tâm				
1	Điều hòa không khí	Cái	15	Tốt

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở “TTTC VNVC Thành phố Vinh”

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng
2	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	1	Tốt
3	Tủ bảo quản vacxin	Cái	5	Tốt
4	Máy giặt	Cái	1	Tốt
5	Máy phát điện	Cái	1	Tốt
6	Tủ đông	Cái	1	Tốt
7	Tủ mát	Cái	1	Tốt
8	Máy nước nóng lạnh	Cái	4	Tốt
9	Màn hình/Tivi hiển thị	Cái	13	Tốt
10	Camera	Cái	23	Tốt
11	Thùng rác inox	Cái	7	Tốt
Thiết bị văn phòng, làm việc				
12	Máy tính bàn	Cái	30	Tốt
13	Máy tính cầm tay	Cái	10	Tốt
14	Máy in	Cái	20	Tốt
15	Tủ đựng tài liệu	Cái	2	Tốt

(Nguồn: Trung tâm tiêm chủng VNVC Thành phố Vinh, 2024)

CHƯƠNG II:

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

- Sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án với các quy định pháp luật và các quy hoạch phát triển có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

+ Vị trí cơ sở phù hợp với Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022.

+ Vị trí cơ sở phù hợp với Quyết định số 1059/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Vị trí cơ sở phù hợp với Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về quy hoạch Tài nguyên nước tỉnh Nghệ An đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035; Quyết định số 4077/QĐ-UBND ngày 12/9/2017 phê duyệt quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Nghệ An đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

+ Cơ sở không thuộc loại hình kinh doanh có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường;

+ Vị trí của cơ sở không có yếu tố nhạy cảm của môi trường

+ Hoạt động của cơ sở tại vị trí thuê không làm thay đổi kết cấu, công năng của Tòa nhà theo thiết kế đã được phê duyệt.

+ Bên cạnh đó, khu vực dự án có nhiều thuận lợi về cơ sở hạ tầng (giao thông, cấp điện, nước...) an sinh xã hội (gần bệnh viện, chợ, siêu thị, bến xe...) thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của dự án.

- Kết luận: vị trí của Cơ sở phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

- Đối với nước thải: Nước thải sinh hoạt của cơ sở được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải đạt Quy chuẩn Việt Nam trước khi xả ra cống thoát nước của Thành phố. Nước

thải sau xử lý nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B.

- Đối với khí thải: Hoạt động của cơ sở phát sinh khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào cơ sở, từ các thiết bị làm lạnh (điều hòa không khí), từ các hoạt động phát sinh cồn và hoạt động của máy phát điện dự phòng. Tuy nhiên lượng khí thải phát sinh mang tính chất cục bộ, phát sinh với lượng ít, trong khuôn viên cơ sở bố trí nhiều cây xanh góp phần cải thiện chất lượng không khí. Khí thải phát sinh tại cơ sở đạt QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: được phân loại tại nguồn và tập kết ở khu vực riêng biệt với chất thải nguy hại. Cơ sở đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và vận chuyển đến nơi xử lý theo quy định của Pháp luật.

- Đối với chất thải y tế, chất thải nguy hại: Các chất thải y tế và chất thải nguy hại không có thành phần lây nhiễm phát sinh từ hoạt động của trung tâm được phân loại và quản lý theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT của Bộ y tế ngày 26/11/2021 và Thông tư 02/2022/TT- BTNMT của Bộ Tài Nguyên và Môi trường ngày 10/01/2022. Cơ sở đã ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định của Pháp Luật.

Như vậy, hoạt động có phát sinh chất thải của Cơ sở như đã trình bày ở trên là phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận.

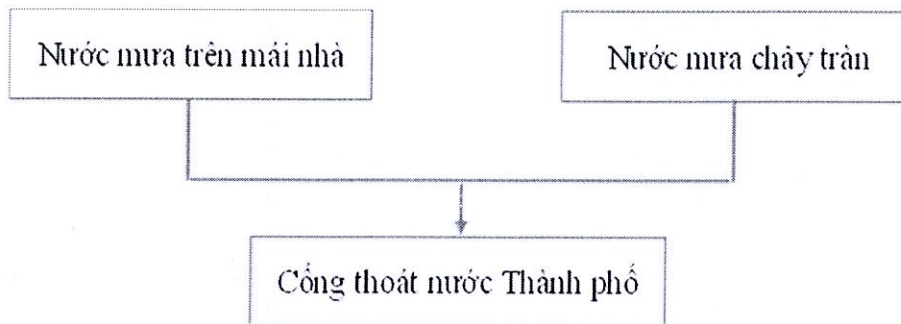
CHƯƠNG III:

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1 Công trình thu gom, thoát nước mưa

- Toàn bộ nước mưa trên mái nhà được thu bằng máng thu sau đó theo các tuyến ống uPVC Ø114 và cùng với nước mưa chảy tràn qua khuôn viên cơ sở thoát về cống thoát nước của thành phố.

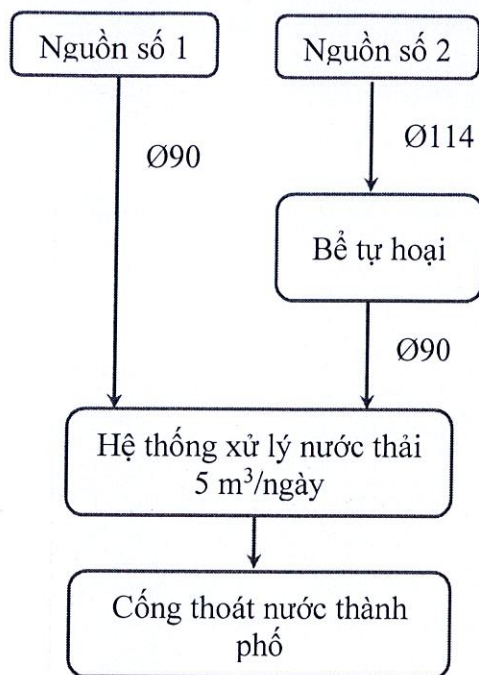


Hình 3.1. Sơ đồ minh họa thu gom, thoát nước mưa

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải:

❖ Công trình thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của Cơ sở phát sinh từ các nguồn:
 - + Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ các lavabo rửa tay khu vực dịch vụ, nước thoát sàn các tầng (nước thải xám)
 - + Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt từ chậu xí, chậu tiểu nhà vệ sinh (nước thải đen)
- Mạng lưới thu gom nước thải:
 - + Nguồn số 1: Nước thải xám được thu gom bằng đường ống chính Ø90 (thông qua mạng lưới ống nhánh Ø60) dẫn về hệ thống xử lý nước thải.
 - + Nguồn số 2: Nước thải đen từ các tầng được thu gom bằng mạng lưới đường ống Ø114 dẫn về bể tự hoại để xử lý sơ bộ sau đó theo đường ống Ø90 về hệ thống xử lý nước thải.



Hình 3.2. Sơ đồ minh họa mạng lưới thu gom, thoát nước thải

❖ **Công trình thoát nước thải:**

Nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải công suất 5m³/ngày đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt sẽ tự chảy qua đường ống uPVC Ø114 đầu nối vào cống thoát nước của thành phố, vị trí đầu nối trên đường Mai Hắc Đế.

- Chế độ xả thải: 24/24 giờ.
- Phương thức xả nước thải: tự chảy.

❖ **Điểm xả nước thải sau xử lý:**

- Vị trí xả thải của cơ sở: Số 17B, đường Mai Hắc Đế, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
- Tọa độ điểm xả nước thải: (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104⁰45', múi chiều 3⁰).

X(m): 597319.06; Y(m): 2068129.79

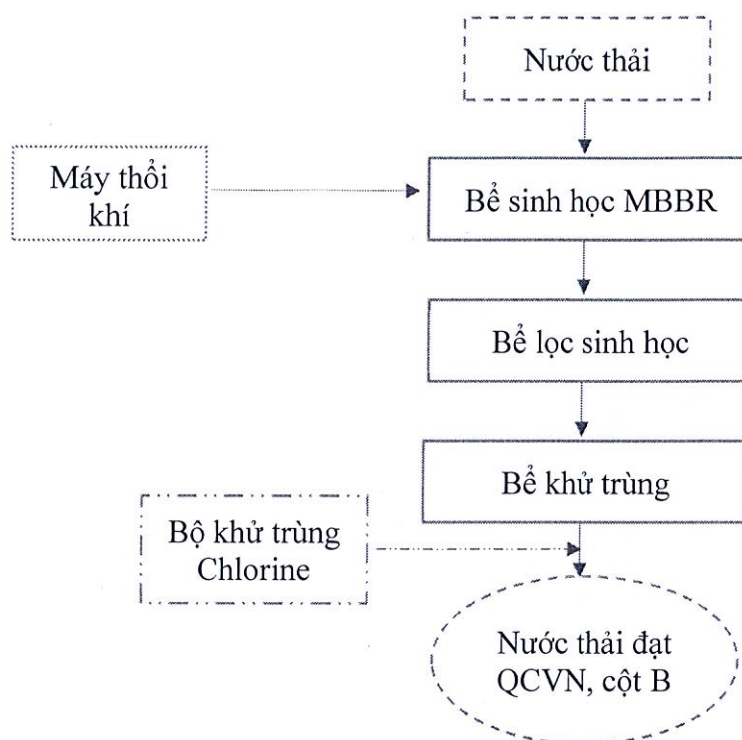
- Đánh giá sự phù hợp của điểm xả nước thải: Nước thải sinh hoạt sau xử lý đầu nối vào cống thoát nước đô thị phù hợp với quy định của Pháp Luật

3.1.3. Xử lý nước thải:

Công trình xử lý nước thải tại Trung tâm gồm có:

+ Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 5m³/ngày.đêm.

❖ **Sơ đồ công nghệ**



Hình 3.3. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải

❖ **Thuyết minh công nghệ:**

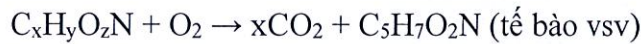
- **Bể sinh học MBBR (Moving Bed Biofilm Reactor):** Là bể xử lý sinh học hiếu khí sử dụng giá thể di động. Vi sinh vật sử dụng chất ô nhiễm trong nước thải làm nguồn cơ chất và dinh dưỡng cùng với oxy được cấp từ máy thổi khí để tổng hợp tế bào. Từ đó các chất ô nhiễm trong nước được loại bỏ. Các tế bào vi sinh vật ở mật độ cao sẽ kết dính với nhau hình thành các bông bùn lơ lửng gọi là bùn hoạt tính. Mật độ bùn hoạt tính tỷ lệ thuận với tốc độ xử lý chất ô nhiễm.

Giá thể di động là các vật liệu có chất liệu từ nhựa có diện tích bề mặt lớn lên đến 450 - 5000 m²/m³. Chúng được xem là nơi để các vi sinh vật lưu trú đồng thời tăng sự tiếp xúc giữa bùn hoạt tính với nước thải. Các vi sinh vật bám trên giá thể tạo thành lớp màng sinh học (biofilm) đây có thể xem là lớp màng lọc tự nhiên giúp giữ lại chất ô nhiễm và phân hủy chúng, điều này làm nên sự khác biệt của MBBR so với bể bùn hoạt tính thông thường. Trên các giá thể di động sẽ diễn

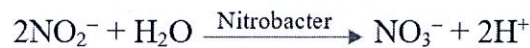
ra đồng thời các quá trình sinh học hiếu khí và thiếu khí điều này giúp tăng hiệu quả xử lý nitơ.

Các quá trình sinh học diễn ra trong bể MBBR được tóm tắt bởi các phương trình phản ứng sau:

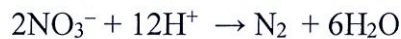
+ Quá trình oxy hóa các chất hữu cơ: các vi sinh vật hiếu khí chuyển hóa các chất hữu cơ để tổng hợp tế bào mới.



+ Quá trình Nitrit hóa: là quá trình oxy hoá Amonia (NH_4^+) thành Nitrate (NO_3^-) với sản phẩm trung gian là Nitrite (NO_2^-).



+ Quá trình khử nitrat: là quá trình chuyển hoá $N-NO_3^-$ thành khí Nitơ tự do nhờ vi sinh vật dị dưỡng trong điều kiện thiếu khí.



- **Bể lọc sinh học:** Nước thải sau khi qua bể MBBR sẽ được phân phối vào đáy bể lọc sinh học và sẽ dâng lên đi qua các lớp vật liệu lọc là các giá thể sinh học trước khi qua công đoạn khử trùng.

Các quá trình diễn ra trong bể lọc sinh học:

+ Quá trình lắng cơ học: Dòng chảy của nước thải di chuyển theo chiều từ dưới lên trên, lúc này các bông bùn hoạt tính và các chất rắn lơ lửng dưới tác dụng của trọng lực sẽ được lắng xuống, nước thải đã xử lý sẽ tiếp tục đi các lớp vật liệu lọc.

+ Quá trình lọc cơ học: Các lớp vật liệu lọc có tác dụng giữ lại các bông bùn/các chất rắn lơ lửng nhỏ chưa lắng được, giúp tăng độ sạch và trong của nước.

+ Quá trình lọc sinh học: Các bông bùn bị giữ lại sẽ sinh trưởng bám dính trên bề mặt giá thể hình thành các màng lọc sinh học (biofilm). Lớp màng này sẽ giữ lại và phân hủy các chất hòa tan trong nước còn sót lại.

+ Quá trình khử nitrat: Môi trường trong lớp vật liệu lọc là môi trường thiếu khí, do đó quá trình nitrat hóa diễn ra mạnh mẽ. Đây là công đoạn khử nitrat tăng cường của quy trình xử lý.

- **Bể khử trùng:** Là công đoạn cuối cùng trong quy trình xử lý, một thiết bị châm Chlorine (sử dụng Chlorine dạng viên nén) được gắn trên đường ống dẫn nước vào bể giúp hòa tan và trộn Chlorine vào nước. Bể khử trùng được thiết kế để đảm bảo thời gian lưu thích hợp để Chlorine có thể tiếp xúc và tiêu diệt vi khuẩn, vi rút trước khi nước được thải ra môi trường.

❖ Danh mục thiết bị hóa chất sử dụng:

Bảng 3.1. Danh mục thiết, bị hóa chất sử dụng cho HTXL nước thải

TT	Thiết bị/hóa chất	Số lượng	Thông số/liều dùng
I	Cụm bể xử lý nước thải		
1	Bể sinh học MBBR	01 bể	
2	Bể lọc sinh học	01 bể	
3	Bể khử trùng	01 bể	
II	Thiết bị, hóa chất sử dụng		
1	Máy thổi khí	01 cái	100W
2	Tủ điện điều khiển	01 cái	-
3	Men vi sinh	-	5kg/tháng
4	Chlorine	-	5g/m ³

(Nguồn: Trung tâm tiêm chủng VNVC Thành phố Vinh)

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

- Hoạt động của cơ sở phát sinh khí thải, mùi không đáng kể, từ các nguồn sau:
 - + Nguồn số 01: khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào cơ sở;
 - + Nguồn số 02: khí thải từ thiết bị làm lạnh (điều hòa không khí, tủ bảo quản vaccin...);
 - + Nguồn số 03: khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng;
 - + Nguồn số 04: mùi từ dung dịch khử khuẩn, sát trùng tại các khu vực hoạt động của cơ sở;
 - + Nguồn số 05: mùi từ các khu vực lưu chứa chất thải (chất thải nguy hại lây nhiễm, chất thải nguy hại, rác thải sinh hoạt)

❖ **Đối với khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông (nguồn số 01), khí thải từ thiết bị làm lạnh (nguồn số 02) và phát sinh từ máy phát điện dự phòng (nguồn số 03):**

Đây là các nguồn khí thải mang tính cục bộ, vì vậy cơ sở có các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Trồng nhiều cây xanh xung quanh khuôn viên cơ sở, bố trí nhiều cây cảnh trong khu vực hoạt động.

- Phương tiện giao thông của khách hàng đến cơ sở được nhắc nhở xuống xe, tắt máy và được bảo vệ của cơ sở dắt xe vào vị trí đỗ xe.

- Chỉ sử dụng máy điều hòa không khí khi nhiệt độ oi bức, nắng nóng, và sử dụng nhiệt độ phù hợp, tiết kiệm điện và hạn chế ô nhiễm môi trường.

- Các thiết bị làm lạnh (điều hòa không khí, tủ bảo quản vacxin) thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng, vệ sinh định kỳ nhằm đảm bảo thiết bị hoạt động hiệu quả, giảm khí thải phát sinh.

- Bố trí máy phát điện tại khu vực riêng biệt (máy phát điện đặt trong phòng máy phát điện) và cuối hướng gió.

- Sử dụng loại dầu có tỷ lệ % S thấp (dầu DO) để giảm thiểu nồng độ SO₂ trong khí thải.

❖ **Đối với mùi từ dung dịch khử khuẩn, sát trùng tại các khu vực hoạt động của cơ sở (nguồn số 04):**

Cơ sở thực hiện khử khuẩn, sát trùng hằng ngày đối với tay CBNV và các dụng cụ chuyên dụng; khử khuẩn, sát trùng định kỳ bằng cồn. Đây là các nguồn khí thải mang tính cục bộ, vì vậy cơ sở có các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Cồn khử khuẩn sử dụng trong cơ sở được cấp phép lưu hành theo quy định của Bộ Y tế.

- Sử dụng cồn khử khuẩn theo đúng nồng độ, hướng dẫn.

- Khi sử dụng tránh thời điểm đông người, mở cửa, bật quạt để thông thoáng khu vực và hạn chế mùi.

- Nhân viên sử dụng phải đeo khẩu trang, găng tay chuyên dụng.

❖ **Đối với mùi từ các khu vực lưu chứa chất thải (chất thải nguy hại lây nhiễm, chất thải nguy hại, rác thải sinh hoạt) (nguồn số 05):**

Đây là các nguồn khí thải mang tính cục bộ, vì vậy cơ sở có các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Chất thải được thu gom và phân loại tại nguồn.

- Chất thải nguy hại lây nhiễm được chứa trong bao kín trước khi đưa đến khu tập kết chất thải tập trung để hạn chế mùi hôi.

- Chất thải rắn sinh hoạt được để đúng nơi quy định, có đơn vị thu gom rác sinh hoạt thu gom hằng ngày.

- Bố trí các thùng rác có nắp đậy để tránh phát tán mùi hôi ra không khí.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

- Phân loại:

Chất thải rắn thông thường được thu gom, phân loại tại nguồn theo Điều 75 Mục 2 – Quản lý chất thải rắn sinh hoạt của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020. Chất thải rắn thông thường phát sinh tại cơ sở gồm chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Để phân loại chất thải rắn thông thường, cơ sở bố trí các thùng rác 15 lít đặt ở khu vực sảnh, phòng khám và phòng chờ sau tiêm. Tại phòng tiêm bố trí các thùng chứa inox 2 ngăn trong đó 1 ngăn chứa chất thải rắn thông thường. Số lượng, thông số kỹ thuật thùng chứa được thống kê ở bảng 3.2.

- Thu gom:

Toàn bộ lượng chất thải rắn thông thường sẽ chuyển sang khu vực lưu chứa chất thải. Nhân viên vệ sinh sẽ vận chuyển chất thải bằng lối đi riêng, không ảnh hưởng đến hoạt động của Trung tâm.

- Lưu trữ:

Khu vực lưu trữ chất thải rắn thông thường được bố trí ở khuôn viên của Trung tâm có diện tích khoảng 1 m². Trong khu vực bố trí 1 thùng chứa rác dung tích 500 lít, cấu tạo vật liệu HDPE để lưu trữ chất thải rắn thông thường đã phân loại.

Bảng 3.2. Thống kê số lượng thùng chứa chất thải rắn thông thường

TT	Loại thùng chứa	Thông số kỹ thuật	Chất liệu	Số lượng	Vị trí đặt
1	Thùng đơn	15 lít	Inox, HDPE	32	Sảnh và phòng khám
2	Thùng chứa 2 ngăn	DxRxH: 48 x 39 x20 cm	Inox 304	20	Phòng tiêm
3	Thùng lưu trữ CTR	500 lít	HDPE	01	Khu vực lưu

TT	Loại thùng chứa	Thông số kỹ thuật	Chất liệu	Số lượng	Vị trí đặt
	Thông thường				trữ CTR thông thường

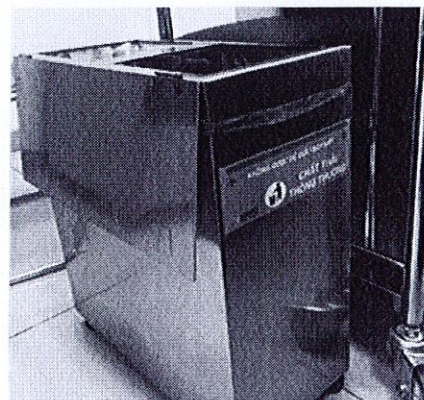
(Nguồn: Trung tâm kiểm chứng VNVC Thành phố Vinh)



Thùng chứa CTRSH



Thùng chứa CTRSH

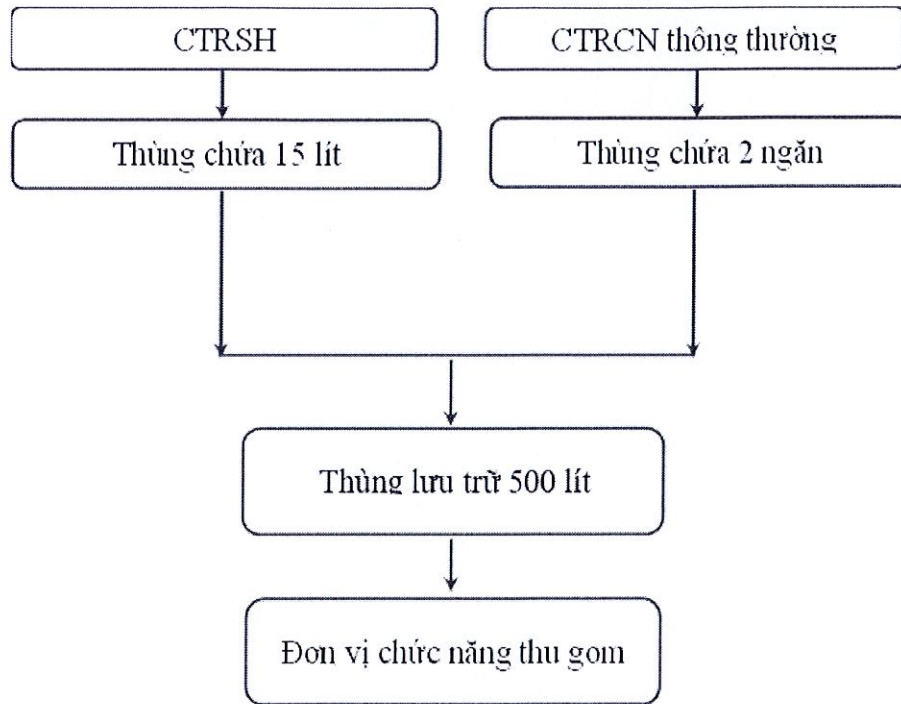


Thùng chứa 2 ngăn

Hình 3.4. Các thùng chứa, lưu trữ chất thải rắn thông thường

- Xử lý:

Cơ sở ký hợp đồng và chuyên giao chất thải rắn sinh hoạt không tái chế cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý mỗi ngày.



Hình 3.5. Sơ đồ minh họa biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường

Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường được phát sinh hằng năm được thống kê tại bảng 3.3.

Bảng 3.3. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh

STT	Loại chất thải phát sinh	Khối lượng (tấn/năm)	Đơn vị thu gom vận chuyển
1	Chất thải rắn sinh hoạt:	3	Công ty TNHH Phát triển môi trường thành phố Vinh
2	Chất thải rắn công nghiệp thông thường	0,3	
	Tổng cộng:	3,3	

(Nguồn: Trung tâm kiểm soát VNVC Thành phố Vinh)

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Phân loại:

Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở gồm: chất thải y tế lây nhiễm (bao gồm sắc nhọn và không sắc nhọn) và chất thải nguy hại không lây nhiễm.

+ Tại mỗi phòng khám, cơ sở bố trí thùng rác 15 lít chất liệu HDPE để chứa chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn.

+ Tại mỗi phòng tiêm, bố trí các thùng chứa inox 2 ngăn (trong đó có 1 ngăn chứa rác thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn) và hộp đựng rác thải y tế lây nhiễm sắc nhọn (dùng 1 lần). Số lượng, thông số kỹ thuật thùng chứa được thống kê ở bảng 3.4.

+ Tại khu vực lưu trữ chất thải nguy hại bố trí 1 thùng chứa để phân loại và lưu trữ chất thải nguy hại khác (pin, hộp mực in,...)



Hình 3.6. Các thùng chứa chất thải lây nhiễm

- Thu gom, lưu trữ:

Vào cuối ngày hoặc khi thùng chứa đầy, nhân viên sẽ thu gom và chuyển chất thải nguy hại về kho lưu trữ CTNH

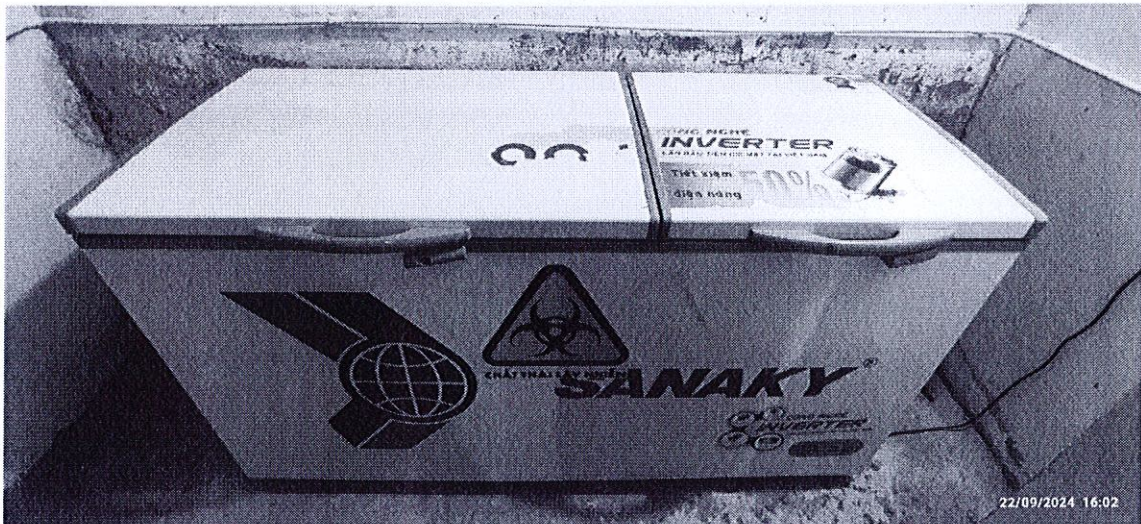
+ Chất thải lây nhiễm được lưu trữ trong tủ lạnh thể tích 550 lít

+ Chất nguy hại không lây nhiễm được lưu trữ trong thùng chứa 15 lít.

Các loại chất thải được chứa trong các bao bì riêng biệt, niêm phong và dán mã CTNH theo quy định.

Phòng lưu trữ chất thải lây nhiễm có diện tích 3m²

Chất thải nguy hại không lây nhiễm được lưu trữ riêng trong tủ inox đặt ở khuôn viên Trung tâm.



Hình 3.7. Kho lưu trữ chất thải nguy hại

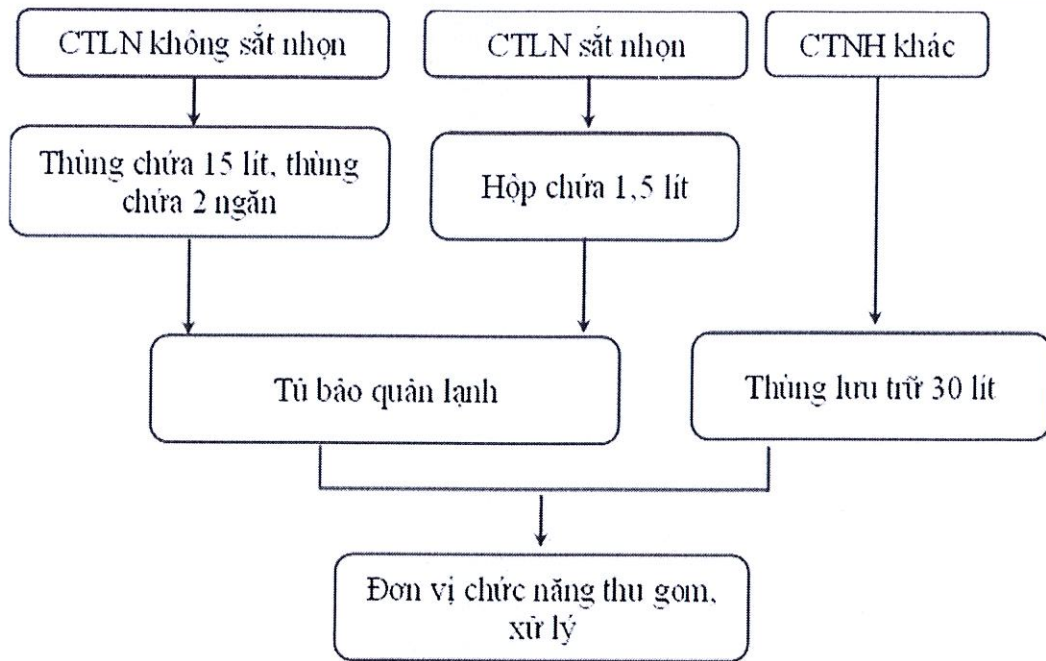
Bảng 3.4. Thống kê số lượng và thông số kỹ thuật thiết bị chứa, lưu trữ CTNH

TT	Loại thùng chứa	Thông số kỹ thuật	Chất liệu	Số lượng	Vị trí đặt
1	Thùng chứa rác y tế lây nhiễm không sắc nhọn	15 lít	HDPE	12	Phòng khám,
2	Thùng chứa 2 ngăn	DxRxC: 48 x 39 x20 cm	Inox 304	20	Phòng tiêm
3	Hộp chứa chất thải lây nhiễm sắc nhọn	2 lít	Nhựa	20	Phòng tiêm
4	Thùng lưu trữ CTNH không lây nhiễm	30 lít	HDPE	01	Kho lưu trữ CTNH
5	Tủ lạnh lưu trữ chất thải lây nhiễm	550 lít	HDPE	01	Kho lưu trữ CTNH

(Nguồn: Trung tâm tiêm chủng VNVC Thành phố Vinh)

- Xử lý:

Cơ sở đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý CTNH theo quy định Pháp luật.



Hình 3.8. Sơ đồ minh họa biện pháp quản lý CTNH

- Căn cứ theo tình hình hoạt động, tổng khối lượng CTNH của cơ sở trong 3 tháng gần nhất (từ tháng 6 đến tháng 8) được thống kê chi tiết khối lượng từng loại chất thải phát sinh cụ thể như sau:

Bảng 3.5. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/tháng)		
					Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8
1	Chất thải lây nhiễm	13 01 01	LN	Rắn	133	197	123
Tổng cộng					133	197*	123

(Nguồn: Trung tâm tiên chủng VNVC Thành phố Vinh)

Ghi chú:

- LN: Chất thải có chứa vi sinh vật hoặc độc tố gây bệnh cho người và động vật.
- NH: Chất thải nguy hại.
- (*) Khối lượng CTNH cao nhất dựa vào số liệu thống kê từ tháng 6 đến tháng 8 năm 2024

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Hoạt động của cơ sở không phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn, chủ yếu là từ hoạt động của phương tiện giao thông ra vào cơ sở, từ khách hàng đến tiêm chủng tại cơ sở, nhìn chung lượng phương tiện đến cơ sở không quá nhiều và ở mỗi khu vực được gắn các bảng nhắc nhở “Chú ý giữ gìn trật tự” nên mức độ ồn không lớn, đảm bảo đạt QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn. Ngoài ra, Trung tâm cũng yêu cầu khách khi đi vào cơ sở phải xuống xe, tắt máy dẫn bộ để hạn chế tiếng ồn.

Để tránh tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng, cơ sở có biện pháp đặt máy tại khu vực riêng biệt, máy đặt trên đế cao su để đảm bảo tiếng ồn, độ rung cho phép.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.6.1. Biện pháp giảm thiểu vi khuẩn, vi trùng:

- Biện pháp chống nhiễm khuẩn đầu tiên là giữ vệ sinh. Thường xuyên rửa tay, làm vệ sinh các khu vực. Đối với các bộ phận chuyên biệt phải có biện pháp kiểm tra vi khuẩn thường xuyên. Nhắc nhở mọi người phải giữ gìn vệ sinh chung.

- Thực hiện đúng quy định kỹ thuật về vô khuẩn các dụng cụ y tế, vệ sinh ngoại cảnh, vệ sinh cá nhân, vệ sinh an toàn thực phẩm:

+ Dụng cụ tái sử dụng phải được làm sạch hoàn toàn trước khi khử khuẩn hay tiệt khuẩn, được tráng và sấy khô đúng cách trước khi khử khuẩn hay tiệt khuẩn trước khi lưu trữ.

+ Dụng cụ vô trùng được tiếp nhận phải được giữ vô trùng cho đến khi sử dụng.

- Các thiết bị, dụng cụ y tế trong phòng được bố trí, sắp xếp thuận tiện cho việc phục vụ khách hàng và vệ sinh khử trùng.

- Bố trí thùng rác có nắp đậy tại mỗi khu vực để sử dụng.

- Trần, tường, bề mặt cửa, cánh cửa các phòng được giữ gìn sạch sẽ.

3.6.2. Biện pháp phòng chống cháy nổ:

Nếu có cháy nổ xảy ra trong quá trình hoạt động của cơ sở thì tác hại đối với tài sản và tính mạng của nhân viên trong cơ sở sẽ rất lớn. Vì vậy, trong cơ sở đảm bảo khâu thiết kế phù hợp với yêu cầu PCCC, như sau:

- Hệ thống PCCC theo tiêu chuẩn phòng chống cháy nổ quốc gia.

- Cửa thoát hiểm được bố trí phù hợp để khi có sự cố cháy nổ khách hàng và nhân viên thoát ra ngoài được dễ dàng.

- Cơ sở có bố trí trụ nước PCCC, có thể sử dụng để ứng phó sự cố cháy nổ.

- Cơ sở có quy định cấm hút thuốc lá trong khu vực khuôn viên và khu vực hoạt động dịch vụ của Trung tâm.

- Tại cơ sở đã bố trí các vật liệu cứu hỏa, bao gồm bình cứu hỏa, vật dập lửa..., được đặt tại các vị trí thích hợp và dễ nhìn thấy nhất để tiện việc sử dụng và thường xuyên tiến hành kiểm tra sự hoạt động tốt của bình chữa cháy.

- Cơ sở thường xuyên tuyên truyền, giáo dục ý thức phòng cháy chữa cháy cho nhân viên. Huấn luyện cho toàn thể nhân viên các biện pháp phòng cháy chữa cháy khi có sự cố xảy ra.

- Cơ sở thực hiện đúng theo Luật Phòng cháy Chữa cháy, tuân thủ các tiêu chuẩn và các quy định về Phòng cháy Chữa cháy.

Ứng phó sự cố cháy nổ:

1. Huy động nhanh nhất các lực lượng, phương tiện để dập tắt ngay đám cháy.
2. Tập trung cứu người, cứu tài sản và chống cháy lan.
3. Thống nhất chỉ huy, điều hành trong chữa cháy.

Trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn phải báo ngay với chính quyền địa phương và đội chữa cháy chuyên nghiệp của khu vực để tiến hành chữa cháy.

3.6.2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với kho chứa chất thải

- Bố trí kho lưu giữ chất thải nguy hại riêng biệt, cách ly với các khu vực khác trong Trung tâm.

- Xây dựng kho lưu giữ có mái che, nền bê tông, tường chắn, gờ chống nước mưa nhằm hạn chế khả năng nước mưa tạt vào kho cuốn theo các chất thải gây ô nhiễm môi trường.

- Đối với việc vận chuyển chất thải: Trung tâm đã hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại và đơn vị vận chuyển rác thải sinh hoạt theo đúng quy định. Do đó, đơn vị được thu gom, vận chuyển và xử lý sẽ có các biện pháp để đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

CHƯƠNG IV:

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải

+ Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ các lavabo rửa tay khu vực dịch vụ, nước thoát sàn các tầng (nước thải xám)

+ Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt từ chậu xí, chậu tiểu nhà vệ sinh (nước thải đen)

4.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa

Lưu lượng nước thải phát sinh tối đa của cơ sở là 5 m³/ngày.đêm.

4.1.3. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận

+ 01 dòng nước thải sinh hoạt sau xử lý đầu nối vào cống thoát nước Số 17B, đường Mai Hắc Đế, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

4.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Nước thải sau xử lý đạt cột B, theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Bảng 4.1. Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn

STT	Thông số quan trắc	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)
1	pH	-	5 - 9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4.0
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10

CHƯƠNG V:

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Kết quả quan trắc nước thải năm 2024 của Cơ sở được thể hiện ở bản sau:

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải tại cơ sở

STT	Chỉ tiêu quan trắc	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)
1	pH	-	-	5 – 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	-	50
3	TSS	mg/l	-	100
4	Amoni (tính theo N)	mg/l	-	10
5	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	-	50
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	-	4.0
7	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	-	5.000

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, hệ số k=1,2): Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt. KPH: không phát hiện
- Phiếu kết quả quan trắc đính kèm ở phần phụ lục báo cáo

CHƯƠNG VI:

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường của Chính phủ ngày 10/01/2022, Dự án thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải. Cơ sở có 01 hệ thống xử lý nước thải công suất 5m³/ngày. Chủ cơ sở sẽ thực hiện vận hành thử nghiệm cho hệ thống xử lý nước thải này sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

Theo Khoản 5 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10/01/2022, dự án không thuộc đối tượng quy định tại Cột 3 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, việc quan trắc chất thải do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải.

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: Sau khi được cấp Giấy phép môi trường.
- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm: 30 ngày kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm (Chủ dự án thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm cho cơ quan cấp Giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải công suất 5m³/ngày.đêm để theo dõi, giám sát)
- Sau khi kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm, công suất xử lý của hệ thống xử lý nước thải đạt công suất 5m³/ngày.đêm.

Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

TT	Giai đoạn vận hành	Thời gian vận hành
1	Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải	27
2	Giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải	3

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

- Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường và ngoài phạm vi của công trình được trình bày ở bảng sau:

Bảng 6.2. Kế hoạch lấy mẫu công trình xử lý chất thải

STT	Giai đoạn vận hành	Vị trí lấy mẫu	Thời điểm lấy mẫu dự kiến	Loại mẫu	Tần suất
1	Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải		-		
2	Giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải	Sau bể khử trùng hệ thống xử lý nước thải	Bắt đầu giai đoạn (ngày vận hành thử nghiệm thứ 28)	Mẫu đơn	3 ngày liên tiếp

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:

+ Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động (COSHET). Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu VIMCERT 026.

+ Công ty TNHH Khoa học Công nghệ và Phân tích Môi trường Phương Nam. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu VIMCERT 039.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Căn cứ theo Khoản 2, Điều 97 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Nghị định Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường ban hành ngày 10 tháng 01 năm 2022, Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ.

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Căn cứ Khoản 2, Điều 97 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP – Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động, liên tục.

6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ theo đề xuất của chủ cơ sở.

Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc môi trường định kỳ theo quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP, tuy nhiên để đảm bảo hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án đề xuất chương trình quan trắc chất lượng nước thải đối với dự án như sau:

- Vị trí quan trắc: 01 điểm nước thải sau hệ thống xử lý nước thải
- Thông số và tần suất quan trắc: trình bày ở bảng 6.3

Bảng 6.3. Thông số quan trắc môi trường định kỳ

STT	Thông số quan trắc	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)	Tần suất quan trắc
1	pH	-	5 - 9	1 lần/năm
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000	
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4.0	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10	
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	5.000	

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường và báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm khoảng mười hai triệu đồng.

CHƯƠNG VII:
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI
TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 2 năm gần nhất cơ sở không có các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan thẩm quyền cũng như không có các vi phạm về bảo vệ môi trường bị phản ánh hoặc xử phạt.

CHƯƠNG VIII:

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

- Chủ cơ sở cam kết tuân thủ đúng quy định của Luật Bảo vệ Môi trường và các quy định của Nhà Nước Việt Nam liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường;
 - Chủ cơ sở sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng trong quá trình hoạt động để kiểm soát mức độ ô nhiễm nhằm đạt Quy chuẩn môi trường theo quy định và phòng chống sự cố môi trường;
 - Chủ cơ sở cam kết thực hiện thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh, đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.
 - Thực hiện các biện pháp khống chế tiếng ồn sinh ra trong suốt quá trình hoạt động;
 - Cam kết thu gom, phân loại và bàn giao chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại Thông tư 20/2021/BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y Tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường.
 - Chất thải nguy hại phát sinh sẽ thu gom, phân loại và lưu giữ đúng quy định tại khu vực chất thải nguy hại, định kỳ bàn giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.
 - Chủ cơ sở sẽ tăng cường công tác đào tạo cán bộ về môi trường nhằm nâng cao năng lực quản lý môi trường trong nhà máy, bảo đảm không phát sinh các vấn đề gây ô nhiễm môi trường;
 - Chủ cơ sở cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường;
 - Chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường và vi phạm các quy chuẩn Việt Nam, các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.
- Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

PHỤ LỤC BÁO CÁO



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**



Mã số doanh nghiệp: 0107631488

Đăng ký lần đầu: ngày 11 tháng 11 năm 2016

Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 26 tháng 09 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VACXIN VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM VACCINE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VNVC.,JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 180, đường Trường Chinh, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02438824666

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ: 140.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm bốn mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 14.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGÔ CHÍ DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 13/02/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001074004420

Ngày cấp: 21/03/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 16 ngách 12/21 Đào Tấn, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 16 ngách 12/21, phố Đào Tấn, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chúng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực: 13742-1
Quyển số: SGT/BS

Ngày: 12-07-2024

TUỶ CHU TỊCH

CÔNG CHỨC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH



Lê Công Danh

TRƯỞNG PHÒNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Trần Hà Thanh

1910
MAY 10



1910

1910



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH**

Mã số địa điểm kinh doanh: 00002

Đăng ký lần đầu, ngày 22 tháng 03 năm 2019

1. Tên địa điểm kinh doanh:

VNVC THÀNH PHỐ VINH - CÔNG TY CỔ PHẦN VACXIN VIỆT NAM

Tên địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên địa điểm kinh doanh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Số 17B, đường Mai Hắc Đế, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: NGÔ CHÍ DŨNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 13/02/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001074004420

Ngày cấp: 10/01/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 16 Ngách 12/21 Phố Đào Tấn, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 16 Ngách 12/21 Phố Đào Tấn, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp/chi nhánh

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN VACXIN VIỆT NAM

Mã số doanh nghiệp: 0107631488

Địa chỉ trụ sở chính: Số 180, đường Trường Chinh, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số chứng thực cá nhân: 002882
Quyền số: 01 SCT/BS

Ngày: 30-08-2024

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG 10 - Q.Đ.Đ.



Lê Chí Hiếu



TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG
ĐĂNG KÝ
KINH DOANH

Nguyễn Trọng Bình

ՀԱՅԱՍՏԱՆԻ ՀԱՆՐԱՊԵՏՈՒԹՅԱՆ
ՊՐԵՑԻԴԵՆՏԻ ԱՊՐԱՆՈՒԹՅԱՆ
ԿՈՄԻՏԵ



ՀԱՅԱՍՏԱՆԻ ՀԱՆՐԱՊԵՏՈՒԹՅԱՆ
ՊՐԵՑԻԴԵՆՏԻ ԱՊՐԱՆՈՒԹՅԱՆ
ԿՈՄԻՏԵ

ՀԱՅԱՍՏԱՆԻ ՀԱՆՐԱՊԵՏՈՒԹՅԱՆ
ՊՐԵՑԻԴԵՆՏԻ ԱՊՐԱՆՈՒԹՅԱՆ
ԿՈՄԻՏԵ

ՀԱՅԱՍՏԱՆԻ ՀԱՆՐԱՊԵՏՈՒԹՅԱՆ
ՊՐԵՑԻԴԵՆՏԻ ԱՊՐԱՆՈՒԹՅԱՆ
ԿՈՄԻՏԵ

ՀԱՅԱՍՏԱՆԻ ՀԱՆՐԱՊԵՏՈՒԹՅԱՆ
ՊՐԵՑԻԴԵՆՏԻ ԱՊՐԱՆՈՒԹՅԱՆ
ԿՈՄԻՏԵ

ՀԱՅԱՍՏԱՆԻ ՀԱՆՐԱՊԵՏՈՒԹՅԱՆ
ՊՐԵՑԻԴԵՆՏԻ ԱՊՐԱՆՈՒԹՅԱՆ
ԿՈՄԻՏԵ

ՀԱՅԱՍՏԱՆԻ ՀԱՆՐԱՊԵՏՈՒԹՅԱՆ
ՊՐԵՑԻԴԵՆՏԻ ԱՊՐԱՆՈՒԹՅԱՆ
ԿՈՄԻՏԵ

ՀԱՅԱՍՏԱՆԻ ՀԱՆՐԱՊԵՏՈՒԹՅԱՆ
ՊՐԵՑԻԴԵՆՏԻ ԱՊՐԱՆՈՒԹՅԱՆ
ԿՈՄԻՏԵ

ՀԱՅԱՍՏԱՆԻ ՀԱՆՐԱՊԵՏՈՒԹՅԱՆ
ՊՐԵՑԻԴԵՆՏԻ ԱՊՐԱՆՈՒԹՅԱՆ
ԿՈՄԻՏԵ

ՀԱՅԱՍՏԱՆԻ ՀԱՆՐԱՊԵՏՈՒԹՅԱՆ
ՊՐԵՑԻԴԵՆՏԻ ԱՊՐԱՆՈՒԹՅԱՆ
ԿՈՄԻՏԵ

ՀԱՅԱՍՏԱՆԻ ՀԱՆՐԱՊԵՏՈՒԹՅԱՆ
ՊՐԵՑԻԴԵՆՏԻ ԱՊՐԱՆՈՒԹՅԱՆ
ԿՈՄԻՏԵ

ՀԱՅԱՍՏԱՆԻ ՀԱՆՐԱՊԵՏՈՒԹՅԱՆ
ՊՐԵՑԻԴԵՆՏԻ ԱՊՐԱՆՈՒԹՅԱՆ
ԿՈՄԻՏԵ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

.....***.....

HỢP ĐỒNG THUÊ MẶT BẰNG

Số: 02/2019/HĐTMB

Giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM THÀNH PHỐ VINH
(BÊN CHO THUÊ)

Và

CÔNG TY CỔ PHẦN VAXIN VIỆT NAM
(BÊN THUÊ)

HỢP ĐỒNG THUÊ MẶT BẰNG này được lập và ký ngày 04 tháng 03 năm 2019 giữa:

1. BÊN CHO THUÊ: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM THÀNH PHỐ VINH

Địa chỉ : Nhà ông Đào Trọng Tân, Xóm 14, xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại : 023.88600860

Mã số thuế : 2900899390

Tài khoản số : 118000037575 Ngân hàng công thương Việt Nam

Người đại diện : Ông Nguyễn Quang Hải, chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty

2. BÊN THUÊ: CÔNG TY CỔ PHẦN VACXIN VIỆT NAM

Địa chỉ : Số 180, Đường Trường Chinh, P. Khương Thượng, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội.

Điện thoại : 024. 3248666

Mã số thuế : 0107631488

Người đại diện : Ông Ngô Chí Dũng , chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Hai bên thống nhất ký Hợp Đồng Thuê Mặt Bằng (sau đây gọi tắt là: “Hợp Đồng”) với các điều khoản cụ thể như sau:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG, MỤC ĐÍCH THUÊ

- 1.1 Bên Cho Thuê đồng ý cho thuê và Bên Thuê đồng ý thuê toàn bộ công trình xây dựng, tài sản trên diện tích đất 2.622,5 m² tọa tại địa chỉ số 17B, đường Mai Hắc Đế, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (sau đây gọi tắt là: “Khu Vực Thuê”).
- 1.2 Mục đích thuê: dùng làm trụ sở chi nhánh của Bên Thuê và/hoặc địa điểm kinh doanh của Bên Thuê (bao gồm: văn phòng làm việc, hoạt động tiêm chủng vacxin và các hoạt động kinh doanh hợp pháp khác của Bên Thuê).
- 1.3 Các trang thiết bị: sẽ được Hai Bên xác nhận theo biên bản bàn giao.
- 1.4 Vào ngày bàn giao Khu Vực Thuê, Bên Cho Thuê đảm bảo hoàn thiện các hạng mục của công trình xây dựng tại Khu Vực Thuê như: hạ tầng hai bên hông và phía trước tòa nhà bao gồm vỉa hè, tường rào; trục cấp nước từ ngoài vào tòa nhà và trục thoát nước từ tòa nhà ra tới hệ thống xả thải chung của thành phố Vinh; các bể chứa nước thải, bể chứa nước sinh hoạt; hệ thống phòng cháy chữa cháy bên trong tòa nhà và trên tầng mái tòa nhà; và các hạng mục khác của công trình xây dựng tại Khu Vực Thuê theo đúng thiết kế mà Bên Cho Thuê đã gửi cho Bên Thuê, ngoại trừ các hạng mục do Bên Thuê hoàn thiện theo thỏa thuận trong Hợp Đồng này.

ĐIỀU 2. THỜI HẠN THUÊ VÀ GIA HẠN

- 2.1. Thời Hạn Thuê:

- a. Thời Hạn Thuê: 15 (mười lăm) năm, được tính bắt đầu kể từ ngày bàn giao Khu Vực Thuê.
 - b. Ngày bàn giao Khu Vực Thuê: ngày 04/03/2019. Nếu muộn hơn vì nguyên nhân của Bên nào thì coi như Bên đó vi phạm Hợp Đồng.
- 2.2. Khi hết Thời Hạn Thuê, Bên Cho Thuê ưu tiên cho Bên Thuê tiếp tục thuê Khu Vực Thuê nếu Bên Thuê có đề nghị về việc tiếp tục thuê.

ĐIỀU 3. TIỀN THUÊ, CHI PHÍ KHÁC

3.1 Tiền Thuê

- a. Tiền Thuê cho toàn bộ diện tích của Khu Vực Thuê là **250.000.000 đồng/ tháng** (Hai trăm năm mươi triệu đồng trong một tháng) (Tiền Thuê đã bao gồm thuế GTGT).
- b. Điều chỉnh Tiền Thuê:
 - Tiền Thuê nêu tại Điểm a của Khoản này được giữ nguyên trong suốt 2 (hai) năm đầu kể từ ngày Bên Cho Thuê bàn giao toàn bộ Khu Vực Thuê cho Bên Thuê.
 - Từ năm thứ 3 trở đi, cứ mỗi 2 (hai) năm sẽ điều chỉnh Tiền Thuê một lần nhưng mức tăng không quá 6% so với Tiền Thuê của đợt điều chỉnh liền kề trước đó.
- c. Thời gian miễn Tiền Thuê: Bên Cho Thuê đồng ý miễn 14 (mười bốn) tháng Tiền Thuê đầu tiên kể từ ngày Bên Cho Thuê bàn giao toàn bộ Khu Vực Thuê cho Bên Thuê.
- d. Thời điểm bắt đầu tính Tiền Thuê: Tiền Thuê sẽ được tính từ tháng thứ 15 kể từ ngày Bên Cho Thuê bàn giao toàn bộ Khu Vực Thuê cho Bên Thuê.

3.2 Chi phí khác

- a. Tiền điện, nước
Tiền điện, nước được tính theo số lượng thực tế sử dụng thể hiện trên đồng hồ gắn riêng cho Khu Vực Thuê nhân với đơn giá điện, nước. Đơn giá điện tính theo đơn giá của Công ty điện lực, đơn giá nước tính theo đơn giá của công ty cấp nước.
- b. Các dịch vụ điện thoại, internet, truyền hình,... Bên Thuê tự thỏa thuận và thanh toán trực tiếp cho nhà cung cấp.

ĐIỀU 4. ĐẶT CỌC

- 4.1 Chậm nhất vào ngày 26/3/2019, Bên Thuê đặt cọc cho Bên Cho Thuê số tiền là: 750.000.000 đồng (*Bằng chữ: bảy trăm năm mươi triệu đồng*) (sau đây gọi là "Tiền Đặt Cọc"). Số Tiền Đặt Cọc sẽ không được tính lãi.
- 4.2 Bên Cho Thuê có nghĩa vụ hoàn trả đầy đủ Tiền Đặt Cọc cho Bên Thuê trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày chấm dứt Hợp Đồng, trừ trường hợp chấm dứt Hợp Đồng nêu tại Khoản 17.2 Điều 17 của Hợp Đồng.

ĐIỀU 5. THANH TOÁN

5.1 Thời hạn thanh toán:

- Kỳ thanh toán đầu tiên: trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bắt đầu tính Tiền Thuê nêu tại Điểm d Khoản 3.1 Điều 3 của Hợp Đồng này và Bên Thuê đã nhận được hóa đơn GTGT của Bên Cho Thuê, Bên Thuê thanh toán cho Bên Cho Thuê 06 (sáu) tháng Tiền Thuê.

- Các kỳ thanh toán tiếp theo: Thanh toán định kỳ 06 (sáu) tháng một lần, trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày đầu tiên của mỗi kỳ thanh toán và Bên Thuê nhận được hóa đơn GTGT của Bên Cho Thuê.
- 5.2 Bên Thuê thanh toán bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Bên Cho Thuê theo thông tin tài khoản như sau:
- Tên tài khoản: Công ty CP thực phẩm thành phố Vinh
- Số tài khoản: 118000037575
- Tại Ngân hàng: Công thương Việt Nam – CN Nghệ An

ĐIỀU 6. THUẾ, PHÍ - LỆ PHÍ

- 6.1 Tiền Thuê đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (thuế GTGT) theo quy định của pháp luật. Bên Cho Thuê có trách nhiệm xuất hóa đơn thuế GTGT cho Bên Thuê theo mỗi kỳ thanh toán.
- 6.2 Bên Cho Thuê tự chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế áp dụng đối với Bên Cho Thuê theo quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến thu nhập của Bên Cho Thuê phát sinh từ Hợp Đồng này và các quy định pháp luật có liên quan khác từ việc cho thuê Khu Vực Thuê của Bên Cho Thuê.
- 6.3 Bên Cho Thuê phải chịu thêm các khoản Thuế, Phí – Lệ phí, Tiền thuê đất, Tiền sử dụng đất (nếu có) liên quan đến Khu Vực Thuê theo quy định của Nhà nước trong suốt Thời Hạn Thuê.

ĐIỀU 7. CÁC DỊCH VỤ VÀ TIỆN NGHI

- 7.1 Bên Cho Thuê bằng chi phí của mình lắp đặt hoàn thiện đầy đủ hệ thống điện, cấp nước từ nguồn điện, nước của đơn vị cung cấp điện, nước đến địa điểm thích hợp của Khu Vực Thuê và trong Khu Vực Thuê; hệ thống thoát nước, xả thải chất thải thông thường trong Khu Vực Thuê và kết nối đến hệ thống thoát nước, xả thải của thành phố Vinh.
- Hệ thống xả thải theo các giấy phép đặc biệt khác phục vụ cho các hoạt động kinh doanh đặc thù của Bên Thuê sẽ do Bên Thuê chịu trách nhiệm thực hiện.
- 7.2 Chi phí xử lý rác thải do Bên Thuê chịu trách nhiệm thanh toán với đơn vị cung cấp dịch vụ theo số lượng thực tế (nếu có).
- 7.3 Bên Cho Thuê phải thu xếp và hỗ trợ Bên Thuê ký hợp đồng cấp-thoát nước, điện, xử lý rác thải với đơn vị cung cấp.
- 7.4 Bên Cho Thuê đảm bảo lắp đặt hoàn thiện trạm biến áp công suất 250KVA tại Khu Vực Thuê trước ngày 20/4/2019.
- 7.5 Bên Cho Thuê phải đảm bảo Bên Thuê được sử dụng hệ thống hạ tầng viễn thông, internet, truyền hình,... đã được lắp đặt sẵn trong Khu Vực Thuê và/hoặc hỗ trợ Bên Thuê đăng ký sử dụng các dịch vụ chưa có sẵn trong Khu Vực Thuê với các đơn vị cung cấp dịch vụ.
- 7.6 Bên Cho Thuê đồng ý cho Bên Thuê lắp đặt máy móc, thiết bị theo nhu cầu của Bên Thuê để phục vụ cho hoạt động của Bên Thuê tại Khu Vực Thuê.

ĐIỀU 8. BÀN GIAO KHU VỰC THUÊ

- 8.1 Bàn giao Khu Vực Thuê

Bên Cho Thuê có nghĩa vụ bàn giao Khu Vực Thuê theo thời hạn quy định tại Điều b Khoản 2.1 Điều 2 của Hợp Đồng này. Các Bên sẽ ký biên bản bàn giao Khu Vực Thuê làm căn cứ để Bên Thuê tiếp quản Khu Vực Thuê và tính Tiền Thuê theo thỏa thuận trong Hợp Đồng này. Ngày ký biên bản bàn giao Khu Vực Thuê là ngày bàn giao Khu Vực Thuê.

8.2 Hoàn trả Khu Vực Thuê

- a. Bên Thuê có nghĩa vụ hoàn trả Khu Vực Thuê cho Bên Cho Thuê vào ngày kết thúc Thời Hạn Thuê. Bên Thuê sẽ gửi văn bản thông báo hoàn trả Khu Vực Thuê cho Bên Cho Thuê, xác định rõ ngày hoàn trả. Các Bên sẽ tiến hành hoàn trả, ký biên bản hoàn trả Khu Vực Thuê vào ngày hoàn trả. Trường hợp Bên Thuê đã gửi văn bản thông báo hoàn trả mà Bên Cho Thuê không thực hiện tiếp nhận hoàn trả hoặc từ chối ký biên bản hoàn trả Khu Vực Thuê mà không có lý do chính đáng được Bên Thuê chấp thuận thì Bên Cho Thuê đồng ý rằng ngày hoàn trả ghi trong văn bản thông báo hoàn trả sẽ được coi là ngày Bên Thuê đã hoàn trả Khu Vực Thuê cho Bên Cho Thuê. Bên Cho Thuê có trách nhiệm phải hoàn trả Tiền Đặt Cọc cho Bên Thuê theo Khoản 4.2 Điều 4 của Hợp Đồng này.
- b. Khu Vực Thuê sẽ được hoàn trả lại cho Bên Cho Thuê theo hiện trạng (về kết cấu, bố trí cơ bản) như thời điểm bàn giao tiếp nhận; ngoại trừ các hao mòn tự nhiên, những thay đổi đối với các hạng mục do Bên Cho Thuê và Bên Thuê hoàn thiện sau ngày bàn giao Khu Vực Thuê và các thay đổi do Bên Thuê sửa chữa, cải tạo.

ĐIỀU 9. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN CHO THUÊ

- 9.1 Bên Cho Thuê phải bàn giao Khu Vực Thuê theo hiện trạng và trang thiết bị đi kèm cho Bên Thuê theo đúng thỏa thuận trong Hợp Đồng. Cung cấp các tài liệu, hồ sơ thiết kế theo yêu cầu của Bên Thuê.
- 9.2 Bên Cho Thuê phải cử nhân viên có đầy đủ thẩm quyền chuyên trách theo dõi và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình Các Bên thực hiện Hợp Đồng này. Thông báo bằng văn bản cho Bên Thuê họ tên và thông tin liên lạc của nhân viên đó.
- 9.3 Bên Cho Thuê phải bảo đảm cho Bên Thuê được quyền sử dụng trọn vẹn, độc lập Khu Vực Thuê, bao gồm cả toàn bộ 2.622,5 m² đất; sử dụng các tiện ích khác của Khu Vực Thuê một cách dễ dàng, thuận lợi, ổn định và liên tục trong Thời Hạn Thuê mà không bị bất kỳ ngăn cản hay gián đoạn nào từ phía Bên Cho Thuê hay từ bất kỳ người hoặc đại diện nào do Bên Cho Thuê ủy quyền hoặc là bên đang có tranh chấp với Bên Cho Thuê, hoặc bên thứ ba nào khác. Bên Cho Thuê không được đơn phương chấm dứt/hủy bỏ Hợp Đồng trước Thời Hạn Thuê.

Trong suốt Thời Hạn Thuê của Hợp Đồng này Bên Cho Thuê hoặc bất kỳ người hoặc đại diện nào do Bên Cho Thuê ủy quyền hoặc bất kỳ bên thứ ba nào khác không được sử dụng bất cứ công trình xây dựng; tài sản nào tại Khu Vực Thuê, bao gồm cả toàn bộ 2.622,5 m² đất, trừ trường hợp được sự đồng ý bằng văn bản của Bên Thuê.
- 9.4 Bên Cho Thuê phải duy trì kết cấu và ngoại thất của Khu Vực Thuê ở điều kiện tốt nhất có thể; bảo đảm việc cung cấp điện, nước và các dịch vụ, tiện ích khác một cách thường xuyên và ổn định.
- 9.5 Bên Cho Thuê phải có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ các giấy tờ, tài liệu cần thiết chứng nhận về việc Bên Cho Thuê có quyền sở hữu, sử dụng và/hoặc quyền cho thuê Khu Vực Thuê.

- 9.6 Bên Cho Thuê phải bảo đảm rằng mục đích sử dụng, công năng của Khu Vực Thuê phù hợp với mục đích thuê của Bên Thuê.
- 9.7 Bên Cho Thuê phải trực tiếp khắc phục bằng chi phí của mình hoặc yêu cầu đơn vị bảo hành có trách nhiệm bảo hành và khắc phục các sự cố liên quan đến Khu Vực Thuê mà nguyên nhân không do lỗi của Bên Thuê. Khi xảy ra sự cố hư hỏng, Bên Thuê sẽ thông báo bằng văn bản kịp thời cho Bên Cho Thuê. Trong trường hợp thời gian khắc phục sự cố dẫn đến việc ngừng hoạt động kinh doanh của Bên Thuê thì Tiền Thuê sẽ được giảm trừ tương ứng với khoảng thời gian ngừng hoạt động và sẽ được khấu trừ vào khoản thanh toán của kỳ thanh toán kế tiếp. Trong trường hợp, Bên Cho Thuê không khắc phục trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày xảy ra sự cố, Bên Thuê có quyền bằng chi phí của mình khắc phục, xử lý sự cố hư hỏng đó. Khi đó chi phí xử lý, khắc phục được đối trừ vào Tiền Thuê. Nếu sự cố gây thiệt hại cho Bên Thuê hoặc bên thứ ba thì Bên Cho Thuê phải bồi thường thiệt hại.
- 9.8 Bên Cho Thuê phải bảo đảm cho Bên Thuê quyền được treo biển quảng cáo miễn phí bên trong và ngoài Khu Vực Thuê trong suốt Thời Hạn Thuê. Bên Cho Thuê cam kết không cho phép bất kỳ đơn vị nào sử dụng mặt ngoài của Khu Vực Thuê để quảng cáo.
- 9.9 Được quyền nhận Tiền Thuê và các khoản thanh toán khác (nếu có) từ Bên Thuê cũng như tất cả các quyền và lợi ích khác của mình theo Hợp Đồng này.
- 9.10 Bên Cho Thuê có quyền chuyển nhượng, bán, tặng cho, cầm cố, thế chấp một phần hoặc toàn bộ Khu Vực Thuê nhưng phải đảm bảo rằng bên nhận cầm cố, thế chấp, mua, nhận chuyển nhượng phải kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Bên Cho Thuê theo Hợp Đồng này; đồng thời đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của Bên Thuê. Bên Cho Thuê sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên Thuê trước tối thiểu 90 (chín mươi) ngày tính đến thời điểm thực hiện các quyền nêu trên.
- 9.11 Bên Cho Thuê cam kết hỗ trợ, cung cấp các giấy tờ, tài liệu cần thiết để Bên Thuê xin được các giấy phép theo quy định của pháp luật liên quan đến việc sử dụng Khu Vực Thuê và hoạt động của Bên Thuê như: cải tạo, sửa chữa Khu Vực Thuê, giấy phép về phòng cháy chữa cháy, môi trường, rác thải, ...
- 9.12 Bên Cho Thuê phải hỗ trợ hoặc/và làm các thủ tục với các cơ quan liên quan để đảm bảo Bên Thuê được tiến hành công việc cải tạo, sửa chữa, trang bị nội thất.
- 9.13 Bên Cho Thuê bằng chi phí của mình, phải thực hiện sửa chữa hệ thống vách kính mặt ngoài bị hư hỏng, xuống cấp mà nguyên nhân không do lỗi sử dụng của Bên Thuê.
- 9.14 Các quyền và nghĩa vụ khác theo Hợp Đồng này và theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 10. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN THUÊ

- 10.1 Có toàn quyền sử dụng Khu Vực Thuê đúng mục đích thuê theo Hợp Đồng. Không được sử dụng Khu Vực Thuê vào các mục đích kinh doanh bất hợp pháp.
- 10.2 Được quyền nhận bàn giao Khu Vực Thuê theo đúng thời hạn thỏa thuận.
- 10.3 Được quyền đầu tư, thiết kế, lắp đặt máy móc, thiết bị, trang trí nội thất phù hợp với nhu cầu sử dụng của Bên Thuê và tự chịu trách nhiệm thanh toán các chi phí, đầu tư này.

- 10.4 Được quyền ưu tiên tiếp tục thuê Khu Vực Thuê khi hết Thời Hạn Thuê.
- 10.5 Được phép cải tạo, sửa chữa Khu Vực Thuê để phục vụ cho mục đích kinh doanh của Bên Thuê (không làm ảnh hưởng đến kết cấu tòa nhà). Bên Thuê sẽ gửi Hồ sơ thiết kế cải tạo cho Bên Cho Thuê và đạt được sự chấp thuận của Bên Cho Thuê trước khi Bên Thuê tiến hành công việc cải tạo, sửa chữa.
- 10.6 Được quyền yêu cầu Bên Cho Thuê sửa chữa, khắc phục các sự cố, lỗi kỹ thuật liên quan đến kết cấu của Khu Vực Thuê.
- 10.7 Được quyền cho bên thứ ba thuê lại một phần hoặc toàn bộ Khu Vực Thuê với điều kiện là Bên Thuê phải thông báo bằng văn bản cho Bên Cho Thuê.
- 10.8 Có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn Tiền Thuê và các khoản chi phí khác (nếu có) liên quan đến việc sử dụng Khu Vực Thuê.
- 10.9 Được treo biển quảng cáo miễn phí bên trong và bên ngoài Khu Vực Thuê trong suốt thời gian thuê. Bên Thuê tự chịu mọi chi phí và trách nhiệm với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc xin cấp phép lắp đặt biển quảng cáo theo quy định.
- 10.10 Bên Thuê phải hoàn thiện các hạng mục của công trình xây dựng tại Khu Vực Thuê như: trét bả matit, sơn tường ngoài, tường trong; lát nền, sàn; ốp gạch vào tường của các khu vực WC; lát đá bậc cầu thang; cung cấp và lắp đặt lan can sắt, tay vịn gỗ, cửa đi, vách kính, cửa nhựa lõi thép, thiết bị trong khu vực WC, thang máy.
- 10.11 Bảo đảm rằng mọi đại lý, nhân viên làm việc trong phần Khu Vực Thuê tuân thủ Hợp Đồng này.
- 10.12 Giữ gìn và bảo quản Khu Vực Thuê; sửa chữa những hư hỏng đối với Khu Vực Thuê do lỗi của Bên Thuê gây ra.
- 10.13 Được di dời, mang đi toàn bộ các tài sản, trang thiết bị, hàng hóa đã đầu tư tại Khu Vực Thuê khi chấm dứt Hợp Đồng.
- 10.14 Hoàn trả lại Khu Vực Thuê cho Bên Cho Thuê theo quy định tại Hợp Đồng này.
- 10.15 Bằng chi phí của mình Bên Thuê mua bảo hiểm đối với hoạt động kinh doanh của Bên Thuê mà pháp luật quy định bắt buộc phải mua.
- 10.16 Các quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng này và theo quy định của khác pháp luật.

ĐIỀU 11. KIỂM KÊ VÀ NHỮNG THAY ĐỔI KHU VỰC THUÊ.

- 11.1 Vào ngày bàn giao Khu Vực Thuê, Bên Cho Thuê và Bên Thuê sẽ kiểm kê về trang thiết bị/đồ đạc thuộc Khu Vực Thuê, nội dung kiểm kê được thể hiện trong biên bản bàn giao.
- 11.2 Bên Thuê sẽ không được thực hiện hoạt động xây dựng hoặc thay đổi trong Khu Vực Thuê có ảnh hưởng đến kết cấu của Khu Vực Thuê khi chưa có văn bản đồng ý trước của Bên Cho Thuê. Trong trường hợp việc sửa chữa của Bên Thuê có ảnh hưởng đến kết cấu nhưng được Bên Cho Thuê đồng ý thì Bên Thuê không phải khôi phục lại Khu Vực Thuê về như tình trạng ban đầu khi hoàn trả Khu Vực Thuê cho Bên Cho Thuê.

- 11.3 Bên Thuê sẽ thông báo cho Bên Cho Thuê về mọi hư hỏng liên quan đến Khu Vực Thuê, mọi thay đổi có thể ảnh hưởng đến tài sản của Bên Cho Thuê, hoặc bất kỳ sửa chữa, thay đổi nào liên quan và/hoặc ảnh hưởng đến kết cấu của Khu Vực Thuê.

ĐIỀU 12. CAM KẾT VÀ BẢO ĐẢM

12.1 Cam kết và bảo đảm của Bên Cho Thuê

Bên Cho Thuê tại Hợp Đồng này xác nhận, cam kết và bảo đảm với Bên Thuê, vì quyền và lợi ích của Bên Thuê rằng mỗi nội dung được Bên Cho Thuê xác nhận, tuyên bố và bảo đảm dưới đây là trung thực, chính xác và đầy đủ:

- a. Bên Cho Thuê là một doanh nghiệp được thành lập và đang hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam và có đầy đủ chức năng, ngành nghề kinh doanh để cho thuê Khu Vực Thuê;
- b. Bên Cho Thuê có toàn quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam để cho thuê Khu Vực Thuê nhằm mục đích kinh doanh thương mại và phù hợp với mục đích thuê của Bên Thuê; có đầy đủ quyền để ký kết và thực hiện các nghĩa vụ của Bên Cho Thuê quy định tại Hợp Đồng này;
- c. Bên Cho Thuê đã thực hiện đầy đủ thủ tục và đạt được đầy đủ các phê chuẩn nội bộ theo quy định của Bên Cho Thuê để cho phép Bên Cho Thuê được phép ký kết và thực hiện các nghĩa vụ của Bên Cho Thuê quy định tại Hợp Đồng này;
- d. Bên Cho Thuê đảm bảo rằng các nghĩa vụ của Bên Cho Thuê quy định tại Hợp Đồng này có hiệu lực và có giá trị ràng buộc và thi hành đối với Bên Cho Thuê;
- e. Việc Bên Cho Thuê ký kết và thực hiện các nghĩa vụ của Bên Cho Thuê quy định tại Hợp Đồng này không vượt quá thẩm quyền, không vi phạm, không bị hạn chế, không trái với:
 - Bất kỳ quy định nào của pháp luật,
 - Bất kỳ thoả thuận, văn kiện hoặc cam kết nào có giá trị ràng buộc đối với Bên Cho Thuê;
- f. Việc ký kết và thực hiện các nghĩa vụ của Bên Cho Thuê quy định tại Hợp Đồng này không (i) vi phạm các văn kiện nội bộ của Bên Cho Thuê hoặc (ii) vi phạm bất kỳ phán quyết, lệnh, trát Toà án hoặc quyết định của các Toà án hoặc Trọng tài Việt Nam đang có hiệu lực áp dụng đối với Bên Cho Thuê, hoặc quy định pháp luật khác;
- g. Cam kết tự chịu trách nhiệm và bằng chi phí của mình giải quyết các tranh chấp với bất kỳ bên thứ ba nào liên quan đến Khu Vực Thuê và việc cho thuê Khu Vực Thuê quy định tại Hợp Đồng này; cam kết không để Bên Thuê bị ảnh hưởng bởi hay liên quan đến tranh chấp đó;
- h. Bên Cho Thuê cam kết và bảo đảm rằng Khu Vực Thuê đã được phê duyệt hoàn công theo đúng tiến độ và Bên Cho Thuê có giấy phép và/hoặc các giấy tờ khác chứng nhận Bên Cho Thuê sở hữu, vận hành hoặc được quyền cho thuê Khu Vực Thuê. Nếu cam kết này không được bảo đảm và dẫn đến việc Bên Thuê bị ngừng và/hoặc bị đình chỉ hoạt động tại Khu Vực Thuê thì coi như Bên Cho Thuê vi phạm Hợp Đồng này;

- i. Bên Cho Thuê cam kết và đảm bảo Khu Vực Thuê được cấp chứng nhận về phòng cháy chữa cháy và các loại giấy phép khác theo quy định của pháp luật;
- j. Mỗi tuyên bố nêu trên được hiểu là một tuyên bố riêng rẽ, độc lập và sẽ không bị hạn chế bởi bất kỳ quy định nào khác của Hợp Đồng này hay một tuyên bố khác, trừ trường hợp Hợp Đồng này có quy định khác.

12.2 Cam kết và bảo đảm của Bên Thuê

Bên Thuê tại Hợp Đồng này xác nhận, cam kết và bảo đảm với Bên Cho Thuê, vì quyền và lợi ích của Bên Cho Thuê rằng mỗi nội dung được Bên Thuê xác nhận, tuyên bố và bảo đảm dưới đây là trung thực, chính xác và đầy đủ:

- a. Bên Thuê là một doanh nghiệp được thành lập và đang hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- b. Bên Thuê có đầy đủ quyền để ký kết và thực hiện các nghĩa vụ của Bên Thuê quy định tại Hợp Đồng này;
- c. Bên Thuê đã thực hiện đầy đủ thủ tục và đạt được đầy đủ các phê chuẩn nội bộ theo quy định của Bên Thuê để cho phép Bên Thuê được phép ký kết và thực hiện các nghĩa vụ của Bên Thuê quy định tại Hợp Đồng này;
- d. Bên Thuê đảm bảo rằng các nghĩa vụ của Bên Thuê quy định tại Hợp Đồng này có hiệu lực và có giá trị ràng buộc và thi hành đối với Bên Thuê;
- e. Việc Bên Thuê ký kết và thực hiện các nghĩa vụ của Bên Thuê quy định tại Hợp Đồng này không vượt quá thẩm quyền, không vi phạm, không bị hạn chế, không trái với:
 - Bất kỳ quy định nào của pháp luật
 - Bất kỳ thoả thuận, văn kiện hoặc cam kết nào có giá trị ràng buộc đối với Bên Thuê;
- f. Việc ký kết và thực hiện các nghĩa vụ của Bên Thuê quy định tại Hợp Đồng này không (i) vi phạm các văn kiện nội bộ của Bên Thuê hoặc (ii) vi phạm bất kỳ phán quyết, lệnh, trát Toà án hoặc quyết định của các Toà án hoặc Trọng tài Việt Nam đang có hiệu lực áp dụng đối với Bên Thuê;
- g. Mỗi tuyên bố nêu trên được hiểu là một tuyên bố riêng rẽ, độc lập và sẽ không bị hạn chế bởi bất kỳ quy định nào khác của Hợp Đồng này hay một tuyên bố khác, trừ trường hợp Hợp Đồng này có quy định khác.

ĐIỀU 13. RA VÀO KHU VỰC THUÊ

- 13.1 Trong trường hợp có chứng cứ hợp pháp chứng minh vi phạm pháp luật của Bên Thuê được thực hiện tại Khu Vực Thuê, Bên Cho Thuê có quyền vào và kiểm tra Khu Vực Thuê với điều kiện phải có sự có mặt của Người đại diện theo pháp luật của Bên Thuê hoặc Người được ủy quyền hợp pháp và không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh bình thường của Bên Thuê.
- 13.2 Mọi trường hợp ra vào Khu Vực Thuê của Bên Cho Thuê không theo quy định tại Điều này sẽ bị coi là hành vi vi phạm Hợp Đồng, nếu gây thiệt hại cho Bên Thuê, Bên Cho Thuê phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- 13.3 Bên Cho Thuê đảm bảo nhân viên của mình hoặc nhà thầu của mình khi ra vào Khu Vực Thuê để sửa chữa Khu Vực Thuê theo yêu cầu của Bên Thuê phải thực hiện một cách hợp lý về thời gian và cách thức, hạn chế phiền toái, gián đoạn hoặc cản trở cho hoạt động kinh doanh bình thường của Bên Thuê.
- 13.4 Bên Thuê có quyền sử dụng và ra vào Khu Vực Thuê 24/24 giờ, bảy ngày trong tuần (kể cả ngày nghỉ, ngày lễ). Bên Thuê tự chịu trách nhiệm quản lý và an ninh của Khu Vực Thuê kể cả trang thiết bị và tài sản thuộc sở hữu của Bên Thuê.

ĐIỀU 14. HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG

- 14.1 Các Bên thống nhất rằng không Bên nào có quyền chuyển nhượng toàn bộ hay một phần các quyền và nghĩa vụ của Bên đó liên quan đến và/hoặc phát sinh từ Hợp Đồng này cho một hoặc các bên thứ ba nào khác mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia.
- 14.2 Mọi giao dịch chuyển nhượng không tuân thủ quy định này đều bị coi là vô hiệu và trách nhiệm sẽ hoàn toàn thuộc về riêng bên có lỗi.

ĐIỀU 15. BẤT KHẢ KHÁNG

- 15.1 “Sự Kiện Bất Khả Kháng”: là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, bao gồm các sự kiện sau đây: bạo động, chiến tranh, tình trạng khẩn cấp quốc gia (dù có tuyên bố hay không), khủng bố, đình công, tẩy chay, bệnh dịch, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, bão, hoặc các sự kiện thiên tai khác.
- 15.2 Bên nào không thể thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này do bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng thì không bị xem là vi phạm Hợp Đồng nhưng phải thông báo cho bên còn lại về Sự Kiện Bất Khả Kháng trong vòng 10 ngày.
- 15.3 Bên bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng phải thông báo cho Bên kia về diễn biến của Sự Kiện Bất Khả Kháng định kỳ mười (10) ngày một lần và sẽ thông báo ngay cho Bên kia khi Sự Kiện Bất Khả Kháng kết thúc.
- 15.4 Khi xảy ra một Sự Kiện Bất Khả Kháng, Bên bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng phải nỗ lực hợp lý để khắc phục và giảm thiểu hậu quả của Sự Kiện Bất Khả Kháng đó. Các Bên sẽ ngay lập tức tìm kiếm giải pháp hợp lý thông qua thảo luận chung và thực hiện mọi nỗ lực hợp lý để giảm thiểu tác động của Sự Kiện Bất Khả Kháng.
- 15.5 Trong thời gian xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng và thời gian khắc phục Sự Kiện Bất Khả Kháng dẫn đến Bên Thuê không sử dụng được Khu Vực Thuê thì Bên Thuê không phải thanh toán Tiền Thuê và các khoản tiền khác (nếu có).

ĐIỀU 16. BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI

- 16.1 Bồi thường thiệt hại đối với Bên Cho Thuê:
- a. Nếu Bên Cho Thuê vi phạm Hợp Đồng thì phải bồi thường cho Bên Thuê toàn bộ các khoản thiệt hại có liên quan.
 - b. Trường hợp Bên Cho Thuê vi phạm nghĩa vụ của Hợp Đồng dẫn đến Bên Thuê đơn phương chấm dứt/ hủy bỏ Hợp Đồng theo quy định tại Điểm a Khoản 17.3 Điều 17 của

Hợp Đồng này hoặc Bên Cho Thuê đơn phương chấm dứt/hủy bỏ Hợp Đồng trái thỏa thuận trong Hợp Đồng và/hoặc quy định của pháp luật thì Bên Cho Thuê phải hoàn trả lại cho Bên Thuê toàn bộ Tiền Đặt Cọc mà Bên Thuê đã đặt cọc, Tiền Thuê mà Bên Thuê đã thanh toán trước (tối đa 6 tháng Tiền Thuê), đồng thời Bên Cho Thuê phải bồi thường cho Bên Thuê số tiền tương đương số tiền Bên Thuê đã đặt cọc, các chi phí Bên Thuê đã đầu tư và các thiệt hại khác có liên quan.

16.2 Bồi thường thiệt hại đối với Bên Thuê:

- a. Nếu Bên Thuê vi phạm Hợp Đồng thì phải bồi thường cho Bên Cho Thuê toàn bộ các khoản thiệt hại có liên quan.
- b. Trường hợp Bên Thuê vi phạm nghĩa vụ của Hợp Đồng dẫn đến Bên Cho Thuê đơn phương chấm dứt/ hủy bỏ Hợp Đồng theo quy định tại Khoản 17.2 Điều 17 của Hợp Đồng này hoặc Bên Thuê đơn phương chấm dứt/hủy bỏ Hợp Đồng trái thỏa thuận trong Hợp Đồng và/hoặc quy định của pháp luật thì Bên Thuê bị mất toàn bộ số tiền đã đặt cọc và số tiền đã thanh toán trước.

ĐIỀU 17. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

17.1 Hợp Đồng này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký Hợp Đồng và sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- a. Hết Thời Hạn Thuê mà Hai Bên không thỏa thuận gia hạn Hợp Đồng.
- b. Một Bên bị tuyên bố phá sản hoặc giải thể.
- c. Một Bên đơn phương chấm dứt/hủy bỏ Hợp đồng.
- d. Trường hợp do bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng như quy định tại Điều 15 của Hợp Đồng này mà dẫn đến Khu Vực Thuê bị hư hỏng đến mức hoàn toàn không thể khắc phục để sử dụng được dù đã nỗ lực khắc phục.
- e. Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp Đồng.
- f. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

17.2 Bên Cho Thuê có quyền đơn phương chấm dứt/hủy bỏ Hợp Đồng mà không bị xem là vi phạm Hợp Đồng nếu Bên Thuê không khắc phục hoặc không khắc phục được các vi phạm Hợp Đồng trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản về việc yêu cầu khắc phục vi phạm từ Bên Cho Thuê. Bên Cho Thuê phải gửi thông báo về việc chấm dứt/hủy bỏ Hợp Đồng cho Bên Thuê trước ngày chấm dứt/hủy bỏ Hợp Đồng. Trong vòng 14 ngày kể từ ngày nhận được thông báo chấm dứt/hủy bỏ Hợp Đồng từ Bên Cho Thuê, Bên Thuê phải thực hiện việc di dời, hoàn trả lại Khu Vực Thuê cho Bên Cho Thuê. Bên Thuê bị mất số tiền đã đặt cọc và số tiền đã thanh toán trước theo quy định tại Điểm b Khoản 16.2 Điều 16 của Hợp Đồng.

17.3 Bên Thuê có quyền đơn phương chấm dứt/hủy bỏ Hợp Đồng mà không bị xem là vi phạm Hợp Đồng trong các trường hợp sau:

- a. Bên Cho Thuê không khắc phục hoặc không khắc phục được các vi phạm Hợp Đồng trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản về việc yêu cầu khắc phục vi phạm từ Bên Thuê. Trong trường hợp này, Bên Thuê phải gửi thông báo về việc chấm dứt/hủy bỏ hợp đồng cho Bên Cho Thuê trước ngày chấm dứt/hủy bỏ

Hợp Đồng. Bên Cho Thuê phải hoàn trả, bồi thường cho Bên Thuê theo quy định tại Điểm b Khoản 16.1 Điều 16 của Hợp Đồng.

- b. Sau khi đã thông báo bằng văn bản cho Bên Cho Thuê ít nhất 90 (chín mươi) ngày; trong trường hợp này Bên Cho Thuê hoàn trả lại Tiền Đặt Cọc cho Bên Thuê.

ĐIỀU 18. THÔNG BÁO

- 18.1 Mọi thông báo hay thông tin khác được gửi hay thực hiện theo Hợp Đồng này phải được thể hiện bằng văn bản, gửi bằng thư hay fax cho bên liên quan theo địa chỉ ghi trong phần đầu của Hợp Đồng hoặc theo địa chỉ khác đã được một Bên thông báo cho bên còn lại theo quy định của Hợp Đồng này.
- 18.2 Bất cứ thông báo hay sự trao đổi thông tin nào thực hiện theo Hợp Đồng thuê này phải gửi theo các địa chỉ ghi tại phần trên của Hợp Đồng, trừ khi có thông báo thay đổi địa chỉ bằng văn bản.

ĐIỀU 19. BẢO MẬT

Trong suốt thời hạn có hiệu lực của Hợp Đồng này và trong vòng hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày chấm dứt Hợp Đồng này, các Bên không được tiết lộ/hoặc để tiết lộ bất cứ thông tin, tài liệu nào về hoặc liên quan đến Hợp Đồng này, cũng như các thông tin, tài liệu do Bên kia cung cấp hoặc các thông tin, tài liệu của Bên kia cho bất cứ bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên đó, trừ khi phải cung cấp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 20. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 20.1 Hợp Đồng này được hiểu, diễn giải và điều chỉnh theo pháp luật của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- 20.2 Bất cứ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng này sẽ được giải quyết một cách thiện chí bằng con đường thương lượng hòa giải giữa các Bên. Nếu hòa giải không thành thì mỗi Bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam giải quyết.

ĐIỀU 21. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 21.1. Hợp Đồng này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Hợp Đồng này cùng với các phụ lục, các văn bản cấu thành toàn bộ thỏa thuận giữa các Bên và thay thế mọi thỏa thuận hoặc ghi nhớ trước đây, dù bằng lời nói hay bằng văn bản, giữa các Bên liên quan đến nội dung của Hợp Đồng này. Các phụ lục, các văn bản liên quan của Hợp Đồng này là phần không tách rời của Hợp Đồng này.
- 21.2. Mọi sửa đổi hoặc bổ sung Hợp Đồng này phải được lập bằng văn bản và được cấp có thẩm quyền các Bên ký và đóng dấu.
- 21.3. Hợp Đồng này được lập và giải thích theo ngôn ngữ tiếng Việt.
- 21.4. Trong trường hợp có bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng này bị các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tuyên bố là vô hiệu thì:
 - Các điều khoản khác của Hợp Đồng này sẽ không bị ảnh hưởng bởi việc tuyên bố vô hiệu đó và vẫn giữ nguyên hiệu lực và ràng buộc các Bên;

- Các Bên sẽ thảo luận, thỏa thuận và thay thế điều khoản vô hiệu đó bằng một điều khoản có hiệu lực theo pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên với điều kiện rằng điều khoản thay thế, sửa đổi đó phải thể hiện đúng ý chí và nguyện vọng ban đầu của các Bên tại điều khoản bị tuyên bố vô hiệu.
- 21.5. Hợp Đồng này được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên Cho Thuê giữ 02 (hai) bản, Bên Thuê giữ 02 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN CHO THUÊ



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Hải

ĐẠI DIỆN BÊN THUÊ

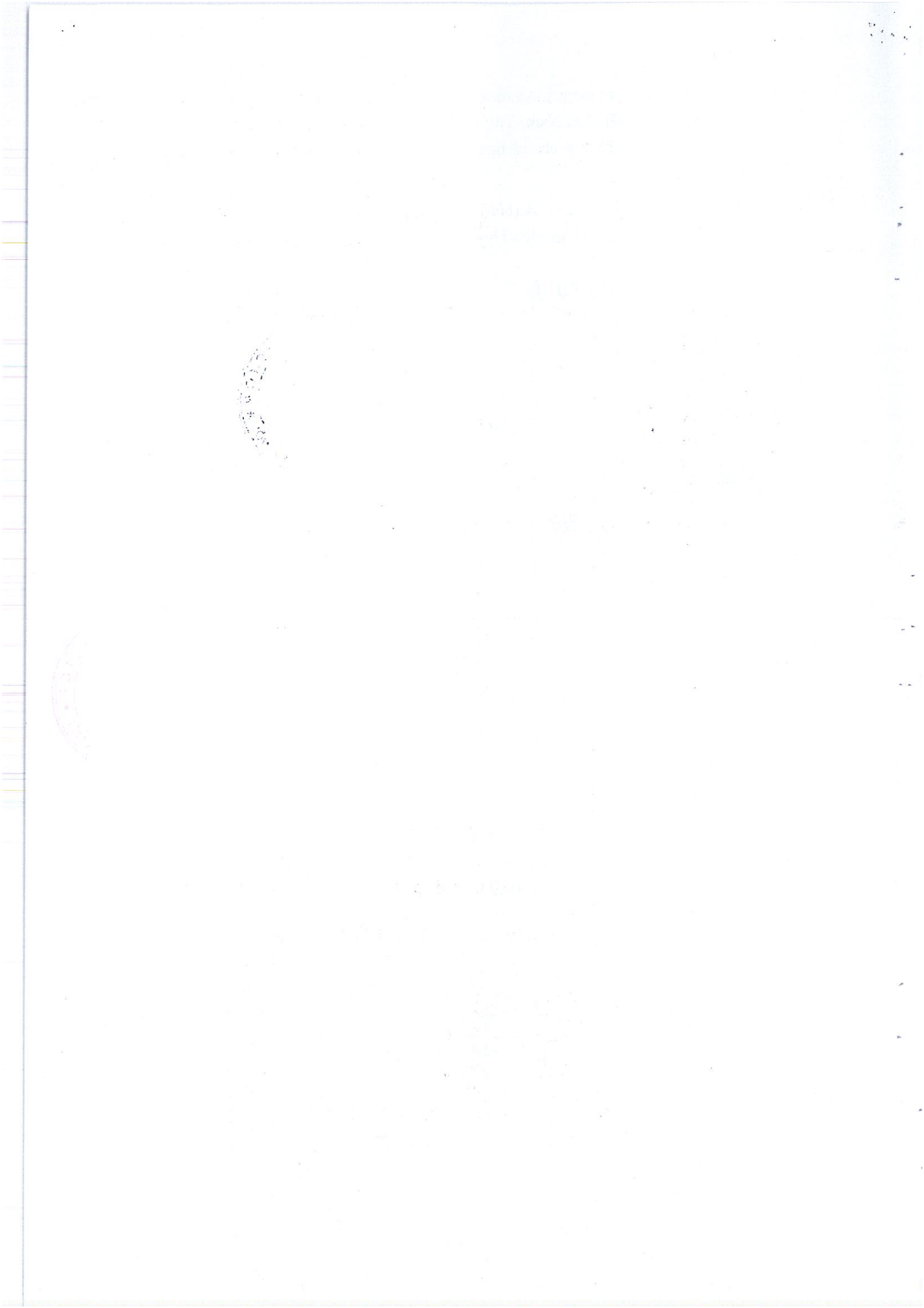


TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngô Chí Dũng

Chứng thực bản sao đúng với bản chính.
Số chứng thực: **002881** Quyền số: 01 SCT/BS
Ngày: **30-08-2024**
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG 10 - Q. PN



Lê Chí Hiếu



CÔNG TY CỔ PHẦN
VACXIN VIỆT NAM



Số: 061/2019/QĐ-VNVC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Trung tâm tiêm chủng VNVC Thành phố Vinh, Nghệ An

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN VACXIN VIỆT NAM

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107631488 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11/11/2016;
- Căn cứ quyền hạn của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vacxin Việt Nam;
- Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Trung tâm Tiêm chủng VNVC Thành phố Vinh, Nghệ An.

Điều 2. Trung tâm Tiêm chủng VNVC Thành phố Vinh, Nghệ An hoạt động theo sự điều hành, quản lý của Giám đốc Trung tâm và Ban lãnh đạo theo điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Vacxin Việt Nam.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Tiêm chủng VNVC Thành phố Vinh, Nghệ An và các Phòng ban liên quan khác có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3; (bản scan)
- Lưu bản gốc: HCNS

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGÔ CHÍ DŨNG





CÔNG TY CỔ PHẦN VẮC XIN VIỆT NAM
TRUNG TÂM VNVC TP VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *DM* /VNVC-TB

Nghệ An, ngày *11* tháng *11* năm 2023

THÔNG BÁO

Cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng

Kính gửi: Sở Y tế Tỉnh Nghệ An

Tên cơ sở thông báo: Trung tâm tiêm chủng VNVC Thành phố Vinh.

Địa chỉ: Số 17B, đường Mai Hắc Đế, Phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Người phụ trách chuyên chuyên: Bác sỹ Chế Xuân Hùng

Điện thoại liên hệ: 0357963173 Email (nếu có): hungcx@vnvc.vn

Căn cứ Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng, kính đề nghị Quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định.

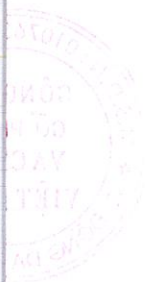
Đại diện cơ sở

NGÔ CHÍ DŨNG GIÁM ĐỐC



NGÔ CHÍ DŨNG





Tìm trong Drive



Được chia sẻ với... > Công bố tiêm chủng... > Tiêm Chủng Dịch... >

X đã chọn 1 mục



Tên ↑ Chủ sở hữu Sửa đổi... Kích cỡ tệp

Tên	Chủ sở hữu	Sửa đổi...	Kích cỡ tệp
TTH Vinh.pdf	congbotiemc...	4 thg 1, 2021	649 KB
VIA_Cửa Lò (Công bố lại).pdf	congbotiemc...	1 thg 2, 2024	614 KB
VIA_VINH.pdf	congbotiemc...	19 thg 5, 2021	301 KB
VNVC Diên Châu (Công bố lại).pdf	congbotiemc...	5 thg 1, 2023	667 KB
VNVC Đô Lương.pdf	congbotiemc...	16 thg 6, 2022	643 KB
VNVC Hoàng Mai.pdf	congbotiemc...	21 thg 12, 2021	1,3 MB
VNVC Thái Hòa (công bố lại).pdf	congbotiemc...	23 thg 11, 2022	824 KB
VNVC Vinh (Công bố lại).pdf	congbotiemc...	30 thg 11, 2023	677 KB





1. *Chlorophyta*
 2. *Charophyta*
 3. *Embryophyta*
 4. *Chlorophyta*
 5. *Charophyta*
 6. *Embryophyta*



Nghệ An, ngày 28 tháng 7 năm 2020



SỞ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI

Mã số QLCTNH: 40.000457.T
(Cấp lần thứ nhất: ngày 28/7/2020)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:

- Tên chủ nguồn thải: Công ty Cổ phần Vaccin Việt Nam.
- Địa chỉ văn phòng: Số 180, Trường Chinh, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0107631488 cấp thay đổi lần thứ 5, ngày 27/3/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
- Điện thoại: 023.73.69.68.68

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải Chất thải nguy hại (CTNH) đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH tại Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 7 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động./.

Nơi nhận: *kt*

- Như phần I;

- Lưu: VT; CCBVMT *pk*

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Thái Văn Nông

PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 40.000457.T do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An cấp lần thứ nhất ngày 28 tháng 7 năm 2020).

1. Cơ sở phát sinh CTNH:

- Tên: VNVC thành phố Vinh - Công ty Cổ phần Vacxin Việt Nam
- Địa chỉ: Số 17B, đường Mai Hắc Đế, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên (ước tính)

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn, lỏng, bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Chất thải lây nhiễm	Rắn	1.639	13 01 01
2	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	02	16 01 06
3	Hộp đựng mực in thải	Rắn	02	08 02 04
Tổng khối lượng			1.643	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

Số: 114/2023/HĐ/MTSC – VNVCV

(V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại)

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ luật số 72/2020/QH14 Luật Bảo vệ Môi trường ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 được quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ- CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường "Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường";
- Căn cứ Thông tư số 20/2021/ TT- BYT ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Y Tế "Quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế";
- Căn cứ vào năng lực của Công Ty TNHH Môi Trường Sông Công.
- Căn cứ nhu cầu của Địa điểm kinh doanh VNVC Thành phố Vinh – Công ty cổ phần Vaccin Việt Nam về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

Hôm nay, ngày 02 tháng 10 năm 2023 Tại văn phòng Công Ty TNHH Môi Trường Sông Công, Chúng tôi gồm:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN VACCIN VIỆT NAM

Địa chỉ : Số 180, đường Trường Chinh, Phương Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành Phố Hà Nội.

Điện thoại : 02438824666

MST : 0107631488

Người đại diện : Ông Ngô Chí Dũng Chức vụ: Tổng Giám đốc

BÊN B : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SÔNG CÔNG

Người lập: Lê Thị Ngọc Anh

Người kiểm tra: Huy Khánh Long

Địa chỉ : Thôn Tân Mỹ 2, Xã Tân Quang, Thành phố Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Điện thoại : 0989.691.668

Fax: 0243-2068067

Mã số thuế : 4601328385

Tài khoản : 020261888999

Tại : Ngân hàng Sacombank - chi nhánh Đông Anh – TP.Hà Nội

Người đại diện : Bà **Bùi Thị Hương**

Chức vụ : **Tổng Giám đốc**

Hai bên đã thống nhất nội dung ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1.1. Bên A thuê Bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải phát sinh từ Bên A gồm chất thải được liệt kê trong danh mục dưới đây theo đúng chức năng của Bên B đã được cấp phép tại Giấy phép xử lý CTNH mã số: 1-2-3-4-5-6.134.VX của Bên B do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp.

1.2. Toàn bộ chất thải được chuyên chở và đưa về xử lý tại khu xử lý chất thải nguy hại của Công Ty TNHH Môi Trường Sông Công tại cơ sở xử lý: khu liên hợp xử lý chất thải sông công địa chỉ: Xã Tân Quang và xã Bá Xuyên, Thành phố Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên.

1.3. Hợp đồng có thời hạn kể từ ngày 02 tháng 10 năm 2023 đến hết ngày 01 tháng 10 năm 2024.

ĐIỀU 2: ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN GIAO NHẬN, PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN

2.1. Địa điểm giao, nhận chất thải: **Địa điểm kinh doanh VNVC Thành phố Vinh – Công ty cổ phần Vaccin Việt Nam**

Địa chỉ : Số 17B, đường Mai Hắc Đế, Phường Quán Báu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

2.2. Thời gian giao nhận chất thải được hai bên thỏa thuận thống nhất: Bên A thông báo trước ít nhất 02 ngày cho Bên B.

2.3. Phương thức thực hiện hợp đồng: Trọn gói.

2.4. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm bố trí nhân công bốc xếp và phương tiện vận chuyển chuyên dụng đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển chất thải y tế, chất thải công nghiệp thông thường và nguy hại theo quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

ĐIỀU 3: DANH MỤC CHẤT THẢI, ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1. Danh mục chất thải:

Người lập: Lê Thị Ngọc Anh



Người kiểm tra: Huy Khánh Long

TT	Loại chất thải	Đơn vị tính	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn, vacxin huỷ bỏ)	Kg	13 01 01	Rắn/lỏng
2	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Kg	18 01 01	Rắn
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Kg	18 01 03	Rắn
4	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Kg	08 02 04	Rắn
5	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Kg	16 01 06	Rắn
6	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	Kg	18 01 04	Rắn
7	Pin, ắc quy thải	Kg	16 01 12	Rắn
8	Ắc quy chì thải	Kg	19 06 01	Rắn

3.2. Đơn giá xử lý:

- Chi phí cho việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải như sau:
- Nếu tổng khối lượng chất thải bàn giao của **01 tháng** $\leq 150\text{kg}$ thì chi phí vận chuyển, xử lý với giá khoán là: **3.000.000 VNĐ/tháng** Bằng chữ: Ba triệu đồng chẵn trên tháng./.)
- Nếu khối lượng chất thải bàn giao của **01 tháng** $> 150\text{kg}$, thì chi phí vận chuyển, xử lý là:

$$= [(T\text{ổng khối lượng chất thải} - 150 \text{ kg}) \times 20.000 \text{ VNĐ/kg}] + 3.000.000 \text{ VNĐ}$$
- Số lượng chất thải được tính theo số lượng thực tế mà Bên A giao cho Bên B thông qua Biên bản giao nhận có xác nhận của đại diện hai bên.

Ghi chú:

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT;
- Khối lượng chất thải đều được quy đổi bằng đơn vị kilogam;
- Xe vận chuyển có chức năng vận chuyển CTNH.

3.3. Phương thức thanh toán:

3.3.1. Hai bên căn cứ vào khối lượng thực tế để lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyến, cuối tháng lập bảng kê hai bên cùng đối chiếu và xác nhận khối lượng cho từng tháng để làm cơ sở thanh toán và xuất hóa đơn tài chính (Hóa đơn phát hành theo thông tin trên Hợp đồng mà Bên A cung cấp cho Bên B). Việc thanh toán được thực hiện bằng Việt Nam đồng (VNĐ).

Người lập: Lê Thị Ngọc Anh



Người kiểm tra: Huy Khánh Long

1076314
CÔNG
CỐ PH
VACX
VIỆT
CÔNG ĐA

3.3.2. Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản. Phí ngân hàng do bên chuyển tiền chi trả.

3.3.3. Chứng từ CTNH Bên B sẽ chuyển giao cho Bên A trong vòng 30 ngày kể từ ngày chuyển giao CTNH cho Bên B.

3.3.4. Thời gian thanh toán: Trong vòng 30 ngày kể từ khi Bên A nhận được hóa đơn tài chính. Bên A chuyển khoản thanh toán chi phí xử lý vào tài khoản số: 020261888999

Tại : Ngân hàng Sacombank- chi nhánh Đông Anh – TP.Hà Nội.

3.3.5. THÔNG TIN XUẤT HOÁ ĐƠN BÊN A:

CÔNG TY CỔ PHẦN VACXIN VIỆT NAM

Địa chỉ : Số 180 đường Trường Chinh, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa,
TP Hà Nội.

MST : 0107631488

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

4.1. Trách nhiệm của Bên A:

4.1.1. Cung cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH cho Bên B trước khi tiến hành hợp đồng. Nếu Bên A chưa đăng ký chủ nguồn thải CTNH với Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương thì Bên A có trách nhiệm cung cấp cho Bên B hồ sơ chất thải bao gồm nguồn gốc xuất xứ, các tài liệu về thu gom và quản lý chất thải, mẫu biên bản bàn giao chất thải (nếu Bên A có sử dụng loại chứng từ đặc biệt).

4.1.2. Toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động của Bên A phải được tập trung, phân loại, dán nhãn và lưu giữ cẩn thận trong kho chứa của Bên A chờ bàn giao cho Bên B thu gom, vận chuyển, xử lý. Tất cả bao bì đó sẽ được tiêu hủy và xử lý cùng với CTNH. Nếu Bên A không phân loại chất thải theo từng loại riêng biệt theo quy định môi trường, thì Bên B sẽ không nhận hàng.

4.1.3. Thông báo trước về số lượng chất thải để Bên B bố trí các phương tiện vận chuyển phù hợp. Trong một số trường hợp cần thiết Bên A có nhu cầu xử lý gấp các chất thải phát sinh, Bên A báo trước cho Bên B 01 ngày, Bên B giải quyết nhanh trên tinh thần thiện chí hai bên. Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và không bồi thường thiệt hại trong trường hợp Bên B không thực hiện vận chuyển rác thải nguy hại theo thống nhất của hai Bên.

4.1.4. Bố trí đại diện giám sát quá trình giao nhận chất thải giữa hai bên, hướng dẫn các thủ tục xuất nhập tại Địa điểm kinh doanh VNVC Thành phố Vinh để thuận lợi cho bên B ra vào giao nhận hàng.

Người lập: Lê Thị Ngọc Anh



Người kiểm tra: Huy Khánh Long

07
SỞ
CƠ
VA
VII
WG

4.1.5. Đảm bảo thành phần chất thải đúng như đã thông báo cho Bên B, tuyệt đối không trộn lẫn các loại chất thải với nhau.

4.1.6. Chất thải phải được quản lý từ nguồn theo đúng quy định của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và các nghị định thông tư theo quy định của pháp luật.

4.1.7. Khi bàn giao chất thải nguy hại, Bên B tư vấn cho Bên A lập 01 bộ “Chứng từ chất thải nguy hại” theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT để Bên A ký tên, đóng dấu ở mục 06 và giao cho Bên B trong ngày thu gom chất thải.

4.1.8. Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B. Trong thời gian thực hiện hợp đồng hoặc quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nếu xảy ra phát sinh gì thì Bên A phải thông tin, phản ánh theo đường dây nóng: Mr.Lợi 0982.315.612; Mr Long : 0936.337.468; Ms Ngọc Anh: 037.660.1423.

EEmail: moitruongsongcongkvmt@gmail.com

4.2. Trách nhiệm của Bên B:

4.2.1. Bên B có trách nhiệm thực hiện vận chuyển theo yêu cầu của Bên A để tránh tình trạng ứ đọng kho bãi, bảo đảm chất thải được xử lý và tái chế, tái sử dụng theo đúng quy định hiện hành của Chính phủ Việt Nam về bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được xử lý bằng các phương pháp đã đăng ký trong giấy phép xử lý, tiêu hủy CTNH đã được cấp của Bên B.

4.2.2. Bên B có trách nhiệm làm thủ tục xuất trình giấy tờ cần thiết và thực hiện tốt nội quy của Bên A khi xe và công nhân của Bên B ra/vào cổng Bên A.

4.2.3. Bên B phải tuân thủ các quy định của Bên A khi làm việc trong địa phận của Bên A.

4.2.4. Sau khi chất thải của Bên A được giao cho Bên B, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.

4.2.5. Vận chuyển chất thải ra khỏi cổng của Bên A khi đủ chuyến và chỉ chờ loại hàng trong danh mục chất thải của Hợp đồng này.

4.2.6. Bên B phải mang đầy đủ các phương tiện thiết bị chuyên dụng cần thiết khi đến thu gom chất thải. Tuân thủ quy chế, quy định quản lý chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật về việc thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH.

4.2.7. Bên B phải cung cấp chứng từ chất thải nguy hại cho Bên A sau khi đã hoàn thành việc xử lý chất thải nguy hại

4.2.8. Thông tin đầy đủ cho Bên A các vấn đề phát sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.

Người lập: Lê Thị Ngọc Anh



Người kiểm tra: Huy Khánh Long

37
Y
N
N
AM
TP
PH
CX
TN
DA

4.2.9. Bên B cam kết có đầy đủ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp và đáp ứng đủ các điều kiện xử lý rác thải nguy hại theo quy định pháp luật; cung cấp giấy phép xử lý CTNH và/hoặc các giấy phép/cấp phép khác cho Bên B khi ký kết Hợp đồng này hoặc khi Bên A có yêu cầu và đảm bảo các giấy tờ cung cấp cho Bên B còn hiệu lực, có giá trị pháp lý trong suốt thời hạn của Hợp đồng này.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

5.1. Bất kỳ sự sửa đổi bổ sung nào đối với Hợp đồng này đều được lập thành văn bản với sự thỏa thuận giữa hai bên và sửa đổi, bổ sung đó sẽ là một phần không tách rời Hợp đồng này.

5.2. Trong thời hạn Hợp đồng còn hiệu lực không được tự ý chấm dứt Hợp đồng, trừ trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng quy định tại Khoản 4.1.3 Điều 4 của Hợp đồng này

5.2.1. Hợp đồng được phép chấm dứt trước thời hạn khi một trong hai Bên có lý do bất khả kháng và quy định tại Khoản 4.1.3 Điều 4 của Hợp đồng này

5.2.2. Hợp đồng được chấm dứt trước thời hạn vì một trong hai bên vi phạm các điều khoản trong Hợp đồng mà không thương thuyết được thì được giải quyết theo Khoản 5.5 Điều này.

5.3. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng trước thời hạn không có lý do chính đáng thì phải bồi thường mọi thiệt hại do việc chấm dứt hợp đồng đã gây ra cho bên kia.

5.4. Mọi sửa đổi bổ sung của hợp đồng chỉ có giá trị khi có đầy đủ chữ ký xác nhận của đại diện có thẩm quyền ở cả hai bên.

5.5. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện Hợp đồng, nếu có vấn đề gì vướng mắc các bên phải kịp thời thông báo cho nhau và chủ động bàn bạc giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của cả hai bên. Trường hợp không đạt được những thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp sẽ đưa ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết. Phán quyết của Tòa là quyết định cuối cùng và có hiệu lực chấp hành đối với các bên. Chi phí giám định, kiểm tra, lệ phí Tòa, phí thuê Luật sư do bên thua kiện phải chịu theo quy định của Luật pháp Việt Nam.

ĐIỀU 6. TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

6.1. Những sự cố nằm ngoài khả năng dự đoán và kiểm soát của các bên, xảy ra không phải do lỗi của các bên và đã được các bên nỗ lực khắc phục nhưng không được như: lũ lụt, hỏa hoạn, bão, động đất, sóng thần, chiến tranh, bạo loạn, đảo chính, đình công, cấm vận, thay đổi chính sách của chính phủ,.... gọi là “sự kiện bất khả kháng”.

6.2. Khi có các sự kiện bất khả kháng xảy ra làm chậm trễ hoặc ngăn cản quá trình thực hiện hợp đồng của một trong các bên liên quan đến hợp đồng, thì bên xảy ra sự cố phải

Người lập: Lê Thị Ngọc Anh

Người kiểm tra: Huy Khánh Long

11/01/2018

nhanh chóng thông báo cho Bên còn lại trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng để cùng nhau giải quyết các vấn đề phát sinh.

ĐIỀU 7. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

7.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Nếu hết hạn Hợp đồng, một trong hai bên không có ý kiến đề nghị gia hạn thì mặc nhiên hợp đồng tự động thanh lý.

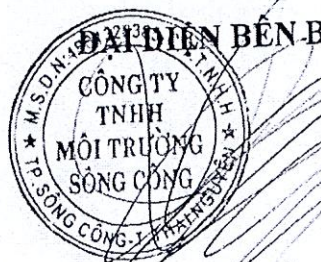
7.2. Hợp đồng này chỉ có giá trị đối với hai Bên (A và B), không có giá trị với bất cứ bên thứ ba nào khác.

7.3. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt Nam, mỗi bên giữ 02 (hai) bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Trần Thị Lohu Ngân



TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Thị Hương

11/11/11

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN MÔI
TRƯỜNG THÀNH PHỐ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 05 /2024/TPV-HĐKT

“Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt”

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH 13 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017.

- Căn cứ Luật Thương mại 35/2005/QH 11 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thông qua tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XI ngày 14/5/2005, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2006.

Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 28 tháng 05 năm 2019 của UBND tỉnh Nghệ An quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Hôm nay, ngày 01 tháng 5 năm 2024 tại Công ty TNHH Phát Triển Môi Trường Thành Phố Vinh, chúng tôi gồm có:

BÊN A: : VNVC THÀNH PHỐ VINH – CÔNG TY CP VACXIN VIỆT NAM
Địa chỉ : Số 17B Đường Mai Hắc Đế, P. Quán Bàu, TP Vinh, Nghệ An
Điện thoại : 02383606888
MST : 0107631488

Đại diện : Bà: Trần Thị Thu Ngân - Chức vụ: Giám đốc trung tâm

BÊN B: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ VINH

Địa chỉ : Số 6, ngõ 78, đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Lợi, TP. Vinh, Nghệ An

Điện thoại : 0396076666

Mã số thuế : 2902083350

Số tài khoản : 110605834888 - Ngân hàng Viettinbank - Chi nhánh Nghệ An

Đại diện : Ông Nguyễn Trung Hào Chức vụ: Giám đốc

Hai bên bàn bạc, thỏa thuận và đi đến thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản sau như sau:

ĐIỀU 01: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1.1. Bên A đồng ý cho Bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt của bên A.



1.2. Việc thu gom, vận chuyển các loại chất thải sinh hoạt được thực hiện theo phương án sau:

- Bên B dùng phương tiện, xe ô tô chuyên dụng cùng nhân công tới thu gom chất thải tại nơi tập kết của Bên A.

- Bên A tập kết chất thải hoạt động nơi tập kết để Bên B thu gom được thuận lợi.

1.3. Giá trị hợp đồng

Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng với nội dung sau:

Công ty TNHH Phát Triển Môi Trường Thành Phố Vinh đồng ý Thu gom, vận chuyển và xử lý các chất thải với đơn giá cụ thể như sau:

(đơn vị: VNĐ)

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt	tháng	1	3.000.000

(Bằng chữ: Ba triệu đồng trên một tháng)

- Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT

ĐIỀU 02: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

Hợp đồng có giá trị từ 01/5/2024 đến ngày 01/5/2025

ĐIỀU 03: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN - GIAO NHẬN HÀNG

3.1. Phương thức thanh toán:

Bên A sẽ thanh toán cho bên B 1 quý 1 lần trước ngày 10 của tháng tiếp theo

3.2. Hình thức thanh toán:

Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản

3.3. Địa điểm, thời gian và hình thức thu gom:

- **Địa điểm:** Chất thải sinh hoạt tập trung tại nơi lưu chứa của bên A và thuận tiện cho xe vận chuyển của bên B.

- **Thời gian giao nhận:**

Thời gian giao nhận theo lịch hoặc theo thoả thuận của 2 bên

- **Quy trình thu gom:**

+ Bên A tập kết rác thải sinh hoạt tại vị trí thuận lợi tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B thu gom.

+ Bên B cho xe chuyên dụng đến nơi tập trung rác thải để vận chuyển đi xử lý.

20833
CÔNG TY
PHÁT TRIỂN
MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ
VINH

0107
CÔNG
CƠ
VÀ
VIỆC
CÔNG Đ

ĐIỀU 04: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA 02 BÊN.

4.1. Quyền và trách nhiệm của bên A:

- Bên A phải thông báo cho nhân viên biết lịch, ngày giờ thu gom để đưa rác ra nơi tập kết đúng quy định.

- Bên A chịu trách nhiệm phân công người giám sát việc phân loại các loại rác, không để các loại rác khác lẫn vào rác thải sinh hoạt (rác thải xây dựng, rác thải nguy hại, rác thải công nghiệp,....).

- Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B thu gom và vận chuyển rác đi xử lý, cử nhân viên có thẩm quyền giải quyết các công việc phát sinh trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng.

- Được quyền kiểm tra, giám sát quá trình làm việc của Bên B.

- Không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với các loại rác thải sinh hoạt giao cho Bên B xử lý sau khi đã được vận chuyển ra khỏi Bên A.

- Thực hiện việc thanh toán đầy đủ như Điều 3 hợp đồng.

4.2. Quyền và trách nhiệm của bên B:

- Thực hiện đúng theo thỏa thuận tại hợp đồng này.

- Thực hiện thu gom các loại rác thải sinh hoạt theo lịch đã thỏa thuận với Bên A.

- Mọi chi phí phát sinh, rủi ro trong quá trình vận chuyển Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm chi trả bằng kinh phí của mình.

- Bên B có quyền dừng hoạt động thu gom rác nếu Bên B chậm trễ hoặc không phối hợp trong công tác chi trả phí môi trường như thỏa thuận.

- Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc vận chuyển các loại rác thải sinh hoạt thu gom tại bên A khi ra khỏi đơn vị. Trong trường hợp có khiếu nại về việc liên quan đến các loại rác thải khi bên B chuyển đi để xử lý thì bên B phải đứng ra giải quyết và hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu có sự tranh chấp xảy ra.

- Trong trường hợp xe hư hỏng Bên B sẽ sắp xếp (bố trí) thay thế phương tiện để thu gom rác thải trong thời gian sớm nhất (24 giờ).

- Tuân thủ qui định nội bộ của Bên A trong quá trình làm việc trong khu vực của Bên A.

- Thực hiện việc thanh toán đầy đủ như Điều 3 hợp đồng.

ĐIỀU 05: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

5.1. Hai bên cam kết thi hành đúng các điều khoản của hợp đồng.

5.2. Trong quá trình thực hiện các nội dung theo hợp đồng. Nếu bên B không đảm bảo được các yêu cầu về luật môi trường, bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng này với Bên B.



5.3. Trong quá trình thực hiện hợp đồng này khi có phát sinh vấn đề thì hai bên cùng bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác cùng tháo gỡ khó khăn. Trong trường hợp hai bên với tất cả nỗ lực của mình mà vẫn không tự giải quyết được đưa ra tòa án có thẩm quyền tại Nghệ An để giải quyết, các chi phí liên quan đến tranh tụng tại tòa sẽ do bên thua kiện chịu.

5.4. Hợp đồng này được lập thành 02 bản tiếng Việt có giá trị như nhau bên A giữ 01 bản và bên B giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Trần Thị Thu Ngân

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trung Hào





GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY CP THỨC PHẨM THÀNH PHỐ VINH

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 2900899390 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp. Đăng ký lần đầu ngày 30/5/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 27/6/2018.
Địa chỉ trụ sở chính: Nhà ông Đào Trọng Tân, xóm 14, xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

CP 894655

Số phát hành GCN: CP 894655 Số vào sổ cấp GCN:(CT) 21707

Thửa đất số: 10 Tờ bản đồ số: 8

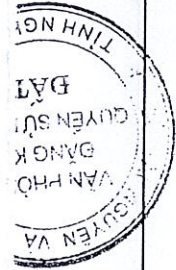
TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Tại sản gắn liền với đất đã hình thành, được chứng nhận QSH trên Giấy chứng nhận mã số CP 894655 và tiếp tục thế chấp (Trung tâm thương mại) tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (Địa chỉ: Số 07, đường Nguyễn Sỹ Sách, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An) theo hồ sơ số 000026.TC.001./.

F. GIÁM ĐỐC
NGUYỄN TRỌNG SỸ



Trang bổ sung số: ...

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Thửa đất số: 10, tờ bản đồ số: 8;

- b) Địa chỉ thửa đất: Phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;
- c) Diện tích: 2.622,5 m², (Bảng chữ: Hai nghìn sáu trăm hai mươi hai phẩy năm mét vuông);
- d) Hình thức sử dụng đất: Riêng: 2.622,5 m², chung: Không;
- e) Mục đích sử dụng đất: Đất thương mại, dịch vụ;
- e) Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 27/7/2049;
- g) Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm;

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

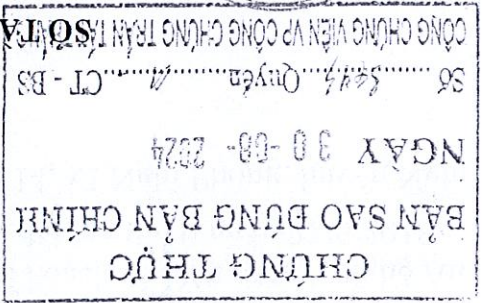
STT	Hàng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²), công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sử dụng
I	Trung tâm thương mại	856,8	2868,4	Sở hữu riêng	III	"-/-"

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Được cấp đổi từ Giấy chứng nhận mã số AO 778122 cấp ngày 26/11/2009.

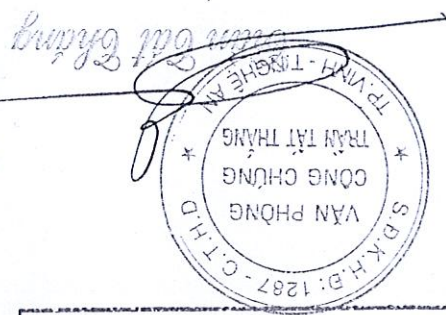


TRẦN TÀI NGUYỄN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH NGHỆ AN

GIÁM ĐỌC



Võ Duy Việt

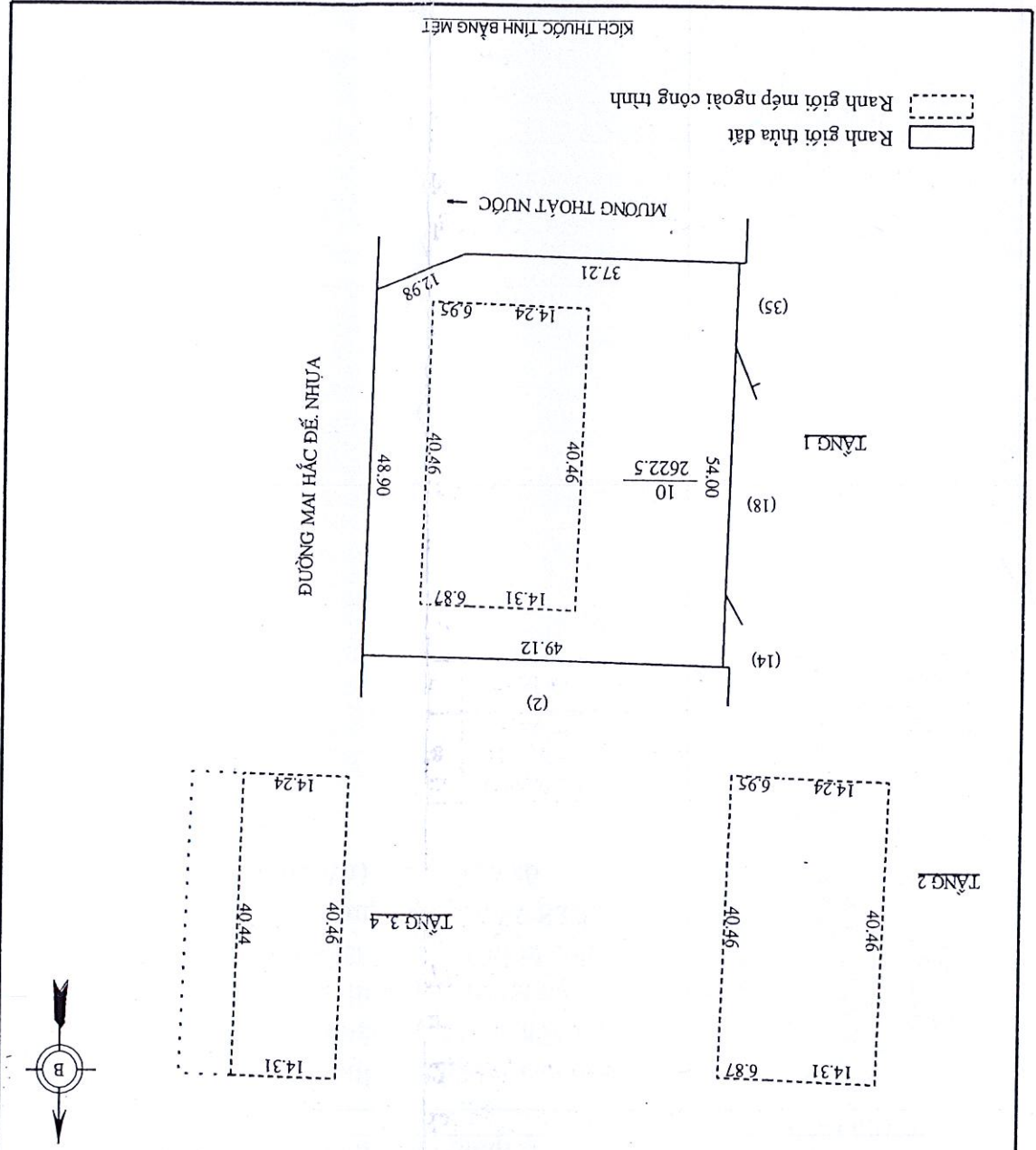


Trần Tài Thắng

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: (CT) 21202

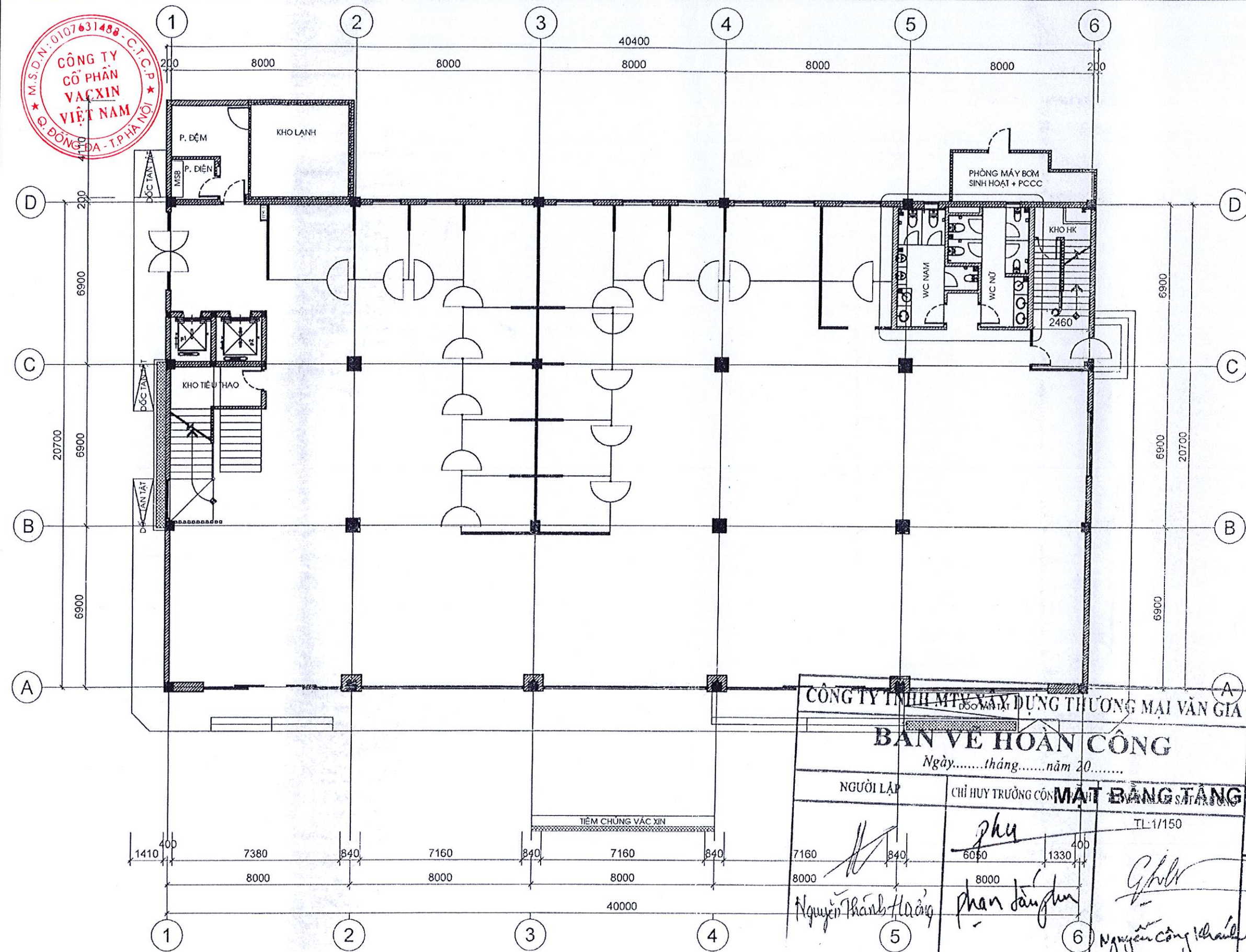
III. Số đo thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

THEO TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH THỬA ĐẤT (ĐC, CHÍNH LÝ BỔ SUNG) SỐ 189/2018/BD-ĐC ĐƯỢC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG NGHỆ AN PHÊ DUYỆT NGÀY 11/5/2009 VÀ SỐ ĐỒ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT SỐ 36/2019/SPTS DO VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ QSD ĐẤT NGHỆ AN LẬP NGÀY 22/3/2019



IV. Nhưng thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền



TÊN DỰ ÁN:
**TT TIÊM CHỨNG VẮC XIN
VNVC VINH - NGHỆ AN**

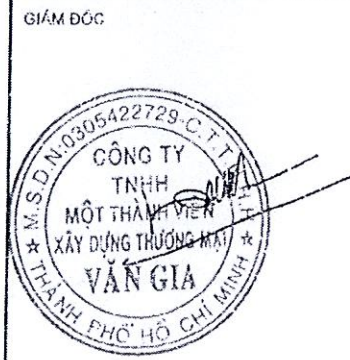
ĐỊA ĐIỂM XD: 17B MAI HOÀC ĐỀ - P. QUẬN BẦU
- TP VINH - NGHỆ AN

CHỦ ĐẦU TƯ:
**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẮC XIN VIỆT NAM**
ĐC: 180 TRƯỜNG CHINH-ĐÔNG ĐA-HÀ NỘI



ĐƠN VỊ THI CÔNG:
CTY TNHH MTV XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI
VĂN GIA
VG
V.G.CO.,LTD

ĐC: 303 GỖ DẦU, P. TÂN QUÝ, Q. TÂN PHÚ, TP.HCM
TEL: 028.54340859, FAX: (84-28)28470719



CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VĂN GIA

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	MẶT BẰNG TẦNG 1
<i>Nguyễn Thành Hương</i>	<i>Phu Phan Đăng Khoa</i>	TL: 1/150
7160	6050	1330
8000	8000	
		<i>Nguyễn Công Hải</i>

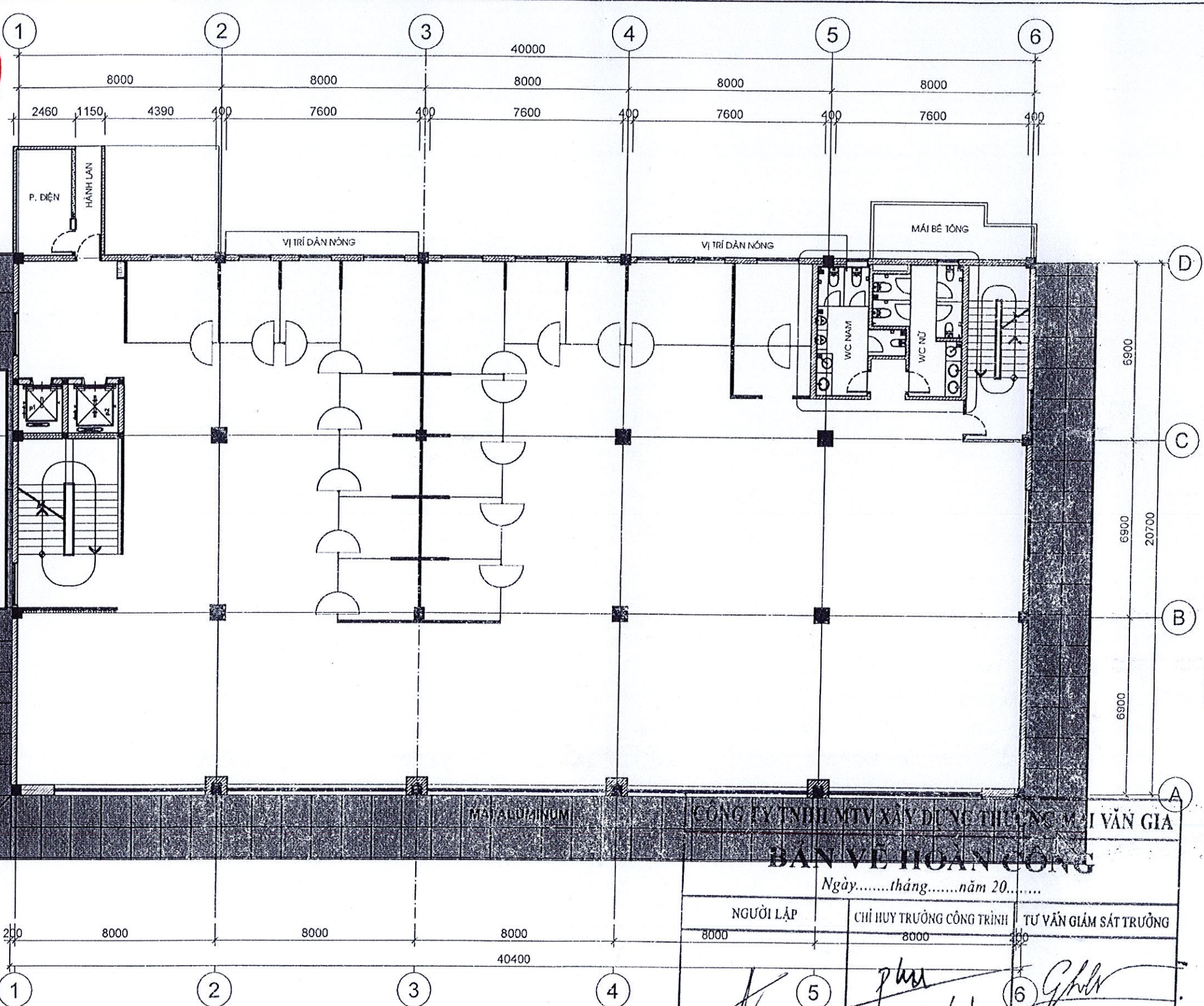
VĂN BÁ DUY

VỀ
NGUYỄN THÀNH HƯƠNG *[Signature]*

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG KIẾN TRÚC TẦNG 1

GIAI ĐOẠN B.V.H.C	HOÀN THÀNH 6/2019
----------------------	----------------------

KÝ HIỆU BẢN VẼ



MẶT BẰNG TẦNG 2
TL:1/150

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VẠN GIA		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm 20.....		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
8000	8000	8000
<i>Nguyễn Thành Hương</i>	<i>Phạm Văn Hùng</i>	<i>Nguyễn Công Khải</i>

TÊN DỰ ÁN:
**TT TIÊM CHỨNG VACCIN
VNVC VINH - NGHỆ AN**

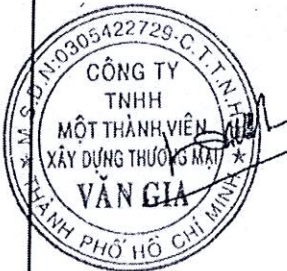
ĐỊA ĐIỂM XD: 17B MẠI HOẠC ĐÉ - P. QUẬN BÀU
- TP VINH - NGHỆ AN

CHỦ ĐẦU TƯ:
**CÔNG TY CỔ PHẦN
VACCIN VIỆT NAM**
ĐC: 180 TRƯỜNG CHINH-ĐÔNG ĐA-HÀ NỘI



ĐƠN VỊ THI CÔNG:
CTY TNHH MTV XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI
VẠN GIA
VG
V.G.CO.,LTD

ĐC: 303 GÒ DẦU, P. TÂN QUÝ, Q. TÂN PHÚ, TP.HCM
TEL: 026.54340859, FAX: (84-28)38476719



GIÁM ĐỐC

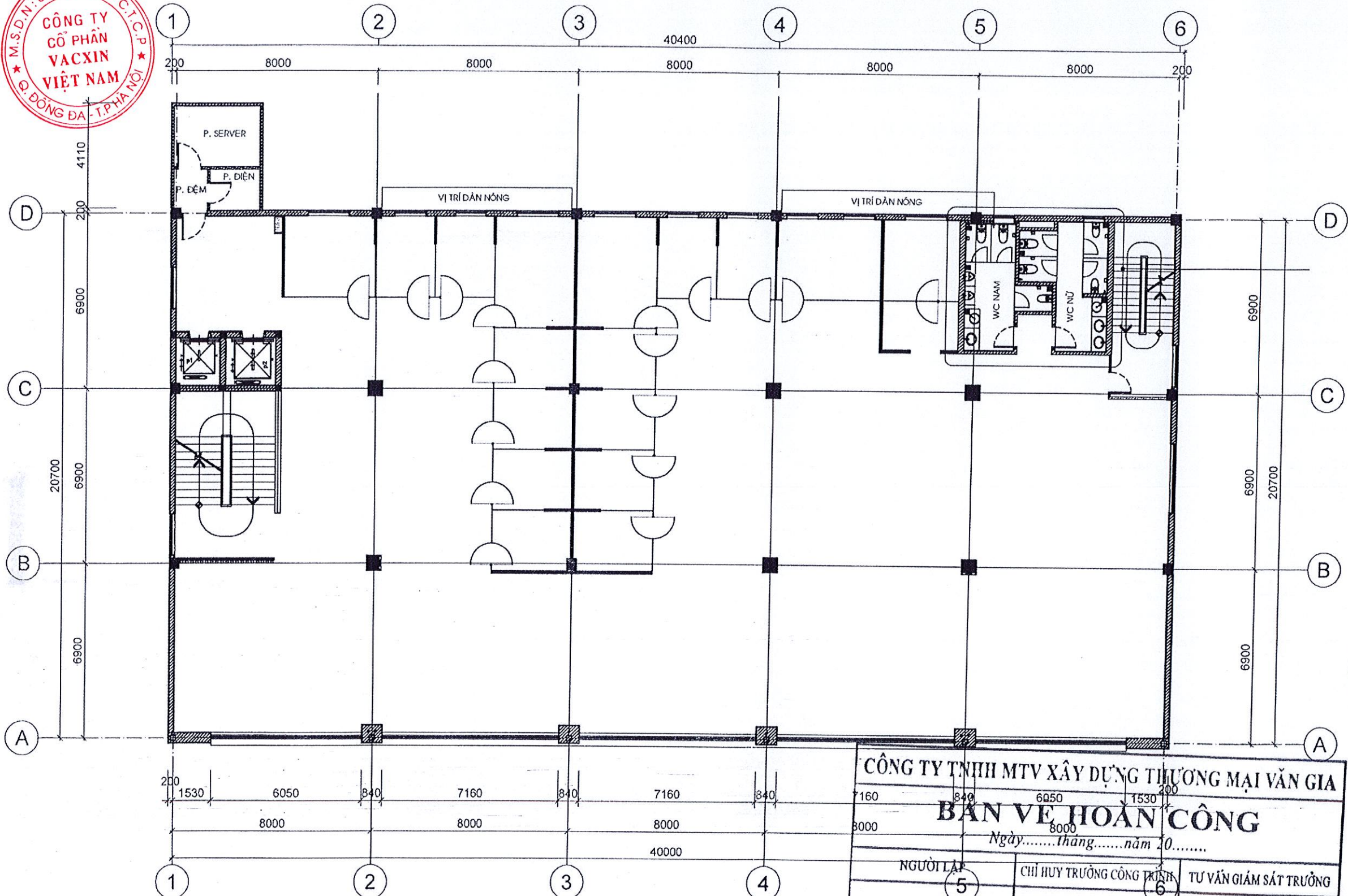
VẠN BÁ DUY

VỀ
NGUYỄN THÀNH HƯƠNG *Nguyễn Thành Hương*

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG KIẾN TRÚC TẦNG 2

GIẢI ĐOẠN B.V.H.C	HOÀN THÀNH 6/2019
----------------------	----------------------

KÝ HIỆU BẢN VẼ



MẶT BẰNG TẦNG 3
TL: 1/150

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VĂN GIA
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
5	6	
<i>Nguyễn Thành Hương</i>	<i>Phu Phan Tấn Phu</i>	<i>Nguyễn Công Khanh</i>

TÊN DỰ ÁN:
**TT TIÊM CHỨNG VẮC XIN
VNVC VINH - NGHỆ AN**

ĐỊA ĐIỂM XD: 17B MẠI HOÀC ĐÉ - P. QUẬN BÀU
- TP VINH - NGHỆ AN

CHỦ ĐẦU TƯ:
**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẮC XIN VIỆT NAM**
ĐC: 180 TRƯỜNG CHÍNH ĐÔNG ĐA - HÀ NỘI

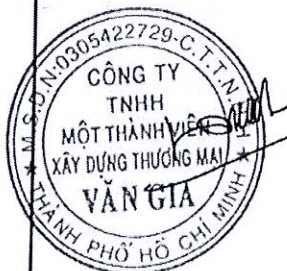


ĐƠN VỊ THI CÔNG:
CTY TNHH MTV XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI
VĂN GIA



ĐC: 303 GỖ DẦU, P. TÂN QUÝ, Q. TÂN PHÚ, TP.HCM
TEL: 028.54340859, FAX: (84-28)38470719

GIÁM ĐỐC



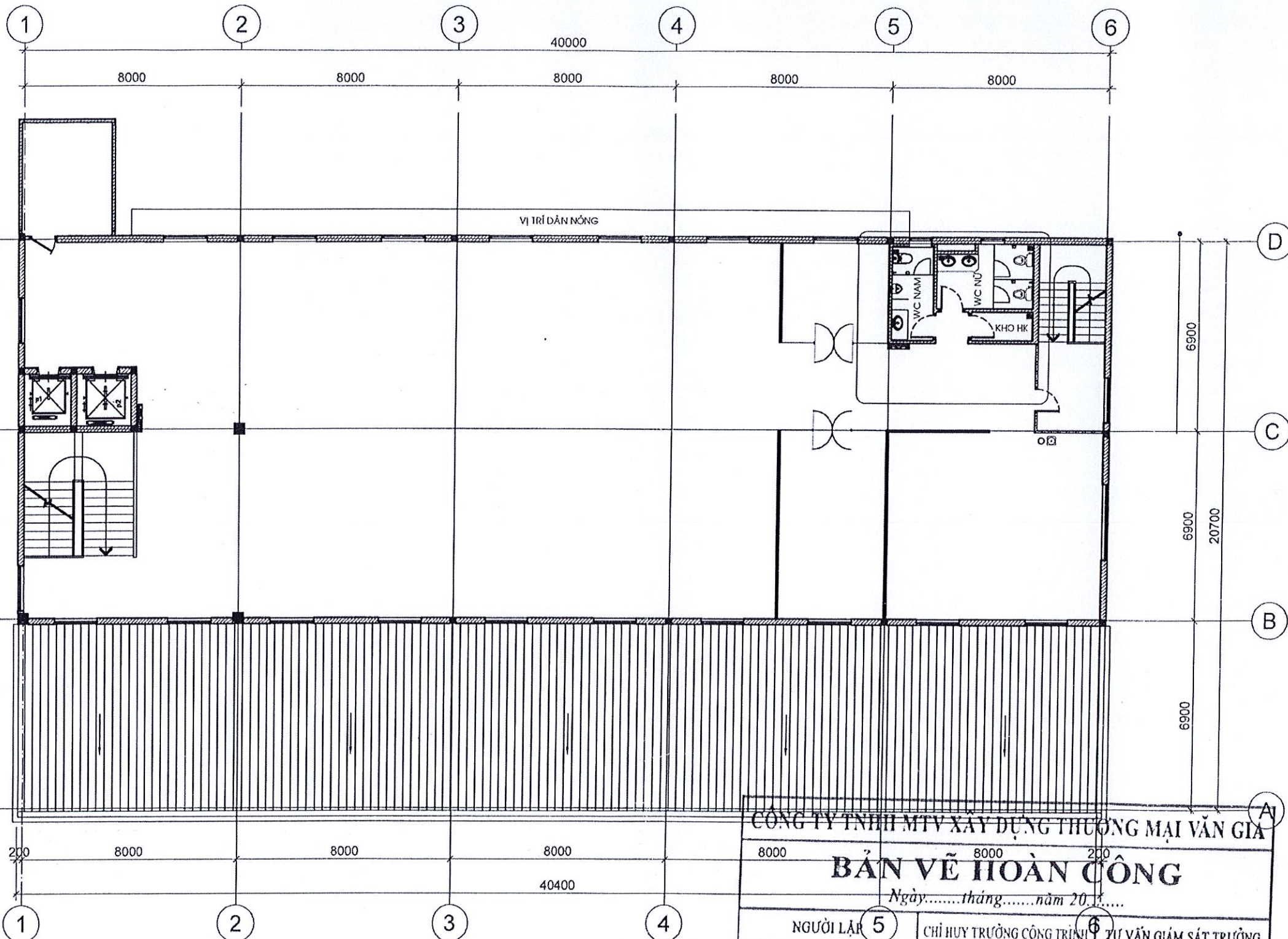
VĂN BÁ DUY

VỀ
NGUYỄN THÀNH HƯƠNG *Nguyễn Thành Hương*

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG KIẾN TRÚC TẦNG 3

GIẢI ĐOẠN B.V.H.C HOÀN THÀNH 6/2019

KÝ HIỆU BẢN VẼ



MẶT BẰNG TẦNG 4
TL: 1/150

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VẠN GIA		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm 201.....		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
5	6	
Nguyễn Thành Hường	Phạm Đăng Khoa	Nguyễn Công Khanh

TÊN DỰ ÁN:
**TT TIÊM CHỪNG VACXIN
VNVC VINH - NGHỆ AN**

ĐỊA ĐIỂM XD: 17B MẠI HOẠC ĐÉ - P. QUẬN BẦU
- TP VINH - NGHỆ AN

CHỦ ĐẦU TƯ:
**CÔNG TY CỔ PHẦN
VACXIN VIỆT NAM**
ĐC: 180 TRƯỜNG CHINH-ĐÔNG ĐA-HÀ NỘI



ĐƠN VỊ THI CÔNG:
CTY TNHH MTV XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI
VẠN GIA
VG
V. & CO., LTD

ĐC: 303 GÒ DẦU, P. TÂN QUÝ, Q. TÂN PHÚ, TP.HCM
TEL: 028.54340859, FAX: (84-28)38470719



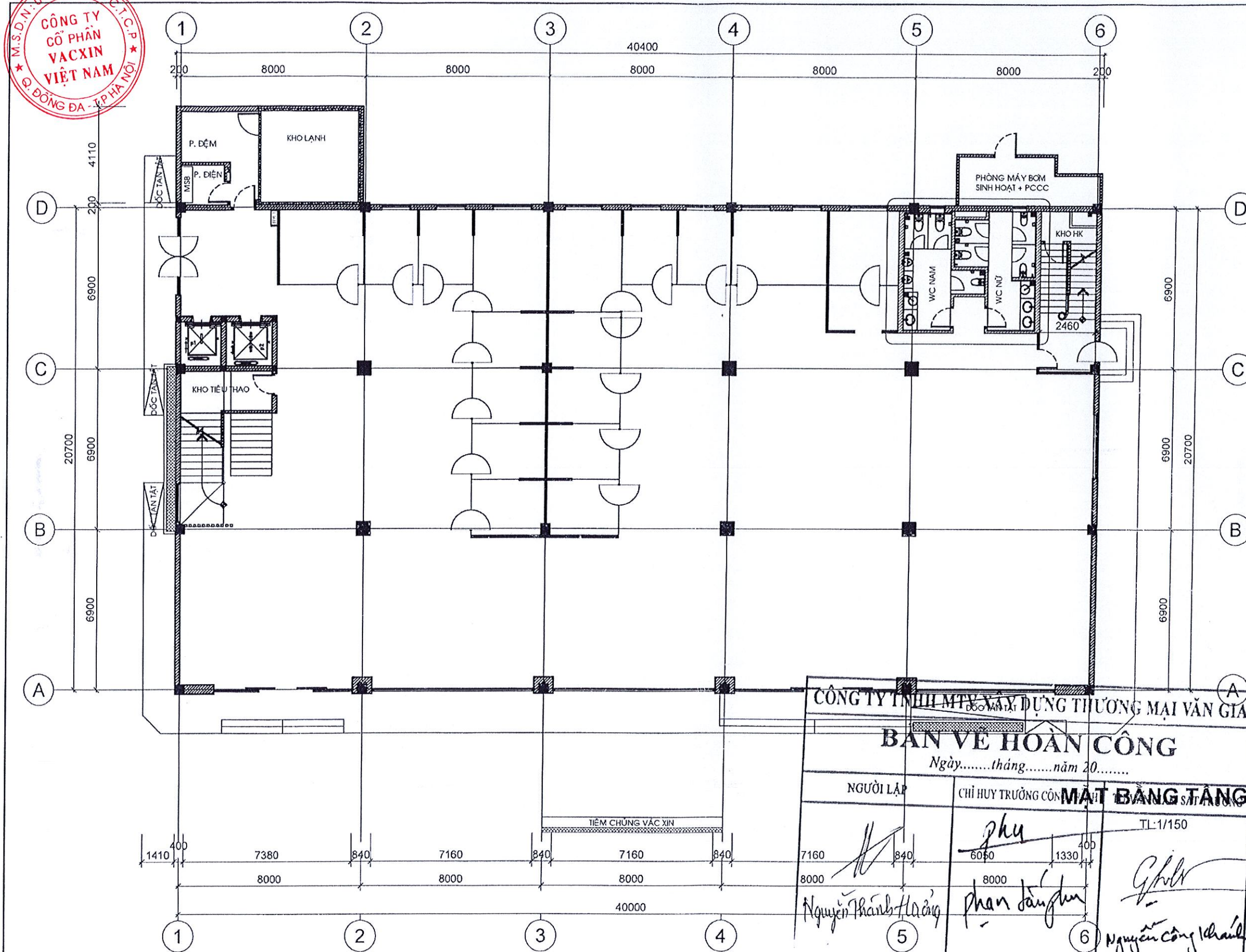
GIÁM ĐỐC

VẠN BÁ DUY

VỀ
NGUYỄN THÀNH HƯỜNG

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG KIẾN TRÚC TẦNG 4

GIAI ĐOẠN B.V.H.C	HOÀN THÀNH 6/2019
KÝ HIỆU BẢN VẼ	



TÊN DỰ ÁN:
**TT TIÊM CHỨNG VACXIN
 VNVC VINH - NGHỆ AN**
 ĐỊA ĐIỂM XD: 17B MẠI HOẠC ĐỀ - P. QUẬN BẦU
 - TP VINH - NGHỆ AN
 CHỦ ĐẦU TƯ:
**CÔNG TY CỔ PHẦN
 VACXIN VIỆT NAM**
 ĐC: 180 TRƯỜNG CHINH-ĐÔNG ĐA-HÀ NỘI



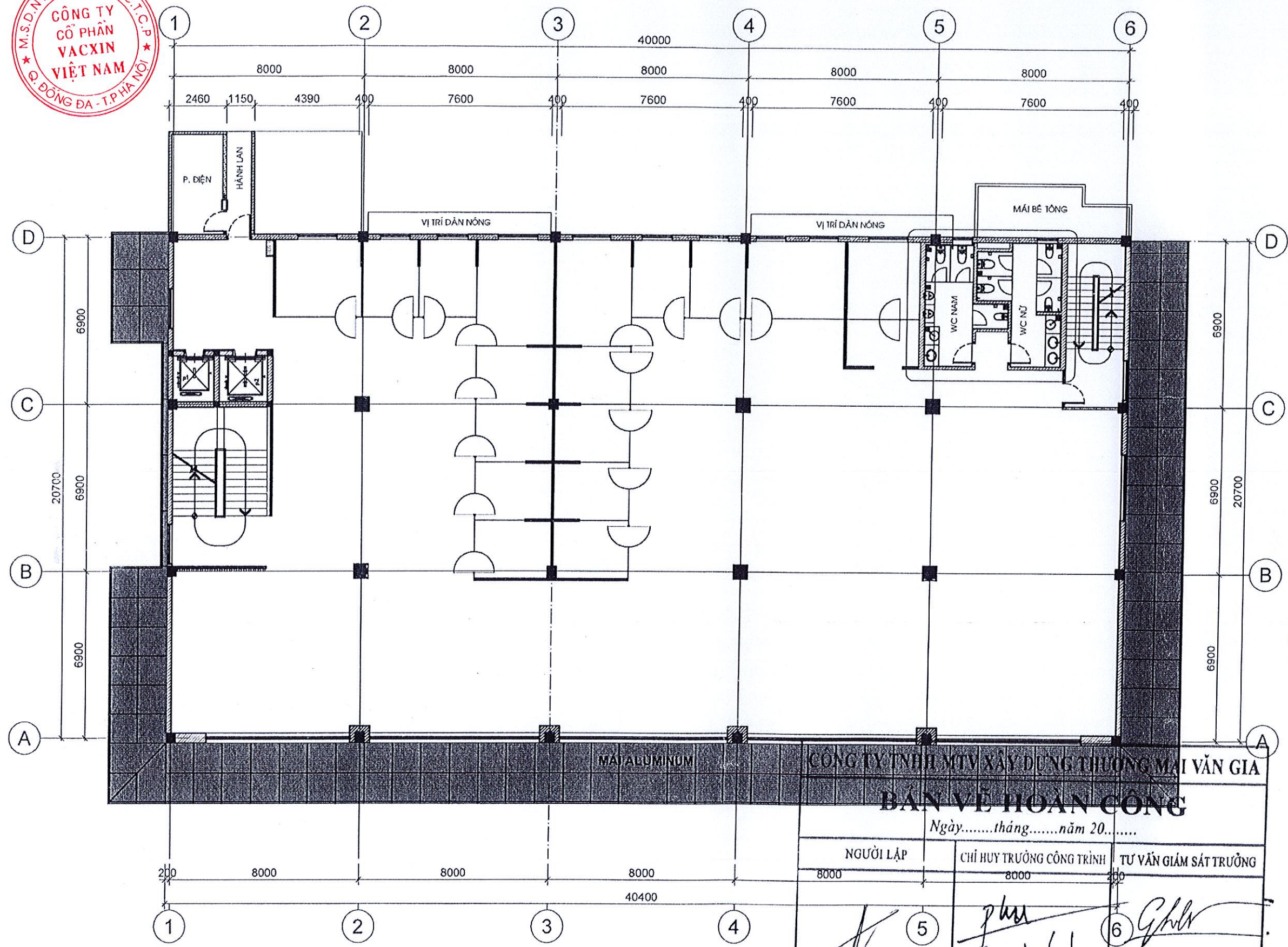
ĐƠN VỊ THI CÔNG:
 CTY TNHH MTV XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI
VĂN GIA
VG
 V.&CO.,LTD
 ĐC: 303 GÒ DẦU, P. TÂN QUÝ, Q. TÂN PHÚ, TP.HCM
 TEL: 028.54340859, FAX: (84-28)38470719

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VĂN GIA
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	MẬT BẰNG TẶNG 1
<i>Nguyễn Thành Hương</i>	<i>Phu</i>	TL: 1/150
7160	6050	1330
8000	8000	
<i>Nguyễn Thành Hương</i>	<i>Phan Tấn Hưng</i>	<i>Nguyễn Công Khải</i>

VĂN BÁ DUY
 VẼ
 NGUYỄN THÀNH HƯƠNG
 TÊN BẢN VẼ:
MẬT BẰNG KIẾN TRÚC TẦNG 1
 GIAI ĐOẠN B.V.H.C HOÀN THÀNH 6/2019
 KÝ HIỆU BẢN VẼ



MẶT BẰNG TẦNG 2
TL:1/150

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VẠN GIA BẢN VẼ HOÀN CÔNG Ngày.....tháng.....năm 20.....		
NGƯỜI LẬP 8000	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH 8000	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG 400
 Nguyễn Thành Hương	 Phạm Đăng Khoa	 Nguyễn Công Khánh

TÊN DỰ ÁN:
TT TIÊM CHỪNG VACXIN VNVN VINH - NGHỆ AN

ĐỊA ĐIỂM XD: 17B MẠI HOẠC ĐÉ - P. QUẬN BÀU - TP VINH - NGHỆ AN

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY CỔ PHẦN VACXIN VIỆT NAM
 ĐC: 180 TRƯỜNG CHINH-ĐÔNG ĐA-HÀ NỘI



ĐƠN VỊ THI CÔNG:
 CTY TNHH MTV XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI **VẠN GIA**
V.G. CO., LTD

ĐC: 303 GÒ DẦU, P. TÂN QUÝ, Q. TÂN PHÚ, TP.HCM
 TEL: 028.54340859, FAX: (84-28)32470719

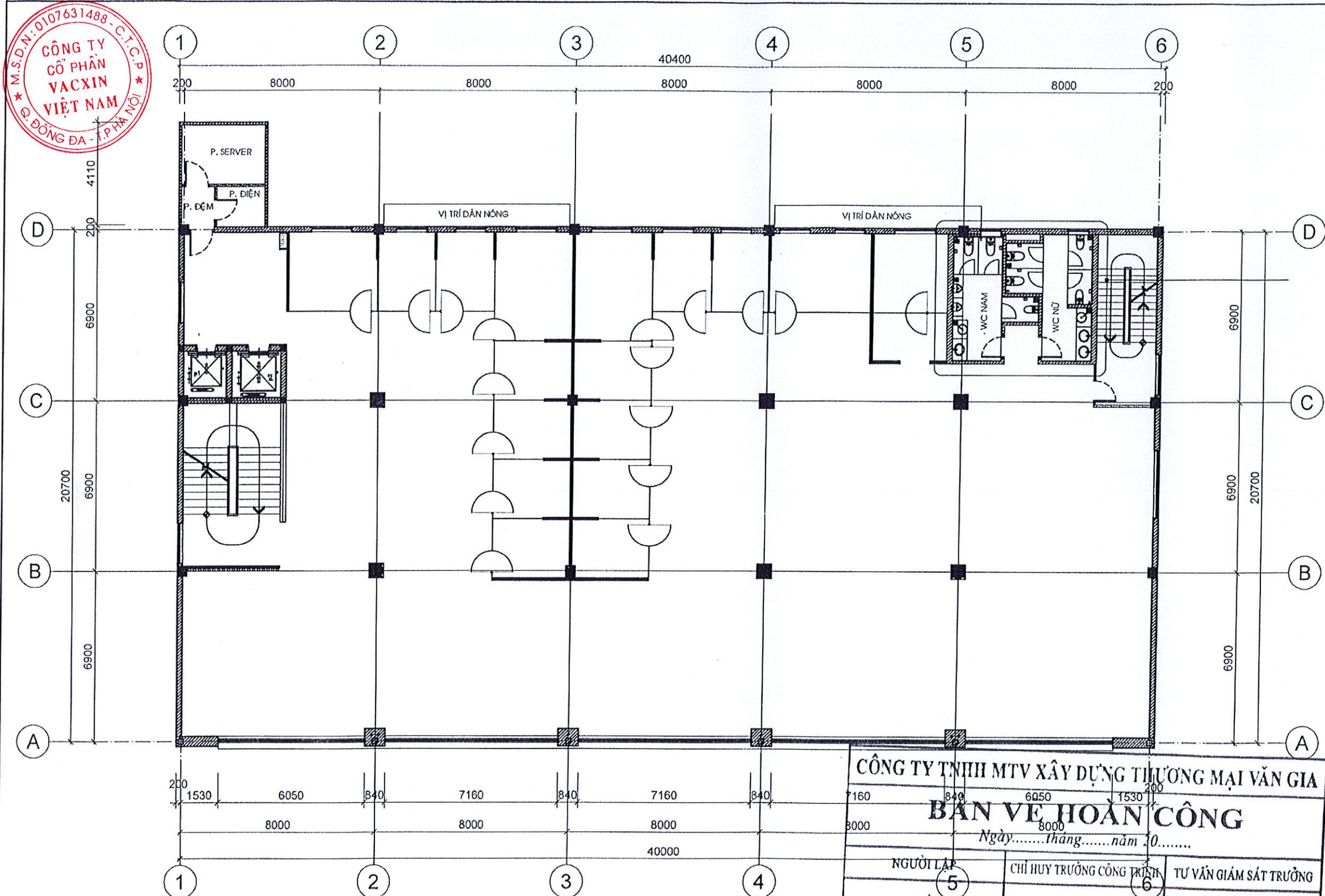


GIÁM ĐỐC
VĂN BÁ DUY

VỀ
 NGUYỄN THÀNH HƯƠNG

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG KIẾN TRÚC TẦNG 2

GIAI ĐOẠN B.V.H.C	HOÀN THÀNH 6/2019
KÝ HIỆU BẢN VẼ	



MẶT BẰNG TẦNG 3

TL:1/150

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VĂN GIA
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày.....Tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
<i>Nguyễn Thành Hương</i>	<i>Phạm Văn Phú</i>	<i>Nguyễn Công Khanh</i>

TÊN DỰ ÁN:
**TT TIÊM CHỪNG VACXIN
 VNVC VINH - NGHỆ AN**

ĐỊA ĐIỂM XD: 17B MAI HOÀC ĐÉ - P. QUẬN BẦU
 - TP VINH - NGHỆ AN

CHỦ ĐẦU TƯ:
**CÔNG TY CỔ PHẦN
 VACXIN VIỆT NAM**
 ĐC: 180 TRƯỜNG CHINH-ĐÔNG ĐA-HÀ NỘI



ĐƠN VỊ THI CÔNG:
 CTY TNHH MTV XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI
VĂN GIA



ĐC: 303 GÒ DẦU, P. TÂN QUÝ, Q. TÂN PHÚ, TP.HCM
 TEL: 028.54340859 , FAX: (84-28)38470719

GIÁM ĐỐC

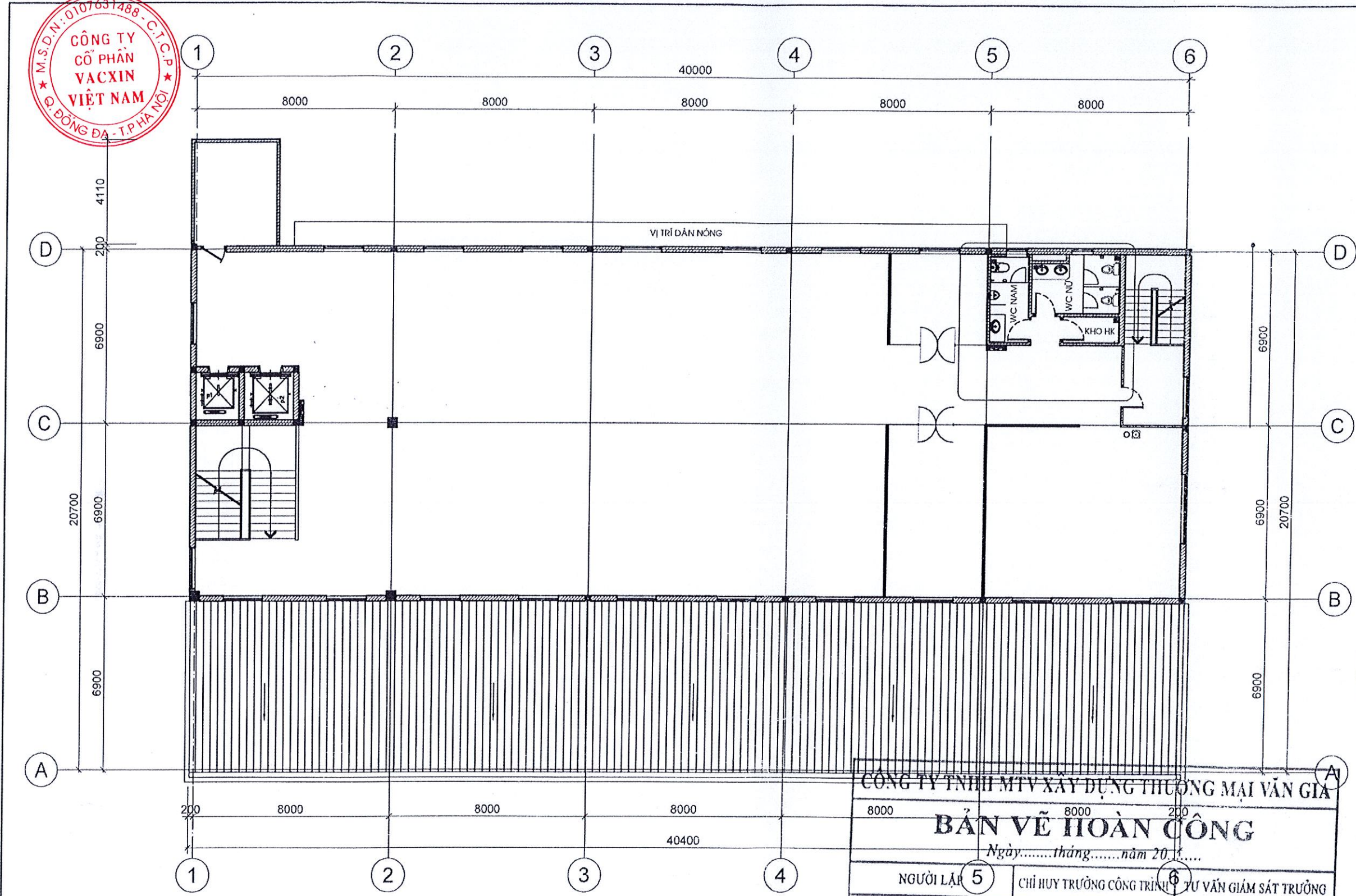


VĂN BÁ DUY

VỀ
 NGUYỄN THÀNH HƯƠNG *Nguyễn Thành Hương*

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG KIẾN TRÚC TẦNG 3

GIẢI ĐOAN B.V.H.C	HOÀN THÀNH 6/2019 KÝ HIỆU BẢN VẼ
----------------------	--



MẶT BẰNG TẦNG 4
TL: 1/150

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VẠN GIA		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm 20.../.....		
NGƯỜI LẬP 5	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH 6 TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG	
Nguyễn Thành Hương	Phạm Đăng Khoa	Nguyễn Công Khanh

TÊN DỰ ÁN:
**TT TIÊM CHỨNG VACXIN
VNVC VINH - NGHỆ AN**

ĐỊA ĐIỂM XD: 17B MAI HOẠC ĐÉ - P. QUẬN BÀU
- TP VINH - NGHỆ AN

CHỦ ĐẦU TƯ:
**CÔNG TY CỔ PHẦN
VACXIN VIỆT NAM**
ĐC: 180 TRƯỜNG CHINH-ĐÔNG ĐA-HÀ NỘI



ĐƠN VỊ THI CÔNG:
CTY TNHH MTV XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI
VẠN GIA

V.E.CO., LTD
ĐC: 303 GÒ DẦU, P. TÂN DUY, Q. TÂN PHÚ, TP. HCM
TEL: 028.54340859, FAX: (54-28)38470719



GIÁM ĐỐC

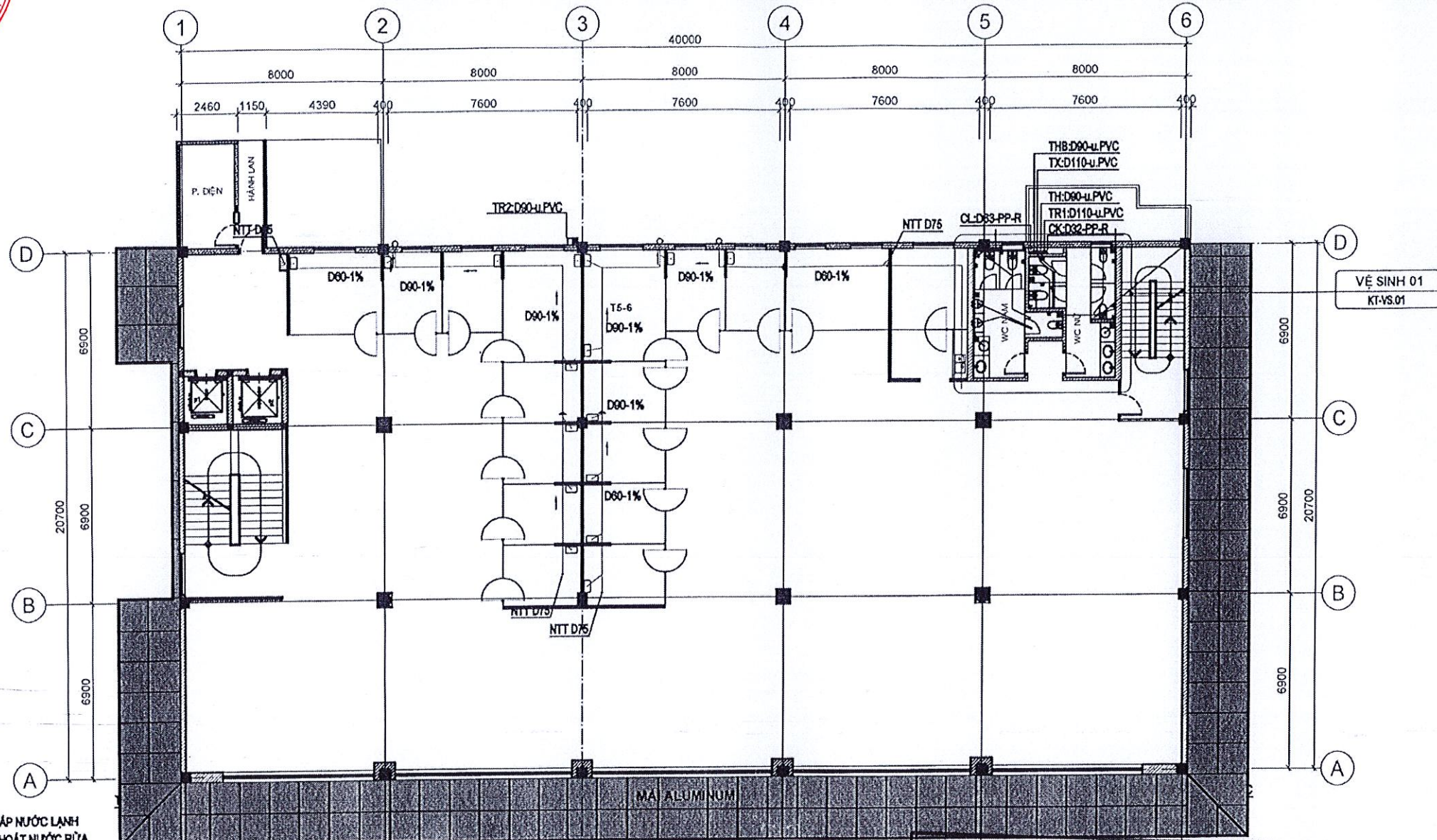
VẠN BÀ DUY

VÉ

NGUYỄN THÀNH HƯƠNG

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG KIẾN TRÚC TẦNG 4

GIAI ĐOẠN B.V.H.C	HOÀN THÀNH 6/2019
KÝ HIỆU BẢN VẼ	



- KÝ HIỆU**
- ÓNG CẤP NƯỚC LẠNH
 - ÓNG THOÁT NƯỚC RỬA
 - ÓNG THOÁT NƯỚC XÍ
 - ÓNG THÔNG HƠI
 - CK ÓNG CẤP NƯỚC LÊN KẾT MÁI
 - CL ÓNG CẤP NƯỚC LẠNH TỪ MÁI XƯƠNG
 - TX ÓNG THOÁT XÍ - TIÊU
 - TR ÓNG THOÁT RỬA
 - TS ÓNG THOÁT NƯỚC SÀN THƯỢNG
 - TH ÓNG THÔNG HƠI XÍ - RỬA
 - THB ÓNG THÔNG HƠI BỂ PHỐT
 - D40-2.5M ĐƯỜNG KÍNH(mm)- CHIỀU DÀI(m)
 - D90-2%-2.5M ĐƯỜNG KÍNH(mm)-ĐỘ DỐC(%)- CHIỀU DÀI(m)

GHI CHÚ:

- * ĐÂY LÀ CÔNG TRÌNH CẢI TẠO VỊ THẾ TRƯỚC KHI THI CÔNG NHÀ THẦU XÂY DỰNG CẦN KHẢO SÁT THỰC TẾ. NẾU CÓ THAY ĐỔI THÌ BÁO LẠI TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐIỀU CHỈNH CHO PHÙ HỢP.
- * KHI THI CÔNG VÀ LẮP ĐẶT CÁC THIẾT BỊ, KÍCH THƯỚC CỤ THỂ SẼ TUÂN THỦ THEO HƯỚNG DẪN LẮP ĐẶT CỤ THỂ CỦA HÃNG SẢN XUẤT NHÀ CUNG CẤP.
- * HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA GIỮ NGUYÊN THEO HIỆN TRẠNG.

MẶT BẰNG CẢI TẠO THOÁT NƯỚC TẦNG 2
TL : 1 / 150

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VĂN GIA

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20.....

5	6	
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
Nguyễn Thành Hưng	Phạm Văn Phú	Nguyễn Công Chính

TÊN DỰ ÁN:
TT TIÊM CHỪNG VACXIN VNVC VINH - NGHỆ AN

ĐỊA ĐIỂM XD: 17B MẠI HOẮC ĐỀ - P. QUẬN BÀU - TP VINH - NGHỆ AN

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY CỔ PHẦN VACXIN VIỆT NAM
ĐC: 180 TRƯỜNG CHINH-ĐÔNG ĐA-HÀ NỘI

ĐƠN VỊ THI CÔNG:
CTY TNHH MTV XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI **VĂN GIA**
VG
V. & CO., LTD
ĐC: 303 GÒ DẦU, P. TÂN QUÝ, Q. TÂN PHÚ, TP.HCM
TEL: 028.54340859, FAX: (84-28)38470719

GIÁM ĐỐC

VĂN BÁ DUY

VỀ

TRẦN VĂN ĐỨC

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC TẦNG 2

GIẢI ĐOẠN B.V.H.C	HOÀN THÀNH 6/2019
KÝ HIỆU BẢN VẼ	



TÊN DỰ ÁN:
**TT TIÊM CHỪNG VACXIN
VNVC VINH - NGHỆ AN**

ĐỊA ĐIỂM XD: 17B MAI HOÀC ĐỀ - P. QUẬN BÀU
- TP VINH - NGHỆ AN

CHỦ ĐẦU TƯ:
**CÔNG TY CỔ PHẦN
VACXIN VIỆT NAM**
ĐC: 180 TRƯỜNG CHINH-ĐÔNG ĐA-HÀ NỘI

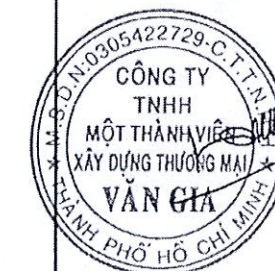


ĐƠN VỊ THI CÔNG:
CTY TNHH MTV XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI
VĂN GIA



ĐC: 303 GÒ ĐAU, P. TÂN QUÝ, Q. TÂN PHÚ, TP. HCM
TEL: 028.54340659, FAX: (84-28)38470719

GIÁM ĐỐC



VĂN BÁ DUY

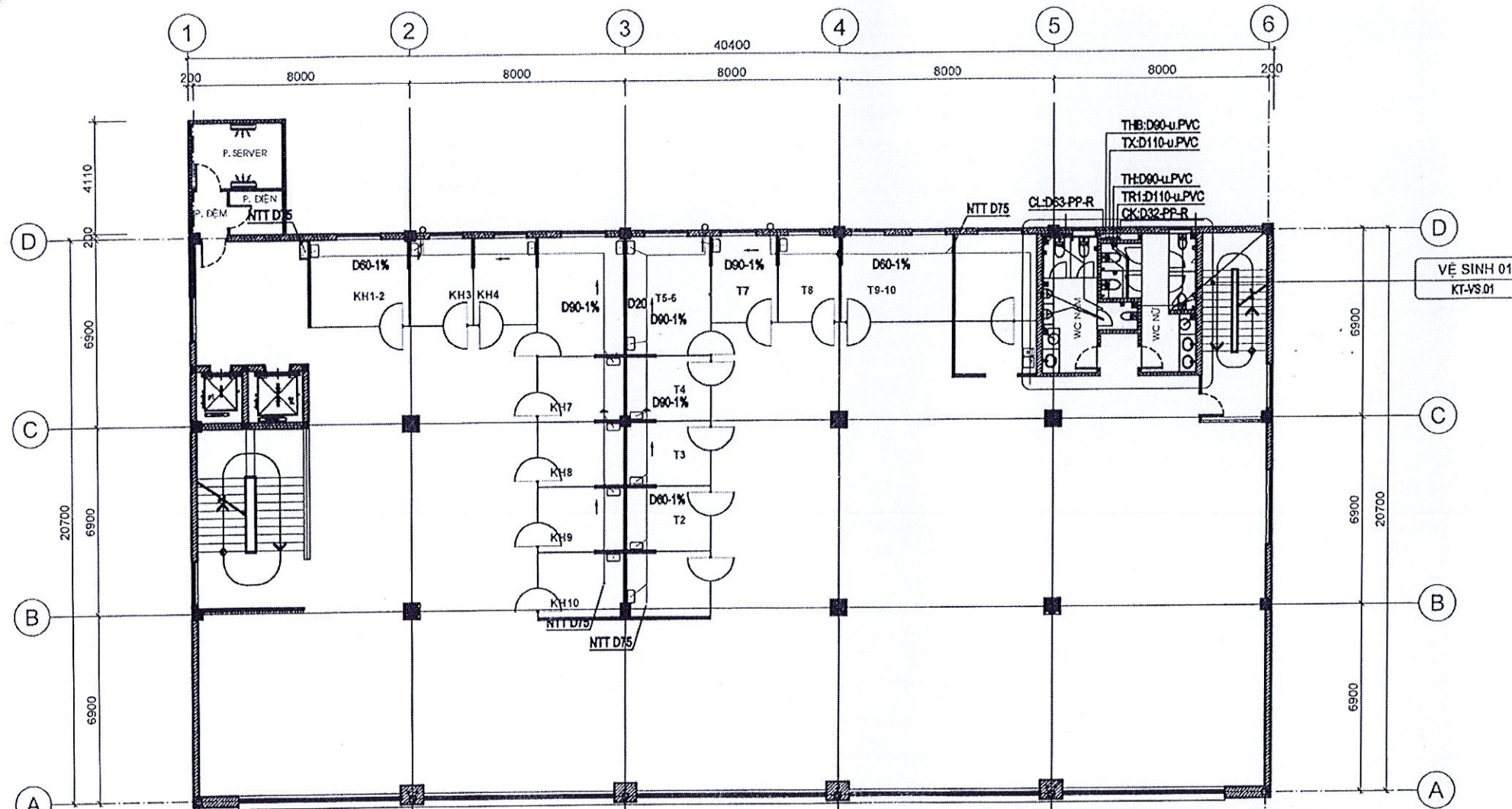
VỀ
TRẦN VĂN ĐỨC

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC TẦNG 3

GIẢI ĐOẠN
B.V.H.C

HOÀN THÀNH
6/2019

KÝ HIỆU BẢN VẼ



- KÝ HIỆU
- — — — — ỚNG CẤP NƯỚC LẠNH
 - — — — — ỚNG THOÁT NƯỚC RỬA
 - — — — — ỚNG THOÁT NƯỚC XÍ
 - — — — — ỚNG THÔNG HƠI
 - CK ỚNG CẤP NƯỚC LÊN KẾT MÁU
 - CL ỚNG CẤP NƯỚC LẠNH TỪ MÁU XƯƠNG
 - TX ỚNG THOÁT XÍ - TIỂU
 - TR ỚNG THOÁT RỬA
 - TS ỚNG THOÁT NƯỚC SÀN THƯỢNG
 - TH ỚNG THÔNG HƠI XÍ - RỬA
 - THB ỚNG THÔNG HƠI BẾ PHỐT
 - D40-2.5M ĐƯỜNG KÍNH(mm)- CHIỀU DÀI(m)
 - D90-2%-2.5M ĐƯỜNG KÍNH(mm)-ĐỘ ĐỐC(%)- CHIỀU DÀI(m)

GHI CHÚ:
* ĐÂY LÀ CÔNG TRÌNH CẦU TẠO VÍ THỂ TRƯỚC KHI THI CÔNG NHÀ THẦU XÂY DỰNG CÁN KHẢO SÁT THỰC TẾ. NẾU CÓ THAY ĐỔI THI BÁO LẠI TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐIỀU CHỈNH CHO PHÙ HỢP.
* KHI THI CÔNG VÀ LẮP ĐẶT CÁC THIẾT BỊ, KÍCH THƯỚC CỤ THỂ SẼ TUÂN THỦ THEO HƯỚNG DẪN LẮP ĐẶT CỤ THỂ CỦA HÃNG SẢN XUẤT NHÀ CUNG CẤP.
* HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA GIỮ NGUYÊN THEO HIỆN TRẠNG.

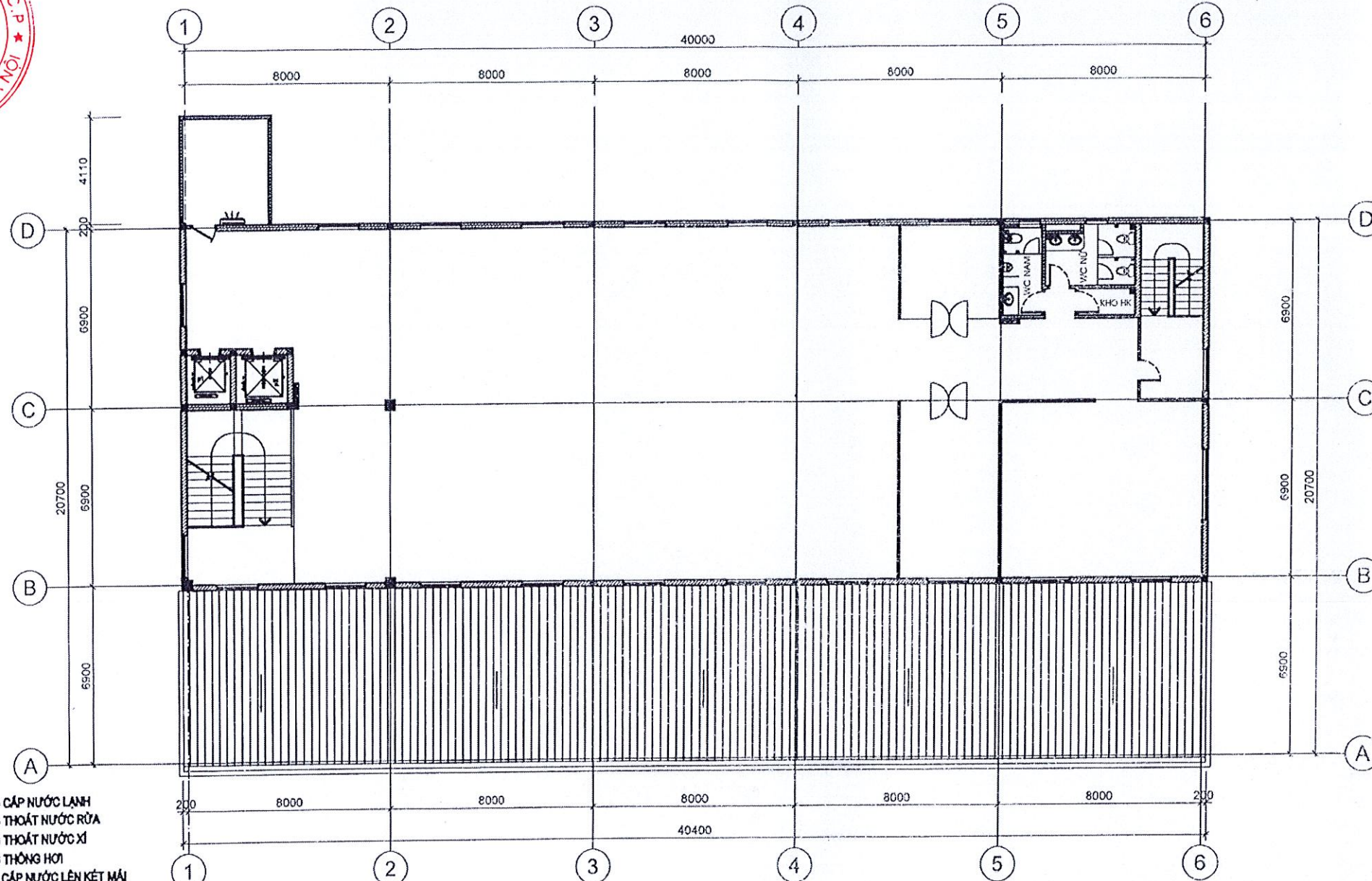
**MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC
TẦNG 3 TL: 1 / 150**

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VĂN GIA

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....(tháng).....năm 20.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG



- KÝ HIỆU**
- ỚNG CẤP NƯỚC LẠNH
 - ỚNG THOÁT NƯỚC RỬA
 - ỚNG THOÁT NƯỚC XÍ
 - ỚNG THÔNG HƠI
 - CK ỚNG CẤP NƯỚC LÊN KẾT MÁI
 - CL ỚNG CẤP NƯỚC LẠNH TỪ MÁI XUỐNG
 - TX ỚNG THOÁT XÍ - TIỂU
 - TR ỚNG THOÁT RỬA
 - TS ỚNG THOÁT NƯỚC SÀN THƯỢNG
 - TH ỚNG THÔNG HƠI XÍ - RỬA
 - THB ỚNG THÔNG HƠI BẾ PHỐT
 - D40-2.5M ĐƯỜNG KÍNH(mm)- CHIỀU DÀI(m)
 - D90-2%-2.5M ĐƯỜNG KÍNH(mm)-ĐỘ DỐC(%)- CHIỀU DÀI(m)

GHI CHÚ:

- * ĐÂY LÀ CÔNG TRÌNH CÀI TẠO VỊ THẾ TRƯỚC KHI THI CÔNG
- * NHÀ THẦU XÂY DỰNG CẦN KHẢO SÁT THỰC TẾ. NẾU CÓ THAY ĐỔI
- * KHI THI CÔNG VÀ LẮP ĐẶT CÁC THIẾT BỊ, KÍCH THƯỚC CỤ THỂ SẼ TUÂN THỦ
- * HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA GIỮ NGUYÊN THEO HIỆN TRẠNG.

MẶT BẰNG CẤP NƯỚC TẦNG 4
TL : 1 / 150

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VĂN GIA		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm 20.....		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TỰ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG

TÊN DỰ ÁN:
**TT TIÊM CHỪNG VẮC XIN
VNVC VINH - NGHỆ AN**

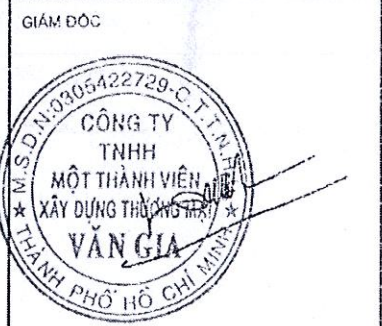
ĐỊA ĐIỂM XD: 17B MẠI HOẠC ĐÉ - P. QUẬN BẦU
- TP VINH - NGHỆ AN

CHỦ ĐẦU TƯ:
**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẮC XIN VIỆT NAM**
ĐC: 180 TRƯỜNG CHINH-ĐÔNG ĐA-HÀ NỘI



ĐƠN VỊ THI CÔNG:
CTY TNHH MTV XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI
VĂN GIA
V.G.C.O..L.TU

ĐC: 303 GÒ DẦU P. TÂN CUY. Q. TÂN PHÚ, TP.HCM
TEL: 028.54340559, FAX: (04-28)38470719



GIÁM ĐỐC

VĂN BÁ DUY

VỀ

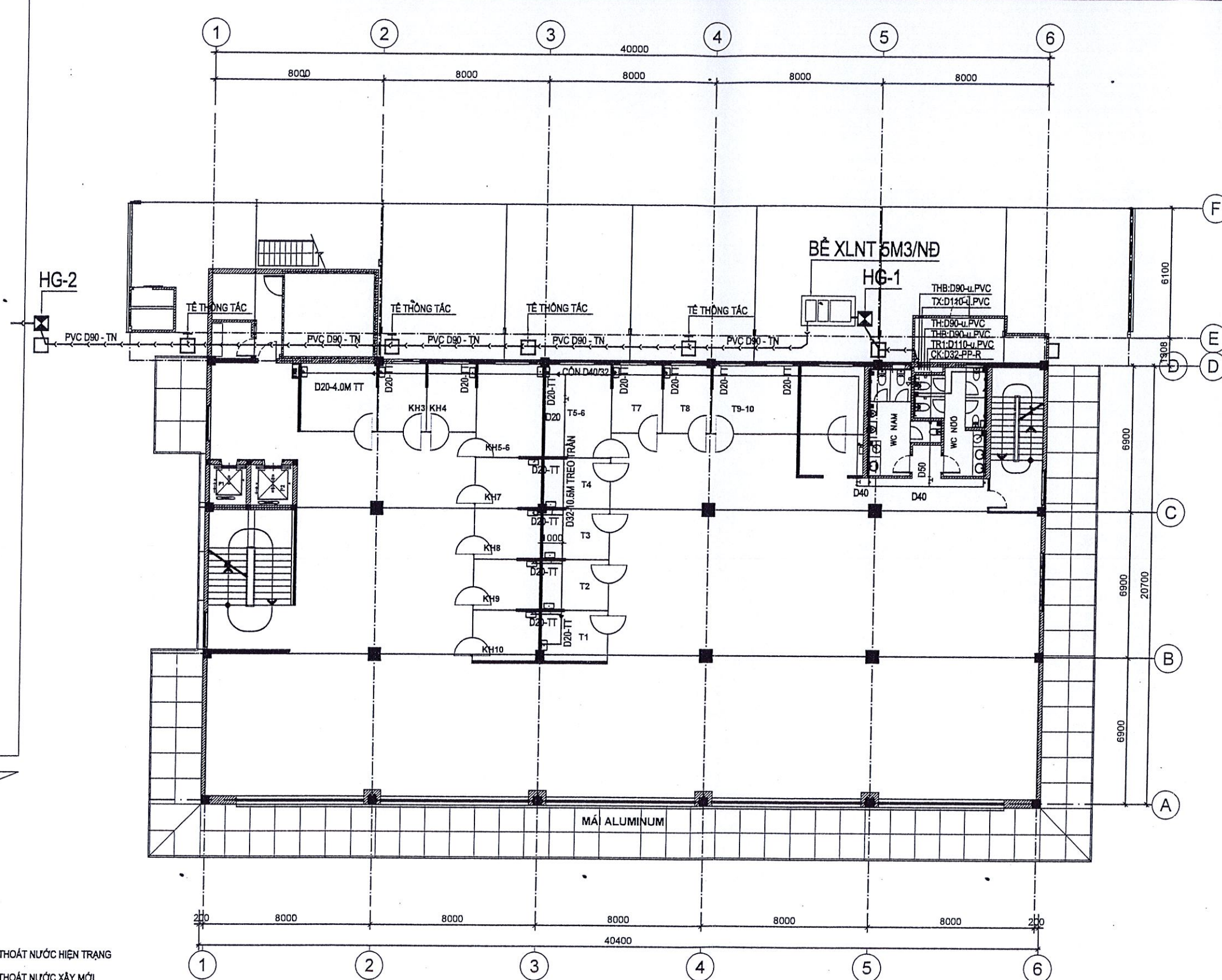
TRẦN VĂN ĐỨC

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC TẦNG 4

GIẢI ĐOẠN B.V.H.C	HOÀN THÀNH 6/2019
----------------------	----------------------

KÝ HIỆU BẢN VẼ

MƯƠNG THOÁT NƯỚC THÀNH PHỐ (KÍNH BẮC)



MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI

- KÝ HIỆU**
- GA THOÁT NƯỚC HIỆN TRẠNG
 - GA THOÁT NƯỚC XÂY MỚI
 - ỐNG CẤP NƯỚC LẠNH
 - ỐNG THOÁT NƯỚC RỬA
 - ỐNG THOÁT NƯỚC XÍ
 - ỐNG THÔNG HƠI
 - CK ỐNG CẤP NƯỚC LÊN KẾT MÁI
 - CL ỐNG CẤP NƯỚC LẠNH TỪ MÁI XƯƠNG
 - TX ỐNG THOÁT XÍ - TIÊU
 - TR ỐNG THOÁT RỬA
 - TS ỐNG THOÁT NƯỚC SÀN THƯỢNG
 - TH ỐNG THÔNG HƠI XÍ - RỬA
 - THB ỐNG THÔNG HƠI BỂ PHỐT
 - D40-2.5M ĐƯỜNG KÍNH(mm)- CHIỀU DÀI(m)
 - D90-2%-2.5M ĐƯỜNG KÍNH(mm)-ĐỘ DỐC(%)- CHIỀU DÀI(m)

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ - PROJECT OWNER:
CÔNG TY CP VẮC XIN VIỆT NAM



TÊN CÔNG TRÌNH - CONSTRUCTION:

**BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 5M3/NGÀY.ĐÊM**

Địa điểm: 17B, Đường Mậu Hắc Đế, P. Quán Bàu - TP. Vinh - Nghệ An

HẠNG MỤC - PROJECT:

BỂ XLNT

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE:

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI

ĐƠN VỊ THI CÔNG:

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG TKP**



Địa chỉ: Ngõ số 8 - Nguyễn Chí Thanh - TP Vinh - Nghệ An
Tel: 0982.257.168 - Email: trankp.na@gmail.com

GIÁM ĐỐC



KS. TRẦN ĐỨC MẠNH

(Signature)

KS. VŨ VĂN MẠNH TOÀN

KÝ THUẬT THI CÔNG:

(Signature)

KS. PHẠM VĂN HIẾN

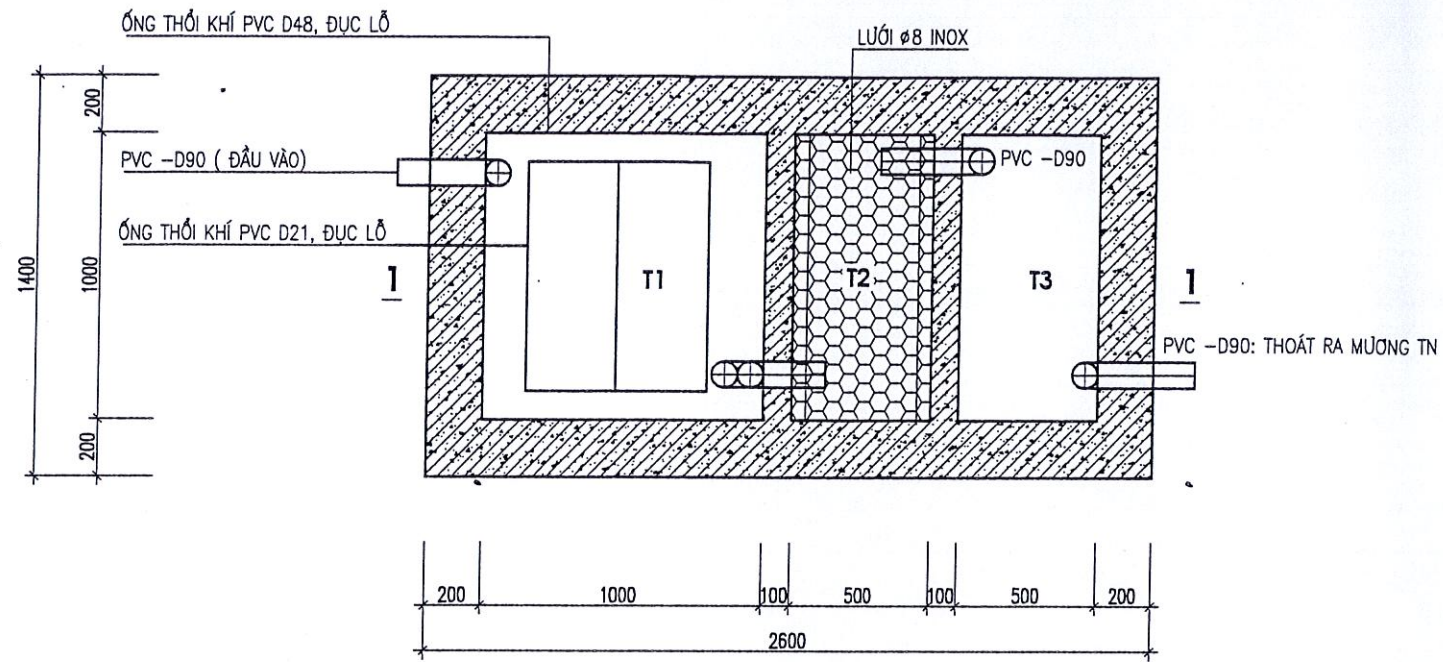
LOẠI HỒ SƠ - ISSUED FOR :

HỒ SƠ BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TỶ LỆ - SCALE: 1/100 BẢN VẼ SỐ - DRAWING NO:

TÊN FILE - PATH FILE: TN-01

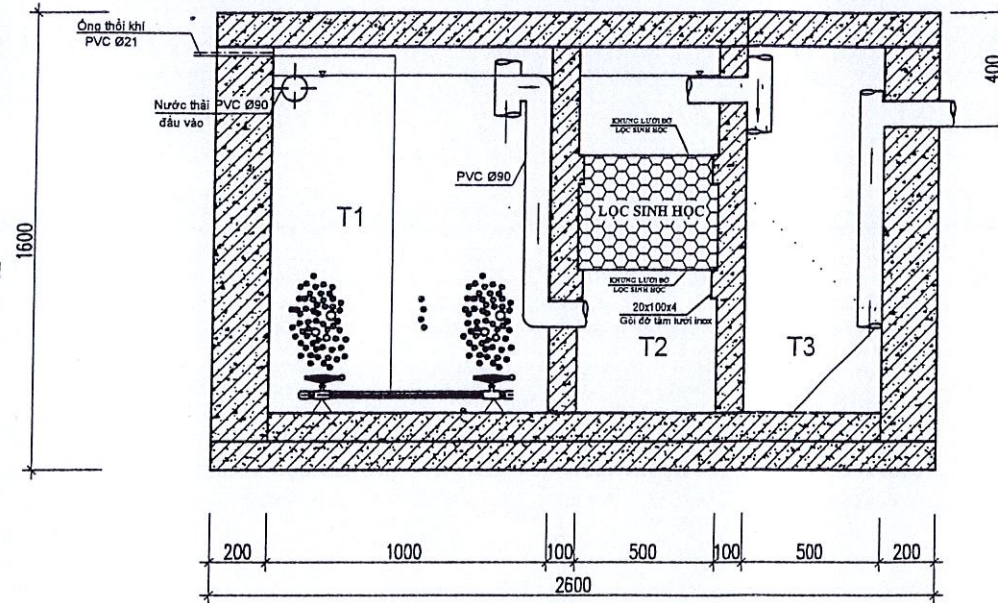
NGÀY HOÀN THÀNH - COMPLETION DATE: THÁNG 1/2024



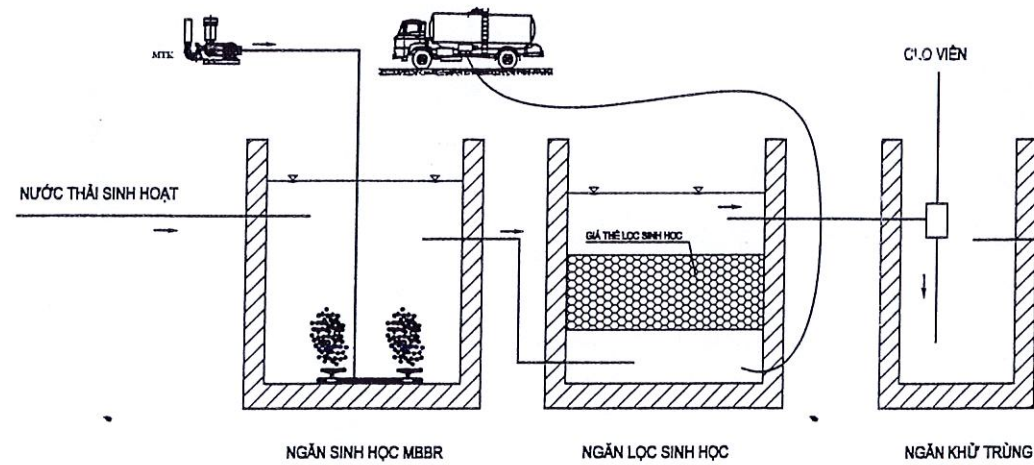
MẶT BẰNG BỂ XLNT

STT	KÝ HIỆU	BẢNG GHI CHÚ	GHI CHÚ
	T1	NGĂN SINH HỌC MBBR	
	T2	NGĂN LỌC SINH HỌC	
	T3	NGĂN KHỬ TRÙNG	

- Modul: Bể xử lý nước thải sinh hoạt MBBR
- Vật liệu: BTCT
- Kích thước: 2.6x1.4x1.6m



MẶT CẮT 1-1



SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

STT	KÝ HIỆU	BẢNG GHI CHÚ	GHI CHÚ
	MTK	MÁY THỔI KHÍ	
		ĐƯỜNG NƯỚC THẢI	
		ĐƯỜNG DẪN KHÍ	
		ĐƯỜNG HÓA CHẤT	
		ĐƯỜNG Bùn	

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ - PROJECT OWNER:
CÔNG TY CP VACXIN VIỆT NAM

M.S.D.N: 01010188-C.T.C.P
CÔNG TY
CỔ PHẦN
VACXIN
VIỆT NAM
P. ĐÔNG ĐÀ - TP HÀ NỘI

TÊN CÔNG TRÌNH - CONSTRUCTION:

**BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 5M³/NGÀY.ĐÊM**

Địa điểm: 17B, Đường Mai Hắc Đế, P. Quán Bàu - TP. Vinh - Nghệ An

HẠNG MỤC - PROJECT:

BỂ XLNT

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE:

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI

ĐƠN VỊ THI CÔNG:

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG TKP**

TKP

Địa chỉ: Ngõ số 8 - Nguyễn Chí Thanh - TP Vinh - Nghệ An
Tel: 0982.257.168 - Email: tvxttkp.vn@gmail.com

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0902038936 - C.T.C.P
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG
TKP
TP. VINH

KS. TRẦN ĐỨC MẠNH

NGƯỜI LẬP:

KS. VŨ VĂN MẠNH TOÀN

KỸ THUẬT THI CÔNG:

KS. PHẠM VĂN HIỂN

LOẠI HỒ SƠ - ISSUED FOR:

HỒ SƠ BẢN VẼ HOÀN CÔNG

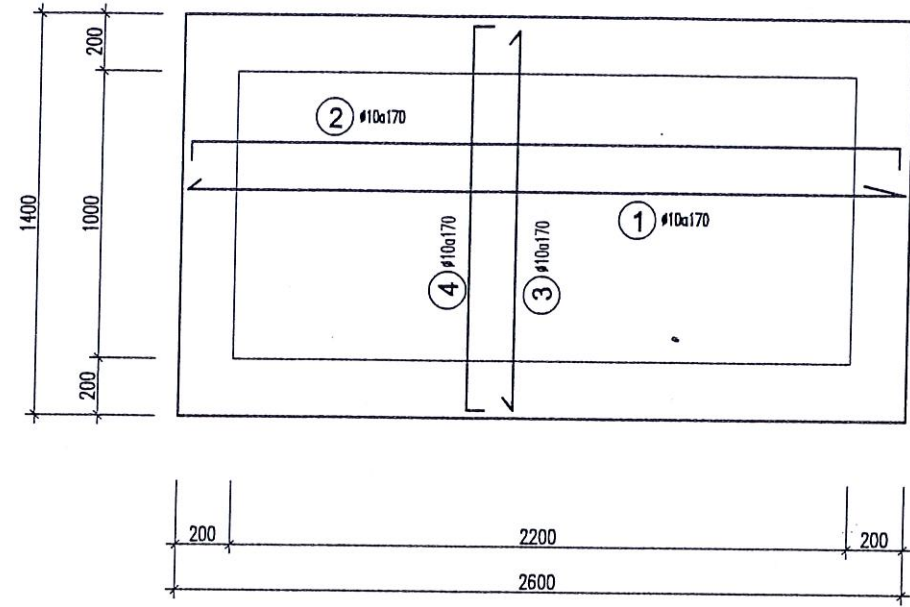
TỶ LỆ - SCALE 1/100

BẢN VẼ SỐ - DRAWING NO:

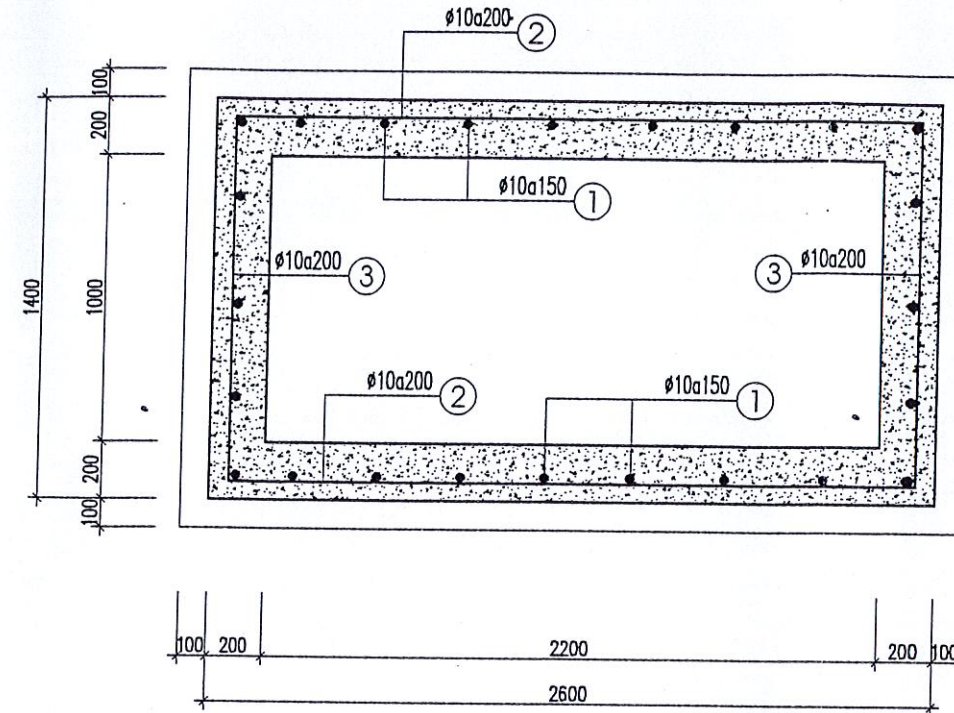
TÊN FILE - PATH FILE

TN-02

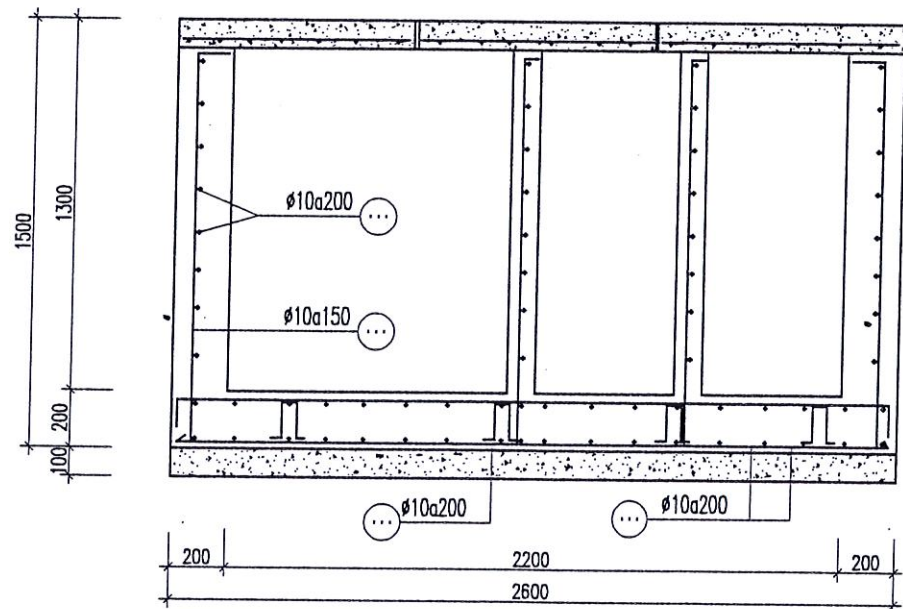
NGÀY HOÀN THÀNH - COMPLETION DATE THÁNG / 2024



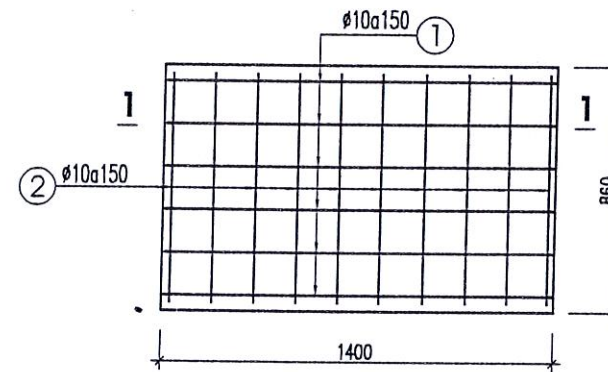
MẶT BẰNG THÉP MÓNG BỂ PHỐT



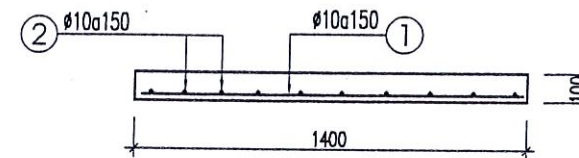
MẶT BẰNG THÉP TƯỜNG BỂ NƯỚC



MẶT CẮT BỐ TRÍ THÉP BỂ NƯỚC



MẶT BẰNG TẤM ĐÀN (3 TẤM)



MẶT CẮT 1-1

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ - PROJECT OWNER:
CÔNG TY CP. VACCIN VIỆT NAM



TÊN CÔNG TRÌNH - CONSTRUCTION:

**BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 5M³/NGÀY.ĐÊM**

Địa điểm: 17B, Đường Mai Hắc Đế, P. Quán Bàu - TP. Vinh - Nghệ An

HẠNG MỤC - PROJECT:

BỂ XLNT

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE:

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI

ĐƠN VỊ THI CÔNG:

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG TKP**



Địa chỉ: Ngõ số 8 - Nguyễn Chí Thanh - TP Vinh - Nghệ An
Tel: 0982.257.168 - Email: tvxdkp.vn@gmail.com

GIÁM ĐỐC



KS. TRẦN ĐỨC MẠNH

NGƯỜI LẬP:

KS. VŨ VĂN MẠNH TOÀN

KỸ THUẬT THI CÔNG:

KS. PHẠM VĂN HIẾN

LOẠI HỒ SƠ - ISSUED FOR:

HỒ SƠ BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TỶ LỆ - SCALE: 1/100

BẢN VẼ SỐ - DRAWING NO:

TÊN FILE - PATH FILE:

TN-03

NGÀY HOÀN THÀNH - COMPLETION DATE: THÁNG / 2024